

PHẠM THỊ THU HƯƠNG (Chủ biên)

TRỊNH THỊ MÀU – TRỊNH THỊ LAN – TRỊNH THỊ BÍCH THUY

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP

LỚP 11
TẬP HAI

Phát triển năng lực ...



STK-007000



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHẠM THỊ THU HƯỜNG (Chủ biên)

TRỊNH THỊ MÀU – TRỊNH THỊ LAN – TRỊNH THỊ BÍCH THUỶ

MỤC LỤC

Trang

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP

LỚP 11 – TẬP HAI

TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU

THƯ VIỆN

STIC-7006

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hoặc một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

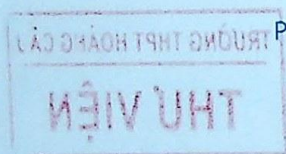
Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để việc ngày càng hoàn thiện hơn. Các ý kiến đóng góp và phản hồi về bản thảo và bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ email: ketnoachung@hqp.edu.vn

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế ISBN 978-604-24-3278-4

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



UNIVERSITY OF EDUCATION PUBLISHING HOUSE



PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG
QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP
LỚP 11 – TẬP HAI

Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên)
Trịnh Thị Màu – Trịnh Thị Lan – Trịnh Thị Bích Thuỷ

Bản quyền xuất bản thuộc về Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
Mọi hình thức sao chép toàn bộ hay một phần hoặc các hình thức phát hành
mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm đều là vi phạm pháp luật.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và dịch vụ bản quyền
xin vui lòng gửi về địa chỉ email: kehoach@nxbdhsp.edu.vn

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế: ISBN 978-604-54-3978-4

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU.....	4
LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Xuất dương lưu biệt) – Phan Bội Châu.....	5
HẦU TRỜI – Tản Đà.....	10
VỘI VÀNG – Xuân Diệu.....	14
TRÀNG GIANG – Huy Cận.....	20
ĐÂY THÔN VĨ DẠ – Hàn Mặc Tử.....	28
CHIỀU TỐI (Mộ) – Hồ Chí Minh.....	34
TỪ ẤY – Tố Hữu.....	38
TÔI YÊU EM – A.X. Pu-skin.....	42
NGƯỜI TRONG BAO – A.P. Sê-khốp.....	46
NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN (Trích Những người khốn khổ) – V. Huy-gô.....	52
VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Trích Đạo đức và luân lí Đông Tây) – Phan Châu Trinh.....	56
BA CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI CỦA CÁC MÁC – Ăng-ghe-n.....	62
MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA (Trích) – Hoài Thanh.....	66
NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU.....	69
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG.....	74

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo và các em học sinh thân mến!

Đọc là một trong những năng lực quan trọng nhất của con người. Chúng ta học để đọc, đọc để tiếp tục học hỏi, mở mang hiểu biết, khám phá thế giới và hiểu sâu sắc hơn về chính bản thân mình. Bởi vậy hướng đến “quốc gia của những độc giả” đã trở thành mục tiêu của nhiều nền giáo dục tiên tiến trên toàn cầu.

Trong thế giới phong phú, rộng lớn đang không ngừng mở rộng biên giới của đối tượng đọc, văn bản văn chương có một “lực hấp dẫn” đặc biệt, vừa gần gũi, vừa xa cách, vừa thú vị, vừa thách thức, vừa muôn đời vẫn vậy, vừa không ngừng mang phẩm chất của “lời tự lớn lên”, vừa lưu giữ, bảo tồn, bất tử hoá những khoảnh khắc mãi mãi đã đi qua, vừa mở về phía trước, “can dự” vào đời sống đương đại từ hoạt động tiếp nhận của độc giả.

Trong nhà trường phổ thông, mỗi học sinh là một bạn đọc sáng tạo. Học sinh cần được học cách đọc để có thể trở thành độc giả độc lập, có khả năng tự chiếm lĩnh văn bản nghệ thuật đáp ứng các mục tiêu khác nhau và phát triển toàn diện bản thân. Bộ sách “PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP” là một trong những cách thức giúp các em hướng đến mục tiêu đó.

Các phiếu học tập giúp học sinh trực tiếp làm việc với văn bản, với thế giới của câu chữ, con người và đời sống được khám phá, tổ chức theo phương thức nghệ thuật riêng của mỗi tác giả. Hành trình thú vị, tự thử thách bản thân của hoạt động đọc văn được bắt đầu từ việc huy động những gì gần gũi, quen thuộc, có ý nghĩa mà học sinh đã trải nghiệm để bước vào cánh cửa văn chương; đọc lướt tác phẩm để định hướng ban đầu; đọc sâu vào từng khía cạnh của văn bản để hình dung, tưởng tượng, nhập thân vào thế giới nghệ thuật, trải nghiệm những chiều kích khác vô cùng phong phú của đời sống; đọc suy luận để cắt nghĩa, lí giải, làm đầy những khoảng trống im lặng của mỗi trang văn; đọc kết nối để thấy điều văn học thể hiện thật gần bó với những gì đang hiện hữu ở “cuộc sống quanh ta”, tác phẩm văn học đang thực sự giúp ta lớn lên từng ngày trong hiểu biết, ứng xử, suy ngẫm như thế nào, mở rộng khung khổ quen thuộc của văn bản ra khỏi trang sách, thâm nhập vào đời sống, vào các “kênh” cảm nhận và thể hiện “đa phương thức” khác... Đây cũng là cách các bộ sách giáo khoa của nhiều nền giáo dục phát triển trên thế giới dạy học sinh đọc văn, nuôi giữ ngọn lửa tình yêu với văn chương trong bối cảnh bị cạnh tranh khốc liệt với các phương tiện giải trí nghe nhìn và tâm lí tiếp nhận của một thế hệ bạn đọc mới có rất nhiều thay đổi so với truyền thống.

Hệ thống phiếu học tập cũng được thiết kế theo hướng tích cực hoá hoạt động của học sinh, khơi gợi hứng thú đọc, kích hoạt sự sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng tự học của học sinh. Đây là bộ công cụ hấp dẫn, hiệu quả, học sinh có thể sử dụng để soạn bài, học bài mới, ôn tập, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, làm việc với cộng đồng. Đây cũng là phương tiện dạy học hỗ trợ đắc lực cho giáo viên, giúp người dạy tổ chức hoạt động trên lớp, kiểm tra đánh giá, gợi ý các hoạt động và hình thức tổ chức hoạt động mới mẻ, giúp các thầy cô thực sự trở thành những chuyên gia sáng tạo trong nghề nghiệp của mình.

Thấu hiểu và chia sẻ sâu sắc với những gì môn học Ngữ văn và nhà trường đang đối mặt, chúng tôi trân trọng giới thiệu với các thầy cô và các em học sinh trung học phổ thông bộ sách này (gồm 6 cuốn tương ứng với 3 lớp: 10, 11, 12). Nhân đây, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc đến các tác giả của những tư liệu mà chúng tôi đã sử dụng trong quá trình biên soạn bộ sách này. Chúng tôi mong muốn nhận được những phản hồi, đóng góp của bạn đọc để bổ sung, hoàn thiện tốt hơn.

CÁC TÁC GIẢ

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Xuất dương lưu biệt)

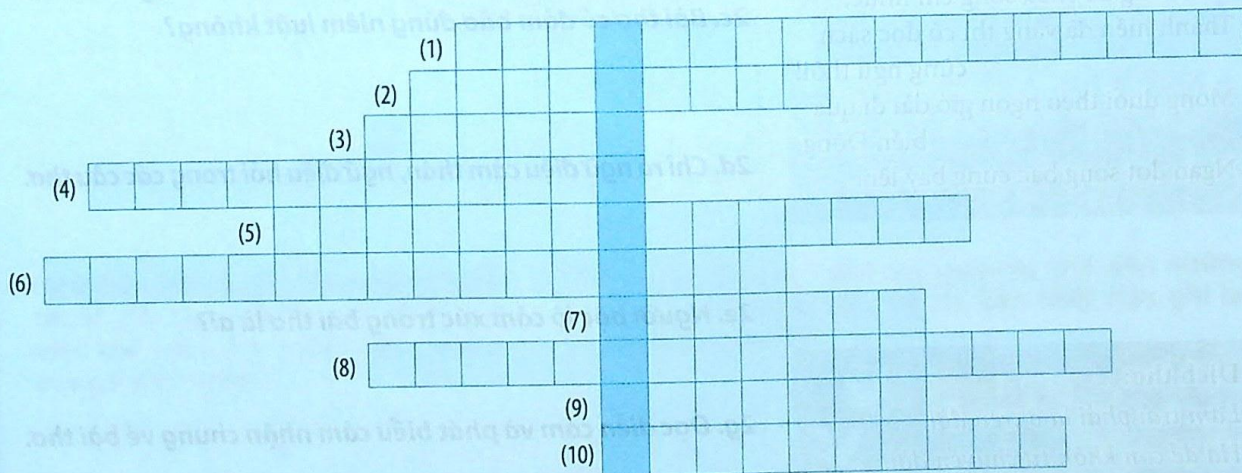
Phan Bội Châu

1. Hình ảnh những con sóng đại dương như bay lên trong bức ảnh bên gợi cho anh/chị ấn tượng và cảm nhận gì? Hãy chia sẻ bằng lời cảm nhận đó.



2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK và dựa vào gợi ý dưới đây để hoàn thành ô chữ sau:

- (1) Đây là đánh giá về vị trí của Phan Bội Châu trong dòng văn thơ cách mạng đầu thế kỉ XX.
- (2) Đây là tên tổ chức cách mạng mà Phan Bội Châu lập ra.
- (3) Đây là phong trào do Phan Bội Châu lãnh đạo.
- (4) Phan Bội Châu quê ở ...
- (5) Đây là tên một tác phẩm của Phan Bội Châu, được viết trong thời kì lưu vong ở nước ngoài.
- (6) Đặc điểm nổi bật của thơ văn Phan Bội Châu là ...
- (7) Thời gian ra đời của bài thơ *Lưu biệt khi xuất dương* là ...
- (8) Đây là tên một tác phẩm ra đời vào năm 1906 của Phan Bội Châu.
- (9) Bài *Lưu biệt khi xuất dương* được sáng tác để từ giã bạn bè, đồng chí trước lúc Phan Bội Châu lên đường sang ...
- (10) Phan Bội Châu đã đỗ ... vào năm 1900.



Từ khoá của ô chữ vừa tìm được gợi cho anh/chị ấn tượng, suy nghĩ gì về con người và sự nghiệp của tác giả Phan Bội Châu?

3. Dựa vào phần *Tiểu dẫn* và ô chữ vừa hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu bằng lời những nét cơ bản về tác giả Phan Bội Châu và bài thơ *Lưu biệt khi xuất dương*.

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Xuất dương lưu biệt)

Phan Bội Châu

Phiên âm:

Sinh vì nam tử yếu hi kì,
Khảng hứa càn khôn tự chuyển di.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Khởi thiên tải hậu cánh vô thù.
Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,
Hiển thánh liêu nhiên tụng diệc si!
Nguyên trực trường phong Đông hải khứ,
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Dịch nghĩa:

Đã sinh là kẻ nam nhi thì cũng phải
mong có điều lạ,
Há lại để trời đất tự chuyển vần lấy sao!
Giữa khoảng trăm năm này, phải có
ta chứ,
Chẳng nhẽ ngàn năm sau lại không có
ai (để lại tên tuổi) ư?
Non sông đã chết, sống chỉ nhục,
Thánh hiền đã vắng thì có đọc sách
cũng ngu thôi!
Mong đuổi theo ngọn gió dài đi qua
biển Đông,
Ngàn đợt sóng bạc cùng bay lên.

Dịch thơ:

Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển đời.
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?
Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiển thánh còn đâu, học cũng hoài!
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.
(Tôn Quang Phiệt dịch)

1. Căn cứ vào bản dịch nghĩa để đối chiếu giữa phiên âm và dịch thơ. Dùng bút màu đánh dấu vào các chỗ khác nhau trên hai bản này và minh chứng khác nhau ở bản dịch nghĩa.
2. Quan sát bảng luật thơ dưới đây và trả lời các câu hỏi để tìm hiểu chung về văn bản *Lưu biệt khi xuất dương*:

Thơ luật bằng:

B - B - T - T - T - B - B (vần)
T - T - B - B - T - T - B (vần)
T - T - B - B - B - T - T
B - B - T - T - T - B - B (vần)
B - B - T - T - B - B - T
T - T - B - B - T - T - B (vần)
T - T - B - B - B - T - T
B - B - T - T - T - B - B (vần)

- Chữ thứ hai của câu đầu tiên là thanh bằng thì bài thơ theo luật vần bằng và ngược lại.
- Các chữ ở vị trí 2, 4, 6 trong câu thơ bắt buộc phải tuân thủ luật bằng trắc.
- Niêm: chữ thứ hai của các dòng 1 và 8; 2 và 3; 4 và 5; 6 và 7 phải cùng thanh.

2a. Văn bản được viết theo thể thơ nào?

2b. Đánh dấu vào những chỗ hiệp vần, đối trong bài thơ.

2c. Bài thơ có đảm bảo đúng niêm luật không?

2d. Chỉ ra ngữ điệu cảm thán, ngữ điệu hỏi trong các câu thơ.

2e. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là ai?

2g. Đọc diễn cảm và phát biểu cảm nhận chung về bài thơ.

2h. Nên phân tích bài thơ theo cách nào? Vì sao?

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Xuất dương lưu biệt)

Phan Bội Châu

Ghi chú bên lề theo gợi dẫn dưới đây để phân tích bốn câu đầu của bài thơ:

1. Từ ngữ nào chỉ không gian, thời gian trong các câu thơ?

Nêu nhận xét về không gian, thời gian đó.

Không gian, thời gian này có tác dụng gì trong việc thể hiện tâm vóc của *cái tôi* trữ tình?

2. *Cái tôi* trữ tình tự xưng là...

Cách tự xưng đó có gì lạ so với truyền thống của văn học trung đại? Nó thể hiện điều gì ở *cái tôi* trữ tình?

Làm trai phải lạ ở trên đời
(Sinh vì nam tử yếu hi kì.)

Há để càn khôn tự chuyển dời.
(Khằng hứa càn khôn tự chuyển dời.)

Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
(Ư bách niên trung tu hữu ngã.)

Sau này muôn thuở, há không ai?
(Khởi thiên tải hậu cánh vô thủy.)

3. Anh/Chị hiểu thế nào về chữ "hi kì"? *Cái tôi* trữ tình quan niệm như thế nào về chí làm trai?

4. Ngữ điệu hỏi và cảm thán cùng nghệ thuật đối tạo ra hiệu quả gì trong việc thể hiện suy nghĩ, quan niệm của *cái tôi* trữ tình?

5. Các dòng thơ này gợi cho anh/chị nhớ đến những câu thơ nào cũng viết về chí làm trai? Hãy ghi lại những câu thơ đó.

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Xuất dương lưu biệt)

Phan Bội Châu

Tìm hiểu hai câu luận theo gợi dẫn dưới đây:

1. Huy động tri thức nền

- Sách vở thánh hiền là gì? Nó có vai trò như thế nào với nhà nho truyền thống?
- Nhân dân ta thường quan niệm như thế nào về lẽ sống chết ở đời?
- Tác giả Phan Bội Châu là người có học vấn như thế nào?

2. "Non sông đã chết" là ...

Anh/Chị thấy tâm trạng của *cái tôi* trữ tình như thế nào khi viết "non sông đã chết"?

Non sông đã chết, sống thêm nhục
Hiền thánh còn đâu học cũng hoài!
(Dịch nghĩa:
Non sông đã chết, sống chỉ nhục,
Thánh hiền đã vắng thì có đọc sách
cũng ngu thôi!)

3. Sách thánh hiền biểu tượng cho điều gì?

"Thánh hiền đã vắng" được hiểu là ...

"Đọc sách cũng ngu thôi" được hiểu là ...

4. Tìm hiểu nghệ thuật thể hiện trong hai câu luận.

- Chỉ ra phép đối:
- Chỉ ra giọng điệu:
- Phân tích hiệu quả của phép đối và giọng điệu:

5. Đối chiếu hai câu luận với phần tri thức nền trong mục 1, anh/chị thấy:

- *Cái tôi* tác giả là người như thế nào?
- Lí do gì khiến tác giả có được nhận thức, suy nghĩ như vậy?

6. Lời thơ của Phan Bội Châu gợi cho anh/chị nhớ đến những câu thơ, câu văn nào có cùng quan niệm như vậy về sách vở thánh hiền? Hãy ghi lại những câu thơ, câu văn đó.

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG (Xuất dương lưu biệt)

Phan Bội Châu

Phiếu học tập số
5

Phân tích hai câu kết của bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

1. Liệt kê các hình ảnh thiên nhiên trong hai câu kết:

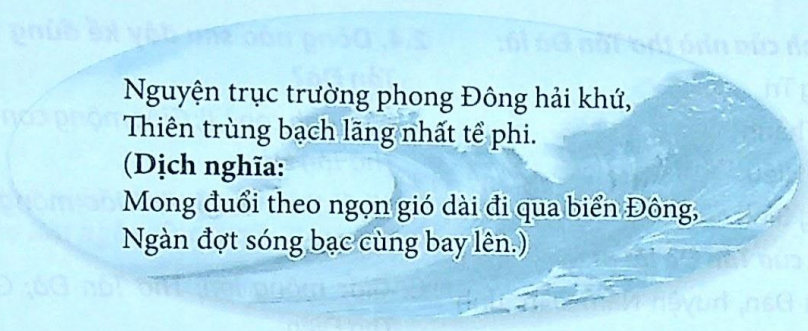
Các hình ảnh này có đặc điểm gì và có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cái tôi trữ tình?

Các hình ảnh này gợi cho anh/chị tưởng tượng như thế nào?

+ Gợi cảm nhận thị giác:

+ Gợi cảm nhận thính giác:

+ Gợi cảm giác:



Nguyễn trức trường phong Đông hải khứ,
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

(Dịch nghĩa:

Mong đuổi theo ngọn gió dài đi qua biển Đông,
Ngàn đợt sóng bạc cùng bay lên.)

2. Anh/Chị hình dung như thế nào về *cái tôi* trữ tình Phan Bội Châu trong hai câu kết?

– Về giọng điệu:

– Về tư thế lên đường:

– Về cảm xúc lên đường:

3. Bài thơ này có thể tác động như thế nào đến thế hệ thanh niên lúc đó? Vì sao nó có sức tác động như vậy? Hãy tìm câu trả lời bằng cách đọc văn bản trong phần Ngữ liệu đọc hiểu tr. 69 và bài thơ.

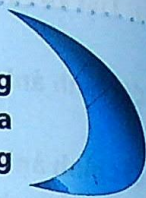
4. Bài thơ này khơi dậy trong anh/chị khát vọng dẫn thân, cống hiến như thế nào?



TRƯỚC KHI ĐỌC



Hãy chia sẻ bằng lời về giấc mơ bay bổng nhất mà anh/chị từng có. Cảm giác của bạn khi tỉnh dậy là gì? (Tiếc nuối, mong đợi hay là cảm xúc gì khác?)



2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK để lựa chọn đáp án đúng cho các ý sau:

2.1. Tên khai sinh của nhà thơ Tản Đà là:

- A. Nguyễn Trọng Trí
- B. Nguyễn Kim Thành
- C. Nguyễn Khắc Hiếu
- D. Nguyễn Trọng Bính

2.2. Quê hương của Tản Đà là:

- A. Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- B. Làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội).
- C. Làng Trảo Nha (nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
- D. Làng Ân Phú, huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh.

2.3. Tản Đà được đánh giá là:

- A. Người mang dấu ấn của hai thế kỉ.
- B. Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới.
- C. Nhà thơ của lí tưởng cộng sản.
- D. Thi sĩ của đồng quê.

2.4. Dòng nào sau đây kể đúng tên tác phẩm của Tản Đà?

- A. Khối tình con I, II; Giấc mộng con I, II; Giấc mộng lớn; Thơ Tản Đà.
- B. Khối tình con I, II; Giấc mộng lớn; Thơ Tản Đà; Thơ thơ.
- C. Giấc mộng lớn; Thơ Tản Đà; Gửi hương cho gió; Thơ Diên.
- D. Giấc mộng con I, II; Thơ Tản Đà; Vũ trụ ca; Lửa thiêng.

2.5. Tản Đà được xem là một gạch nối của:

- A. Hai bộ phận văn học: văn học dân gian và văn học viết.
- B. Hai thành phần văn học: sáng tác bằng chữ Hán và sáng tác bằng chữ Nôm.
- C. Hai dòng văn học: văn học lãng mạn và văn học cách mạng.
- D. Hai thời đại văn học: trung đại và hiện đại.

2.6. Bài thơ *Hầu Trời* được in trong:

- A. Tập *Thơ Diên*, xuất bản năm 1938.
- B. Tập *Thơ thơ*, xuất bản năm 1938.
- C. Tập *Còn chơi*, xuất bản lần đầu năm 1921.
- D. Tập *Thơ Tản Đà*, xuất bản năm 1925.

3. Dựa vào kết quả của mục 2 và việc đọc phần *Tiểu dẫn*, anh/chị hãy giới thiệu bằng lời một vài nét về tác giả Tản Đà và bài thơ *Hầu Trời*.

Tìm hiểu câu chuyện hầu Trời của thi nhân theo gợi dẫn của sơ đồ dưới đây:

1a. Liệt kê chi tiết về không gian hạ giới.

1.
VÀO
CHUYỆN

1b. Cách vào chuyện của tác giả có gì độc đáo?

2a. Liệt kê chi tiết về không gian thiên đình.

2.
CHUYỆN
THI
SĨ
ĐỌC
THƠ
HẦU
TRỜI

2c. Nhân vật Trời hiện lên như thế nào?

2b. Các chư tiên thể hiện cảm xúc, thái độ như thế nào khi nghe đọc thơ?

2d. Thái độ của Trời và các chư tiên tác động như thế nào đến việc đọc thơ của thi sĩ?

3a. Sự việc kết thúc câu chuyện là gì?

3.
KẾT
CHUYỆN

3b. Nêu chi tiết thể hiện không gian hạ giới khi câu chuyện kết thúc.

4. Theo trật tự bài thơ, hãy chỉ ra giọng điệu của từng nhân vật. Sự đan xen các giọng điệu này tạo ra hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

5. Nhận xét về nghệ thuật thể hiện không gian trong bài thơ.

Đọc phần văn bản từ "Chư tiên ngồi quanh đã tỉnh tức" đến "Sông Đà núi Tản nước Nam Việt" để cảm nhận về nhân vật trung tâm của "sân khấu văn chương hầu Trời" theo gợi dẫn dưới đây:

1. Từ lời của Trời, chư tiên và của chính thi sĩ, có thể thấy cái tài tác giả đặc ý khoe là:

2. Cái tài của thi sĩ được biểu hiện ở các phương diện như:

3. Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng để "khoe tài" là:

4. Giọng điệu, thái độ của thi sĩ khi nhận lời khen từ Trời và các chư tiên là:



5. Việc mượn lời Trời, các chư tiên để khen và tự khen bản thân cho thấy điều gì ở cái tôi Tản Đà?

6a. Những yếu tố nào xuất hiện trong lời xưng danh của tác giả?

"Dạ bẩm lạy Trời con xin thưa
Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn
Quê ở Á châu về Địa cầu
Sông Đà núi Tản nước Nam Việt."

6b. Sự xưng danh đó thể hiện ý thức cá nhân như thế nào?

6c. Đặt vào hoàn cảnh đất nước lúc đó, lời xưng danh thể hiện ý thức dân tộc của nhà thơ như thế nào?

7. Bố mẹ cho bạn một cái tên, quê hương cho bạn một nguồn cội. Nhưng liệu điều đó đã đủ để bạn có thể "xưng danh" tự hào trước cuộc đời?

Thực hiện theo gợi dẫn dưới đây để cảm nhận đoạn thơ từ “Bầm Trời, cảnh con thực nghèo khó” đến “... Biết làm có được mà dám theo” và niềm mong ước “Một năm ba trăm sáu mươi đêm – Sao được mỗi đêm lên hầu Trời” của thi nhân.

1. Liệt kê những điều thi sĩ trần tình với Trời về cảnh ngộ của mình ở chốn trần gian.

3. Lời trần tình này gợi cho anh/chị liên tưởng đến thân phận của các văn nhân, thi nhân trong các tác phẩm văn học khác như thế nào?

2. Lời trần tình này gợi cho anh/chị liên tưởng như thế nào đến cuộc đời thực của nhà thơ?

4. Lời trần tình và cảnh đọc thơ đầy đặc ý ở chốn thiên đình của thi nhân trước đó có giúp anh/chị lí giải vì sao tác giả lại mong ước: “Một năm ba trăm sáu mươi đêm – Sao được mỗi đêm lên hầu Trời” không?

TƯ LIỆU THAM KHẢO

TRỜI MẮNG

Tình riêng trăm ngẩn mười ngo
Ngồi buồn lấy giấy viết thơ hỏi Trời
Xem thơ, Trời cũng bật cười
Cười cho hạ giới có người oái oăm.

Khách hà nhân giả?
Cớ làm sao sống sã dám đưa thơ?
Chốn Thiên cung ai kén rể bao giờ?
Chi những sự vắn vơ mà giấy má
Chức Nữ tào từng giai tể giá
Hằng Nga bắt nạt bão phu miên
Mở then mây quảng giả bức hồng tiên,
Mời khách hãy ngồi yên trong cõi tục.
Người đâu kiếp trước Đông Phương Sóc
Ẩn trốn đào quen học thói ngày xưa
Trần gian đầy mãi không thừa!

(Theo Tản Đà toàn tập)





TRƯỚC KHI ĐỌC

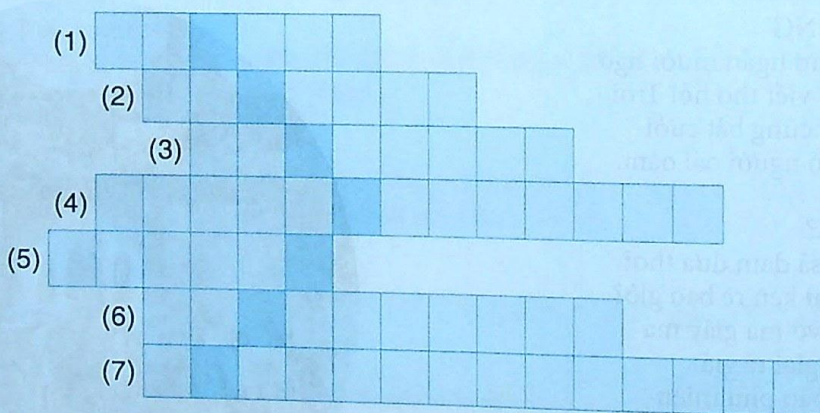
1. Cùng chia sẻ



Đã bao giờ anh/chị nhận thấy thời gian dường như không chờ đợi mình? Cảm xúc và hành động của anh/chị khi đó ra sao? Hãy chia sẻ bằng lời về điều này.

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK và dựa vào các gợi ý dưới đây để hoàn thành ô chữ sau:

- (1) Đây là quê nội của thi sĩ Xuân Diệu.
- (2) Xuân Diệu là nhà thơ "... trong các nhà thơ mới".
- (3) Quê mẹ của thi sĩ Xuân Diệu ở ...
- (4) Đây là tên một tác phẩm văn xuôi của Xuân Diệu.
- (5) Xuân Diệu có một giọng thơ sôi nổi và ...
- (6) Đây là tên một tập thơ ra đời năm 1960 của Xuân Diệu.
- (7) Tập thơ ra đời năm 1945 của Xuân Diệu có nhan đề là ...



3. Từ khoá của ô chữ vừa tìm được cho anh/chị biết điều gì đặc biệt về thi sĩ Xuân Diệu? Dựa vào phần *Tiểu dẫn* và ô chữ vừa hoàn thành, hãy giới thiệu bằng lời về nhà thơ.

Đọc lướt bài thơ *Vội vàng* theo gợi dẫn dưới đây:

VỘI VÀNG

Xuân Diệu

Tôi muốn muốn tắt nắng đi
...
Cho hương đừng bay đi.

Của ong bướm này đây tuần tháng mật
...
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
...
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
...
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

1. Nhan đề của bài thơ có gì đặc biệt?

2. Ai là người đang bộc lộ cảm xúc trong bài thơ? Người đó hiện ra qua đại từ nào?

3. Theo văn bản, ở bốn câu thơ đầu, *cái tôi* trữ tình mong muốn điều gì? Vì sao?

4. Hãy chọn trong đoạn thơ thứ hai, câu thơ thể hiện rõ nhất trạng thái cảm xúc của *cái tôi* trữ tình.

5. Đoạn thơ thứ ba cho biết vì sao *cái tôi* trữ tình lại “vội vàng”?

6. Trong đoạn thơ cuối, *cái tôi* trữ tình hiện ra qua đại từ nào? *Cái tôi* trữ tình ấy tự thúc giục mình điều gì và đã thực hiện điều giục giã ấy bằng cách nào?

7. Hãy chỉ ra bố cục của bài thơ.

VỘI VÀNG Xuân Diệu

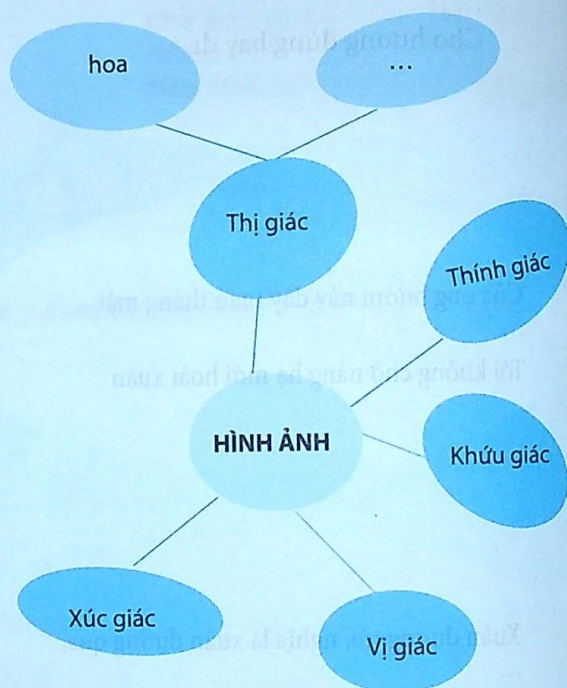
Đọc diễn cảm đoạn thơ và tìm hiểu bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.

1. Gạch một gạch dưới từ ngữ chỉ hành động, gạch hai gạch dưới từ ngữ chỉ mục đích của hành động của chủ thể trữ tình trong bốn câu đầu.

2. Đánh dấu vào các từ ngữ chỉ hình ảnh trong khổ thơ. Đưa hình ảnh đánh dấu vào sơ đồ theo mẫu sau:



3. Quan sát xem dấu câu trong đoạn có gì đặc biệt không. Vì sao tác giả sử dụng dấu câu như vậy?

4. Qua các mục 1, 2, 3, hãy hình dung và vẽ lại bằng ngôn từ hình tượng cái tôi trữ tình hiện ra trong đoạn thơ trên (tư thế, ánh mắt, cử chỉ, giọng điệu, cảm xúc,...) theo gợi ý dẫn sau đây hoặc tự diễn đạt theo cách khác:

Theo lời thơ, đọc giả như thấy hiện ra trước mắt mình hình tượng cái tôi trữ tình tác giả...

Tìm hiểu đoạn thơ sau theo gợi dẫn dưới đây:

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ tàn phai sắp sửa?
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...

1. Quan niệm truyền thống về thời gian được thể hiện qua cụm từ nào trong đoạn thơ?

2. Hãy suy luận xem quan niệm như vậy tạo cho con người cách ứng xử như thế nào trước thời gian.

3. Gạch chân các từ ngữ chỉ bước đi của "xuân" và đưa vào sơ đồ:

Xuân: đương tới →

4. Theo bước đi của "xuân", cái tôi trữ tình nhận ra mình có còn mãi với thời gian không?

5. Theo bước đi của "xuân", cái tôi trữ tình thấy mình như thế nào?

7. Chỉ ra các yếu tố nghệ thuật nổi bật trong đoạn thơ và hiệu quả của chúng.

6. Thời gian được cảm nhận tinh tế như thế nào qua đoạn thơ "Mùi tháng năm... độ phai tàn sắp sửa"?

TRƯỜNG THPT HUAT GIỚI

THƯ VIỆN

STC - 7006

Tìm hiểu đoạn kết của bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi thơm,
cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

1. Đánh dấu bằng bút màu vào những chữ được hiệp vần giữa các câu thơ. Gạch một gạch dưới các từ ngữ được điệp lại trong đoạn. Gạch hai gạch dưới các động từ. Khoanh vào các từ láy.

2. Sử dụng dấu gạch chéo để xác định nhịp ngắt của các câu thơ trong đoạn.

3. Hãy đọc diễn cảm đoạn thơ và phát biểu bằng lời cảm nhận của anh/chị.

Thơ mới rất giàu nhạc điệu. Tính nhạc trong các bài thơ chủ yếu được làm nên từ sự phối hợp thanh điệu, vần điệu, nhịp điệu, sự hài âm... Khác với nhạc tính của thơ trung đại được tạo ra từ sự tuân thủ niêm luật, nhạc điệu trong Thơ mới là nhịp lòng, nhịp hồn, nhịp cảm xúc tự nhiên của *cái tôi* trữ tình. Để cảm nhận nhạc tính, cần đọc diễn cảm nhiều lần bài thơ.

Hãy chỉ ra và trải nghiệm nhạc tính của đoạn thơ theo gợi dẫn. Từ đó phân tích đoạn thơ.

4. Liệt kê các từ ngữ thể hiện bức tranh đời sống trong đoạn thơ.

Hãy hình dung và vẽ lại bức tranh đó bằng ngôn từ.

5. *Cái tôi* Xuân Diệu hiện ra qua đại từ nào? Vì sao tác giả lại sử dụng đại từ đó? Anh/Chị hãy hình dung và miêu tả lại *cái tôi* ấy trong đoạn thơ (Xuất hiện ở đâu trong bức tranh đời sống? Mang ước muốn và khát vọng gì? Ánh mắt, vòng tay và cảm giác của *cái tôi* hiện lên ra sao? Các biện pháp nghệ thuật nào góp phần thể hiện *cái tôi* đó?,...).

6. Vậy theo tác giả, thế nào là sống "vội vàng"?

Thực hiện cuộc giao tiếp văn học về chủ đề "Sống" theo gợi dẫn dưới đây:

3. Tác giả của câu chuyện tranh *Khi ta sống một cuộc đời nhợt nhèo* (Ngữ liệu đọc hiểu tr. 70 – 71):

1. Xuân Diệu trong *Vội vàng*, *Giục giã*:
"Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua – Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già", cho nên: "Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm" và "Mau với chứ, vội vàng lên với chứ! – Em, em ơi, tình non đã già rồi".

SỐNG

2. Nguyễn Ngọc Thuần trong *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*: "Trong nhịp sống ồn ào, vội vã hôm nay, đôi khi ta cũng cần dừng lại, mua thêm cho mình một chút suy tư, một chút nhớ mong, một chút bình yên, để lấy sức và rồi tiếp tục bước đi".

"Sống?" là câu hỏi lớn mà ai và thế hệ nào cũng tự hỏi mình. "Sống!" là câu trả lời luôn mở, ai và thế hệ nào cũng cần có cho mình lời đáp.

Hãy hình dung một cuộc giao tiếp về chủ đề thú vị và bất tận này bằng cách nhập vai và ghi vắn tắt ý kiến của mỗi nhân vật trên đây mà chúng ta có thể "đọc" ra từ tác phẩm của họ vào các ô tương ứng. Tham gia vào cuộc giao tiếp này, anh/chị sẽ nói gì?

4. Còn tôi



TRƯỚC KHI ĐỌC

Dòng sông trong tôi

1. Anh/Chị đã từng biết đến những tác phẩm văn học nào viết về dòng sông?

Đứng trước một dòng sông mênh mang sóng nước, anh/chị thường có cảm xúc, suy nghĩ gì? Hãy chia sẻ bằng lời những cảm xúc, suy nghĩ đó.

2. Dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK, hãy đánh dấu x vào các ô nêu đúng thông tin về nhà thơ Huy Cận và bài thơ *Tràng giang*:

Sinh năm 1919, mất năm 2005; tên khai sinh là Cù Huy Cận.
☐

Quê "Cha Đàng Ngoài, mẹ ở Đàng Trong"...
☐

Hoạt động trong Mặt trận Việt Minh từ trước Cách mạng tháng Tám, sau Cách mạng giữ nhiều trọng trách.
☐

Lửa thiêng là tập thơ đầu tay, sáng tác trước Cách mạng tháng Tám.
☐

Thơ hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.
☐

Bài thơ *Tràng giang* viết vào mùa thu năm 1939, cảm xúc được khơi gợi từ cảnh sông Hồng mênh mang sóng nước.
☐

Bài thơ *Tràng giang* viết vào năm 1938, được gợi cảm hứng từ mối tình của tác giả với một cô gái vốn quê Vĩ Dạ.
☐

Con người, học vấn, lối sống, sự nghiệp văn chương mang dấu ấn "người của hai thế kỉ".
☐

Được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.
☐

Thơ thơ là tập thơ sáng tác đầu tay, ra đời trước Cách mạng tháng Tám.
☐

Quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh.
☐

3. Dựa vào kết quả hoàn thành trong mục 2, anh/chị hãy giới thiệu bằng lời về nhà thơ Huy Cận và bài thơ *Tràng giang*.

Cảm nhận và phân tích nhạc điệu của bài thơ theo gợi dẫn:

TRÀNG GIANG

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,

Con thuyền xuôi mái nước song song,

Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;

Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.

Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;

Mênh mông không một chuyến đò ngang.

Không cầu gợi chút niềm thân mật,

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,

Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.

Lòng quê dợn dợn vời con nước,

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.



Thơ trữ tình là thể loại rất giàu nhạc tính. Vì vậy, thơ sinh ra không chỉ để tiếp nhận bằng mắt mà còn cần được đọc thành tiếng, đọc diễn cảm để lắng nghe âm điệu, nhập thân vào thế giới cảm xúc của nhân vật trữ tình.

1. Hãy đọc diễn cảm bài thơ ba lần và nêu cảm nhận chung của anh/chị.

Đọc bài thơ, cảm nhận chung của tôi là ...

2. Dùng dấu gạch chéo để xác định cách ngắt nhịp của từng dòng thơ. Cách ngắt nhịp đó có tác dụng như thế nào trong việc tạo hình và biểu cảm?

3. Ghi chữ B vào dưới các tiếng mang thanh bằng, chữ T vào dưới các tiếng mang thanh trắc trong từng dòng thơ. Đánh dấu vào các từ điệp lại nguyên vẹn, các cặp câu, cụm từ đối nhau trong bài thơ.

Sự hoà phối thanh điệu trong bài thơ gợi ra cảm nhận như thế nào về nhạc điệu, về sự tạo hình và biểu cảm?

TRĂNG GIANG

Huy Cận

Cảm nhận và phân tích nhạc điệu của bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

1. Chỉ ra các hình ảnh thể hiện bức tranh thiên nhiên bằng cách gạch nối theo mẫu.

1a. Các hình ảnh thiên nhiên trong bức tranh "trăng giang" có mối tương quan với nhau như thế nào?

1.b. Hãy cảm nhận về bức tranh "trăng giang" qua gợi dẫn sau:

- Dòng "trăng giang" hiện ra như thế nào?

- "Trăng giang" được gợi cảm hứng từ dòng sông nào?

- Dòng "trăng giang" có thể là biểu tượng cho điều gì?

- Không gian trong bức tranh được mở ra mọi chiều hướng tưởng như đến vô biên như thế nào?

+ Chiều rộng: ...

+ Chiều dài: ...

+ Chiều cao, chiều sâu: ...

TRĂNG GIANG

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

Sóng gợn trăng giang buồn điệp điệp,

Con thuyền xuôi mái nước song song,

Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;

Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.

Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;

Mênh mông không một chuyến đò ngang.

Không cầu gợi chút niềm thân mật,

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,

Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.

Lòng quê dợn dợn vời con nước,

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

THIÊN
NHIÊN

CON NGƯỜI

2. Tìm các hình ảnh gợi ra cảm nhận, liên tưởng về con người bằng cách gạch nối theo mẫu.

2a. Các hình ảnh gợi ra thân phận như thế nào của con người?

2b. Trong tương quan với thiên nhiên, vũ trụ, bóng dáng con người hiện lên ra sao ở bức tranh "trăng giang"?

Đọc diễn cảm và phân tích khổ thơ mở đầu theo gợi dẫn dưới đây:

1. Vẽ lại bằng ngôn từ của anh/chị bức tranh "tràng giang" trong khổ thơ theo cách mở đầu sau (hoặc tự chọn cách diễn đạt khác):

Lời thơ vẽ ra trước mắt tôi một bức tranh "tràng giang" với ...

2a. Từng hình ảnh sau đây gợi ra cảm nhận gì cho anh/chị?

– Con thuyền xuôi mái: ...

– Thuyền về, nước lại: ...

– Cúi một cảnh khô lác mấy dòng: ...

2b. Các hình ảnh đó biểu tượng cho điều gì?

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Cúi một cảnh khô lác mấy dòng.

3. Nhận xét về sự hòa phối thanh điệu, cấu trúc thơ của các cách diễn đạt sau:

- buồn điệp điệp – nước song song
- thuyền về – nước lại
- một cảnh khô – lác mấy dòng

4. Anh/Chị nhận thấy có mối tương quan đối lập nào được tác giả khắc họa trong khổ thơ? Tương quan đó gợi ra cảm giác như thế nào trong lòng người?

5. Khổ thơ gợi cho anh/chị liên tưởng đến những câu thơ, bài thơ nào? Hãy ghi lại.

Đọc diễn cảm và phân tích khổ thơ thứ hai theo gợi dẫn dưới đây:

1a. Ở dòng thơ thứ nhất, bức tranh "trăng giang" xuất hiện thêm những yếu tố miêu tả nào?

2a. Dòng thơ thứ hai có thể có mấy cách hiểu nghĩa? Cụ thể là gì?

1b. Sự xuất hiện của chúng gợi cảm giác gì cho người đọc? Hãy lí giải.

2b. Anh/Chị chọn cách hiểu nào? Vì sao?

1c. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong dòng thơ?

2c. Việc tìm kiếm "tiếng làng xa vắng chợ chiều" cho thấy tâm trạng gì của tác giả?

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

3. Ấn tượng nổi bật nhất hai dòng thơ cuối đem đến cho anh/chị là gì? Bắt đầu bằng cách diễn đạt sau (hoặc tự chọn cách diễn đạt khác):
Hai dòng thơ mở ra trước mắt tôi ...

4. Cụm từ "sâu chót vót" có gì lạ? Tác giả sử dụng cụm từ này có hợp lí không? Vì sao?

5. Trước không gian đó, cái tôi trữ tình cảm thấy như thế nào?

6. Trong khổ thơ này, anh/chị thấy tác giả Huy Cận đã học được điều gì từ cách cấu tứ, bút pháp nghệ thuật của thơ Đường?

Đọc diễn cảm và phân tích khổ thơ thứ ba theo gợi dẫn dưới đây:

1a. Dòng thơ thứ nhất cho thấy bức tranh “tràng giang” xuất hiện thêm yếu tố miêu tả nào?

1b. Sự xuất hiện của chúng gợi ra liên tưởng như thế nào đến thân phận của con người?

2a. “Chuyến đò ngang” và cây “cầu” là phương tiện có ý nghĩa như thế nào trong đời sống?

2b. Nói “không một chuyến đò ngang”, “không cầu gợi chút niềm thân mật”, tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?

2c. Điều nhấn mạnh này được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

3. Ấn tượng nổi bật nhất mà khổ thơ đem đến cho anh/chị là gì? Bắt đầu bằng cách diễn đạt sau (hoặc tự chọn cách diễn đạt khác):

Đọc khổ thơ, tôi có cảm giác ...

4. Khổ thơ cho thấy tâm trạng gì của cái tôi trữ tình?

5. Hãy suy tầm và ghi lại hai câu thơ trong bài *Đào* của Huy Cận mà anh/chị thấy có điểm tương đồng về cảm xúc với khổ thơ này.

Đọc diễn cảm và phân tích khổ thơ kết theo gợi ý dẫn sau:

1a. Cảnh được miêu tả trong thời gian nào? Cảnh động hay tĩnh? Dựa vào đâu mà anh/chị có câu trả lời?

1b. Dấu hai chấm (:) đặt giữa dòng thơ thứ hai gợi ra mối quan hệ giữa các vận động trong cảnh như thế nào?

1c. Từ các câu trả lời trên, hãy tưởng tượng và vẽ lại bằng ngôn từ bức tranh thiên nhiên anh/chị hình dung ra từ khổ thơ.

2. Hãy tìm và ghi lại một số câu thơ cổ có hình ảnh cánh chim chiều.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

3a. Từ “dợn dợn” giàu sức tạo hình trong việc biểu đạt cảm xúc “lòng quê” như thế nào? Từ này có hài hoà với từ “điệp điệp” trong câu đầu bài thơ không?

3b. Một số văn bản thường chép sai từ này thành “dờn dợn”. Điều đó có thể dẫn đến hiểu không đúng về tâm trạng của cái tôi trữ tình như thế nào?

4. Ghi lại phiên âm và dịch thơ hai câu kết bài Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu.

5. “Lòng quê” và “nỗi nhớ nhà” cần được hiểu như thế nào khi đặt bài thơ vào thời đại mà nó ra đời?

6. Huy Cận tâm sự rằng bài thơ mang “nỗi buồn thế hệ”. Anh/Chị hiểu thế nào là “nỗi buồn thế hệ” và đó có thể là nỗi buồn về điều gì?

Những dòng sông hiền hoà, thơ mộng hay hùng vĩ, mệnh mang, chắt chiu phù sa nuôi bến bờ xứ sở. Những dòng sông tắm mát, vỗ về, an ủi, nâng đỡ tâm hồn bằng cái bao dung mở lòng ngọt ngào của nước.

Sông nuôi nấng tâm hồn thi sĩ. Sông dạo những bản tình ca êm đềm, những khúc tráng ca mạnh mẽ, kiêu hùng. Biết ơn những dòng sông để từ đó Trương Hán Siêu viết *Bạch Đằng giang phú*, để Văn Cao làm *Trường ca sông Lô*, để nhà văn Nguyễn Huy Thiệp tha thiết *Chảy đi, sông ơi!* Và để một chiều thu đã xa trước Cách mạng tháng Tám, Huy Cận đạp xe đến vùng Chèm, Vẽ, ngắm sông Hồng mà thấy "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài".

Nhưng... Con người đang bội bạc với những dòng sông! Nhiều dòng sông đang khóc! Và nhiều dòng sông đang chết!

Anh/Chị hãy thể hiện tình cảm và trách nhiệm của mình với những dòng sông quê hương bằng cách xây dựng dự án tìm hiểu về một dòng sông nơi mình sinh sống. Làm việc theo nhóm để ghi vào phiếu học tập những nội dung cơ bản của dự án (Tên dự án, Mục tiêu của dự án, Thời gian thực hiện, Dự kiến sản phẩm, Nhiệm vụ của từng thành viên, Dự kiến cách thức công bố sản phẩm,...).

The image shows a blank project worksheet template. It features a central vertical line with horizontal dividers, creating a series of rows for notes. On the right side, there is a large, stylized 'Project' header. The bottom left corner has a decorative floral illustration. The entire page is framed by a blue border.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

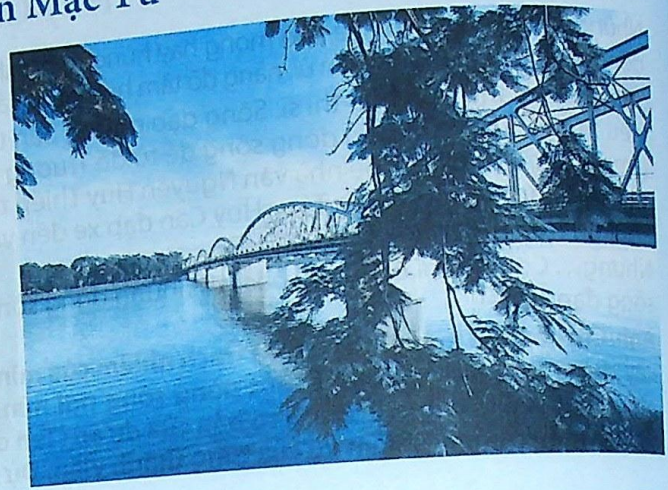
Hàn Mặc Tử



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

- Ấn tượng nổi bật của anh/chị về xứ Huế là gì? Hãy ghi lại vắn tắt để cùng chia sẻ!



- 2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, gạch chân các thông tin chính về cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ Hàn Mặc Tử để lập sơ đồ tư duy giới thiệu tác giả và tác phẩm *Đây thôn Vĩ Dạ*.



Nhà thơ Hàn Mặc Tử

- 3. Dựa vào kết quả đọc phần *Tiểu dẫn* và sơ đồ tư duy đã hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu bằng lời về nhà thơ Hàn Mặc Tử và bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*.

Tìm hiểu mạch cảm xúc trong bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

1. Ai đang chia sẻ cảm xúc trong bài thơ? Quan sát xem bài thơ có dấu hiệu gì đặc biệt?

2. Ở khổ thơ thứ nhất, cảnh và người thôn Vĩ hiện ra trong khoảnh khắc nào? Cảm xúc của cái tôi trữ tình ra sao?

3. Khổ thơ thứ hai gợi ra khung cảnh gì? Khung cảnh đó có huyền ảo không? Cái tôi trữ tình thể hiện tâm trạng gì?

4. Cảnh trong khổ thơ thứ ba có đặc điểm gì? Tâm trạng của cái tôi trữ tình ra sao?



Mạch cảm xúc trong bài thơ là sự tổ chức, thể hiện cảm xúc theo một cách thức nào đó. Tổ chức này chi phối đến việc lựa chọn ngôn từ, hình ảnh, mở đầu, kết thúc, sắp xếp các dòng, câu, khổ thơ.
Cảm xúc trong các bài Thơ mới được tổ chức theo mạch cảm xúc tự nhiên, từ trạng thái này sang trạng thái khác hoặc theo những khoảnh khắc tâm trạng. Mạch cảm xúc tự nhiên trong Thơ mới tạo ra các câu thơ điệu nói. Do sự chi phối của phong cách sáng tạo, có bài thơ cảm xúc liên mạch dễ quan sát, có bài thơ dường như cảm xúc “đứt gãy”, “nhảy cóc” từ trạng thái này sang trạng thái khác. Nhưng đọc và suy nghĩ kĩ vẫn có thể tìm ra sự kết dính nào đó ở bề sâu.

Hãy đọc bài *Đây thôn Vĩ Dạ* theo gợi dẫn để phát hiện và lí giải việc tổ chức cảm xúc riêng của tác giả trong bài thơ.

Cảnh:

Tâm trạng:

Cảnh:

Tâm trạng:

Cảnh:

Tâm trạng:

5. Hãy nhìn lại tất cả các câu trả lời trong quá trình đọc ban đầu của anh/chị. Sau đó ghi vào sơ đồ bên nội dung vấn đề về cảnh và tâm trạng của cái tôi trữ tình trong từng khổ thơ.

6. Các mũi tên gợi ra mạch cảm xúc trong bài thơ. Đường nét đứt chỉ mạch cảm xúc “đứt gãy”, “nhảy cóc”; đường nét liền chỉ mạch cảm xúc có mối liên hệ, kết dính với nhau. Anh/Chị có đồng ý với hình biểu thị mũi tên trên sơ đồ không? Vì sao?

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

Hàn Mặc Tử

1. Ghi chú bên lề theo gợi dẫn để tìm hiểu khổ thơ thứ nhất:

1a. Câu thơ thứ nhất

– Anh/Chị biết gì về thôn Vĩ Dạ?

– Hình thức câu thơ có gì đặc biệt? Đây là lời của ai? Thể hiện tâm trạng gì?

1b. Câu thơ thứ hai

– “Nắng hàng cau” gợi ra điều gì? Chữ “lên” trong “nắng mới lên” có tác dụng tạo hình như thế nào? Tưởng tượng và miêu tả cảnh hiện ra trong câu thơ.

– Hãy hình dung ánh mắt và tâm trạng của *cái tôi* trữ tình trong câu thơ.

1c. Câu thơ thứ ba

– Đại từ “*ai*” gợi cảm nhận như thế nào?

– Cụm từ “*mướt quá*” vẽ ra cảnh khu vườn như thế nào? Cảm xúc của *cái tôi* trữ tình hiện ra như thế nào qua từ ngữ này?

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

1d. Câu thơ thứ tư

– “Mặt chữ điền” là gương mặt của thi nhân – người trở về thôn Vĩ trong tâm tưởng hay của người Vĩ Dạ?

– Gương “mặt chữ điền” gợi ra cảm nhận về tính cách con người như thế nào? Ghi lại một vài câu ca dao có hình ảnh này.

– Chỉ ra biện pháp so sánh và tác dụng trong việc gợi hình, gợi cảm.

– “Lá trúc che ngang” tạo ra nét đẹp như thế nào cho gương “mặt chữ điền” trong bức tranh?

2. Đọc diễn cảm lại khổ thơ, nhìn vào phần vừa ghi chú để trình bày bằng lời cảm nhận của anh/chị về khổ thơ. (Gợi ý trật tự trình bày: Câu hỏi mở đầu → khu vườn Vĩ Dạ hiện ra trong tâm tưởng tác giả → tâm trạng, cảm xúc của thi nhân khi trở về trong tâm tưởng → con người xứ Huế hiện ra trong bức tranh và cảm xúc của nhà thơ,...)

1. Ghi chú bên lề theo gợi dẫn để tìm hiểu khổ thơ thứ hai:

1a. Câu thơ thứ nhất

Câu mở đầu gợi điều gì phi lí? Sự phi lí của tự nhiên này cho thấy tâm trạng gì của *cái tôi* trữ tình?

1b. Câu thơ thứ hai

Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Điều đó góp phần thể hiện tâm trạng con người như thế nào?

1c. Câu thơ thứ ba

– Đại từ phiếm chỉ “ai” gợi ra điều gì?

– Câu thơ này vẽ ra một khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

– “Trăng” có thể là biểu tượng cho điều gì?

Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?

1d. Câu thơ thứ tư

– Hướng vận động của trăng có gì khác với gió, mây, dòng nước?

– Chữ “kịp” trong câu hỏi “Có chờ trăng về kịp tối nay?” cho thấy tâm trạng gì của *cái tôi* trữ tình?

1e. Âm ảnh thời gian trong hai câu cuối có gì khác với Vội vàng của Xuân Diệu?

2. Đọc diễn cảm lại khổ thơ, nhìn vào phần vừa ghi chú để trình bày bằng lời cảm nhận của anh/chị về khổ thơ.

1. Ghi chú bên lề theo gợi dẫn để tìm hiểu khổ thơ thứ ba:

1a. Câu thơ thứ nhất

- “Khách đường xa” là ai? Phép điệp “khách đường xa” gợi ra điều gì?
- “Em” (câu thơ thứ hai) và “khách đường xa” có thể là biểu tượng cho điều gì?

1b. Câu thơ thứ hai

- Câu thơ thứ hai có thể hiểu theo hai cách như sau:
- Do áo lẫn vào sương khói nên nhìn không rõ.
 - Đây là một cách ca tụng sắc áo trắng đến lạ lùng.
- Anh/Chị chọn cách hiểu nào? Vì sao? Tìm trong bài thơ những từ ngữ có cách thể hiện tương tự như vậy.

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

1c. Câu thơ thứ ba

- “Ở đây” có thể có hai cách hiểu:
 - + Ở thôn Vĩ Dạ, xứ Huế.
 - + Ở trong cõi lòng của nhà thơ.
- Anh/Chị chọn cách hiểu nào? Vì sao?

1d. Câu thơ thứ tư

- Chỉ ra nghĩa của mỗi chữ “ai” trong câu thơ cuối.

- Anh/Chị hiểu “sương khói” trong câu thơ là khói sương của xứ Huế hay sương khói của hoài niệm, của mặc cảm chia lìa?

- Câu hỏi khép lại bài thơ thể hiện *cái tôi* ấy không tin hay không dám tin vào sự “đậm đà” của “tình ai”? Vì sao?

2. Đọc diễn cảm lại khổ thơ, nhìn vào phần vừa ghi chú để trình bày bằng lời cảm nhận của anh/chị về khổ thơ.

Khi biết mình bị mắc bệnh nan y, trong tận cùng niềm đau và sự phấp phỏng hoài nghi, âu lo, tiếc nuối, Hàn Mặc Tử đã viết *Đây thôn Vĩ Dạ* cùng tất cả tình yêu, sự thiết tha gắn bó với cuộc đời. Với bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*, Hàn Mặc Tử muốn nói cùng bạn biết bao điều về cuộc sống mến yêu này...

Hãy tưởng tượng và ghi lại thông điệp đó vào bức bưu thiếp dưới đây để cảm nhận tiếng lòng của thi nhân và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Bạn hãy...

Ở đây sương khói

mờ nhân ảnh

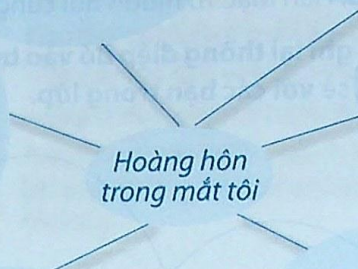
Ai biết tình ai

có đậm đà?



TRƯỚC KHI ĐỌC

- Những bình minh hé rạng, những trời chiều hoàng hôn từng có thể để lại trong tâm trí bạn nhiều ấn tượng đậm nét. Bắt đầu từ gợi ý ở trung tâm của sơ đồ mạng – Hoàng hôn trong mắt tôi – anh/chị hãy ghi lại vắn tắt tất cả những gì được đánh thức xung quanh thời điểm đặc biệt này và chia sẻ với cả lớp.



2. Văn bản

Phiên âm:

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch nghĩa:

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ.
Chòm mây lẻ trôi lững lờ trên
tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Dịch thơ:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa
tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

2a. Ghi lại hoàn cảnh ra đời, vị trí của bài thơ trong tập Nhật kí trong tù.

2b. Đối chiếu phân phiên âm và dịch thơ qua bản dịch nghĩa để xác định những chỗ chưa sát với nguyên tác.

2c. Ai là người đang bộc lộ cảm xúc trong bài thơ? Cảm xúc có được bộc lộ trực tiếp không?

2d. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Anh/Chị chọn cách tìm hiểu bài thơ theo kết cấu khai – thừa – chuyển – hợp hay theo bố cục hai phần: hai câu đầu – hai câu cuối? Nêu lí do cho cách lựa chọn đó.

1. Bức tranh thiên nhiên

1a. Bức tranh thiên nhiên được cảm nhận vào thời gian, địa điểm nào?

1b. Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ thuộc đề tài gì? Đề tài đó có quen thuộc không?

1c. Những hình ảnh nào được lựa chọn? Những hình ảnh đó được tác giả khắc hoạ như thế nào?

1d. Tác giả lựa chọn bút pháp gì để thể hiện bức tranh thiên nhiên? Bút pháp đó đem lại hiệu quả gì?

1e. Ghi lại các câu thơ ở những bài thơ khác có hình ảnh giống như tác giả đã lựa chọn.

1g. Dựa vào các câu trả lời trên, anh/chị hãy hình dung và vẽ lại bằng ngôn từ bức tranh thiên nhiên trong hai câu thơ đầu theo cách mở đầu sau (hoặc tự chọn cách diễn đạt khác):

Hai câu thơ mở ra trước mắt tôi ...

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;

Phân tích hai câu đầu trong bài thơ theo gợi dẫn.

2. Cảm xúc, tâm trạng của cái tôi trữ tình Hồ Chí Minh

2a. Câu thơ thứ hai trong bản dịch có từ ngữ nào chưa sát với nguyên tác? Các từ ngữ này hé mở tâm trạng gì của cái tôi trữ tình?

2b. Hình dung ánh mắt của cái tôi trữ tình thể hiện qua cảnh.

2c. Đặt câu thơ vào hoàn cảnh ra đời để tìm hiểu phía sau cái nhìn hướng về thiên nhiên là tâm trạng như thế nào của cái tôi trữ tình Hồ Chí Minh.

2d. Hai câu thơ cho thấy tình cảm nhà thơ dành cho thiên nhiên như thế nào?

Phân tích hai câu kết của bài thơ:

1. Bức tranh cuộc sống của con người

1a. Con người trong bức tranh là ai?

Con người được miêu tả trong hoạt động gì?

Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

Hoạt động này có thể gợi ra liên tưởng gì cho người đang quan sát?

1b. Chỉ ra biện pháp điệp vòng trong câu thơ.

Chỉ ra tác dụng của biện pháp điệp vòng trong việc "vẽ" ra động tác lao động, hình dáng, tâm trí,... của con người trong bức tranh.

1c. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của chữ "hồng":

- Trong việc thể hiện không gian, thời gian:
- Trong việc tạo hình và thể hiện con người lao động:
- Trong việc "vẽ" ra hình dung của người đọc về màu sắc, ánh sáng, không khí, cảm giác,...
- Trong việc gợi ra liên tưởng cho người đọc về người đang quan sát, miêu tả bức tranh:

Chỉ ra tác dụng của biện pháp điệp vòng trong việc thể hiện sự vận động của thời gian.

2. Tâm trạng, cảm xúc của cái tôi trữ tình

2a. Hình dung cái nhìn của nhà thơ trong hai câu kết.

2b. Qua cái nhìn đó, anh/chị nhận ra tâm trạng, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?

3. Sự vận động của mạch thơ

Hoàn thành nội dung sau để nhận diện sự vận động của mạch thơ:

Hai câu đầu: Bức tranh thiên nhiên

- + Hình ảnh: Bầu trời, chòm mây lẻ, cánh chim.
- + Không gian: Núi rừng hiu quạnh.
- + Thời gian: Chiều tà.
- + Tâm trạng của cái tôi trữ tình: buồn, cô đơn.

Hai câu kết: Bức tranh

- + Hình ảnh:
- + Không gian:
- + Thời gian:
- + Tâm trạng của cái tôi trữ tình: ...

Mạch thơ vận động theo hướng từ đến



1. Đưa thông tin chính trong phần *Tri thức đọc hiểu* vào sơ đồ so sánh sau:

THƠ CỔ

THƠ
HỒ CHÍ MINH

Điểm gặp gỡ

Hồ Chí Minh có sở trường về thơ chữ Hán. Người thường dùng thể tứ tuyệt cổ điển. Đây là thể thơ rất hàm súc, chứa một nội dung phong phú trong một khuôn khổ câu chữ hạn chế, vì thế nhà thơ thường phải tạo ra nhiều tầng nghĩa và cái gọi là ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại). Thơ tứ tuyệt Hồ Chí Minh có màu sắc cổ điển rất đậm đà, thể hiện ở hệ thống đề tài thường hướng về thiên nhiên (tác giả *Nhật kí trong tù* nhận xét: "Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp" – *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*). Thực ra thơ xưa cũng viết về nhiều tình cảm khác nữa, nhưng dù viết về nội dung gì thì cũng vẫn đặt nó trong khung cảnh cao sơn, lưu thủy (núi cao, nước chảy). Người xưa thường dễ có cảm hứng khi đứng trước thiên nhiên rộng lớn nhìn từ cao từ xa, nên đọc thơ thiên nhiên hồi ấy ta thường bắt gặp những thi đề gọi là đăng cao, đăng sơn, đăng lâu, ... Ở điểm nhìn ấy, nhà thơ không chú trọng mô tả hình xác của thiên nhiên mà thường chỉ chấm phá vài nét, cốt ghi lấy linh hồn của tạo vật. Màu sắc cổ điển của thơ xưa thể hiện ở hình tượng nhân vật trữ tình có phong thái ung dung tự tại, tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên. Nhưng thơ Hồ Chí Minh không hẳn là thơ cổ điển. Cảnh trong thơ xưa thường tĩnh tại. Cảnh trong thơ Hồ Chí Minh luôn vận động hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. Nhân vật trong thơ xưa thường ẩn mình giữa thiên nhiên. Nhân vật trong thơ Hồ Chí Minh thường hiện ra ở trung tâm của bức tranh phong cảnh với tư thế con người hành động, con người làm chủ. Con người ấy một mặt có phong thái ung dung tự tại, dường như đứng ngoài dòng chảy của thời gian, mặt khác lại sống cao độ từng giờ từng phút.

2a. Vẽ đẹp cổ điển

Dịch thơ:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

2b. Vẽ đẹp hiện đại

2. Dựa vào mục 1 và bài thơ *Chiều tối*, anh/chị hãy chỉ ra vẻ đẹp vừa cổ điển, vừa hiện đại của bài thơ này.



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Liệt kê những khoảnh khắc trong cuộc đời mình mà anh/chị nghĩ rằng không bao giờ có thể quên được.

Chọn và chia sẻ bằng lời với các bạn về một trong số những khoảnh khắc trên.

2. Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm theo gợi dẫn dưới đây:



2a. Đọc một đoạn thơ ấn tượng nhất của tác phẩm mà hình ảnh này gợi lên. Chia sẻ với các bạn cảm xúc của anh/chị về tác phẩm đó.

2b. Đọc phần Tiểu dẫn trong SGK và ghi lại vắn tắt thông tin về tác giả Tố Hữu và bài thơ Từ ấy.

Tìm hiểu chung về bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

1. Nhan đề bài thơ gợi lên trong anh/chị những câu hỏi nào? Hãy ghi lại ít nhất hai câu hỏi, sau đó tự trả lời miệng.

2. Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ? Người đó hiện ra qua đại từ nào? Những cảm xúc, suy nghĩ này đang diễn ra hay đã diễn ra?

3. Nếu thay mỗi khổ thơ bằng một câu trần thuật thì nhân vật trữ tình sẽ nói như thế nào? Hãy ghi lại theo gợi ý sau (hoặc tự chọn cách diễn đạt khác):

- "Từ ấy" tôi thấy ...

- "Từ ấy" tôi ...

- Và "từ ấy" tôi đã ...

4. Đọc diễn cảm bài thơ, dùng dấu gạch chéo (/) để xác định nhịp ngắt, sau đó phát biểu bằng lời ấn tượng, cảm nhận chung ban đầu của anh/chị về tác phẩm.

Tư liệu tham khảo

1. Đâu những ngày xưa tôi nhớ tôi
Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời
Vấn vơ theo mãi vòng quanh quẩn
Muốn thoát, than ôi, bước chẳng rời.
(Nhớ đồng)

3. Tôi đã khô như cây sậy bên đường
Đâu dám ước làm hoa thơm trái ngọt
Tôi đã chết, lặng im, như con chim không bao giờ được hót
Một tiếng ca lạnh lốt cho đời
Nếu chậm mùa xuân ấy, em ơi!
(Một nhánh xuân)

2. Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi
Say đồng hương nắng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...
(Nhớ đồng)

Từ ấy

Từ ấy trong tôi bừng nắng lửa
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời

Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bắt cù bơ...

Đọc các câu thơ dưới đây và suy nghĩ, tự trả lời xem có thể sử dụng tư liệu tham khảo này vào việc đọc hiểu bài thơ Từ ấy như thế nào.

Đọc diễn cảm từng khổ thơ, sau đó trả lời các câu hỏi liên quan đến khổ thơ vừa đọc để phân tích tác phẩm:

1. Hình ảnh “nắng hạ”, “mặt trời chân lí” ẩn dụ cho điều gì? Chúng gợi ra cảm nhận như thế nào cho người đọc?

3. “Mặt trời chân lí” đã đem lại những điều mới mẻ như thế nào cho khu vườn tâm hồn của nhà thơ?

2. Nhận xét về hiệu quả biểu đạt của các từ ngữ “bừng”, “chói” trong khổ thơ đầu.

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

4. Chỉ ra và phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu 3 – 4 của khổ thơ đầu.

5. “Tôi buộc lòng tôi với mọi người...” và “Tôi đã là con của vạn nhà” đều diễn tả sự chuyển biến trong “tôi” khi thấm nhuần “mặt trời chân lí”. Chúng khác nhau ở điều gì?

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

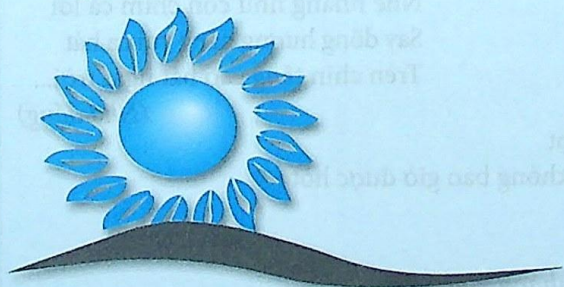
7. Cái tôi trong Từ ấy đã nhận thức và hoà nhập với “khối đời chung” như thế nào? (Các từ ngữ “buộc”, “đã là” cho thấy điều gì? Cái tôi hiện ra trong những “vai” nào? Các “vai” này có gợi cho anh/chị liên tưởng “khối đời chung” giống như một gia đình lớn không? Vì sao?...)

6. Liệt kê các từ ngữ gợi ra hình ảnh cuộc đời trong hai khổ thơ cuối. Các từ ngữ đó “vẽ” ra một cuộc đời như thế nào?

Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm cù bất cù bơ...

8. Theo anh/chị, những “vạn nhà”, “vạn kiếp phôi pha”, “vạn đầu em nhỏ” mà bài thơ nhắc tới có thể là những ai?

9. Hãy nhập vai vào cái tôi trữ tình tác giả và phát biểu những cảm xúc đang trào dâng trong lòng mình.



10. Nếu nói bài thơ Từ ấy là tác phẩm mở ra một phong cách thơ rất riêng thì theo anh/chị, điểm riêng ấy là gì?

TỪ ẤY

Tổ Hữu

"Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?"

Sau khi đọc bài *Từ ấy* và những câu thơ nhắn nhủ khác của Tố Hữu, anh/chị hãy trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn.

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ...

*Nếu là con chim, chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?*
(Một khúc ca)

*Xin tạm biệt đời xưa quý nhất
Còn mấy vần thơ, một niềm tin
cho quốc bạn đồng, tác bốn đời
sống là cho và chết cũng là cho.*

Tố Hữu



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

Trong bài thơ *Chiếc lá đầu tiên*, nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm đã viết về tình yêu học trò:

*Chùm phượng hồng yêu dấu ấy rời tay
Tiếng ve trong veo xé đôi hồ nước
Con ve tiên tri vô tâm báo trước
Có lẽ một người cũng bắt đầu yêu.*

Anh/Chị đã bao giờ trải nghiệm cảm xúc đặc biệt này?

Anh/Chị thấy rung động xốn xang.

Anh/Chị ngỏ lời.

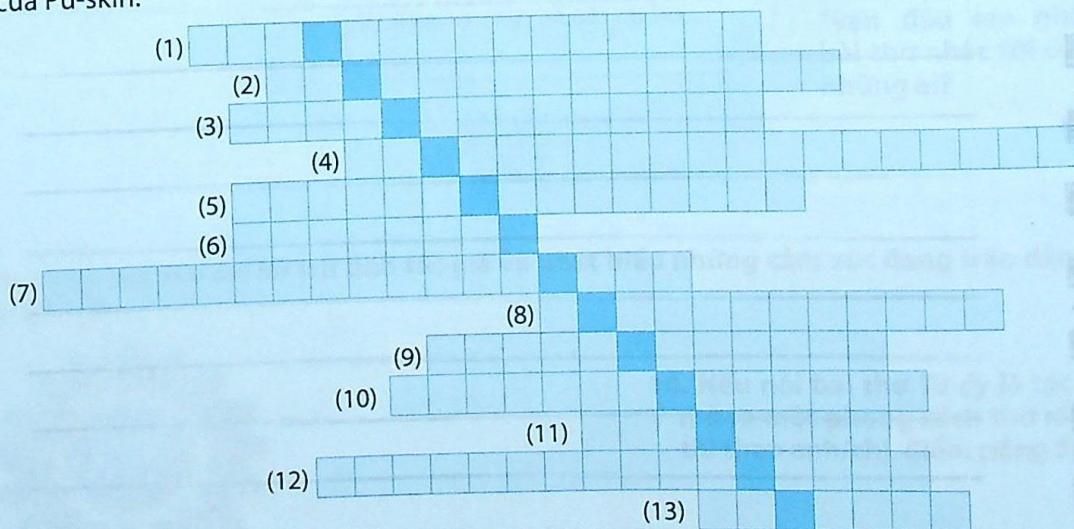
Anh/Chị không được đáp lại!

Và anh/chị cảm thấy...

Hãy chia sẻ bằng lời những trải nghiệm đáng nhớ đó.

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK và dựa vào gợi ý dưới đây để hoàn thành ô chữ sau:

- (1) Tác giả A.X. Pu-skin (A.S. Pushkin) được đánh giá là ...
- (2) *Người tù Cáp-ca-dơ* là một trong những ... của Pu-skin.
- (3) Văn chương Pu-skin thể hiện cuộc sống một cách ...
- (4) Văn chương Pu-skin là một tiếng nói Nga ...
- (5) Tác phẩm của Pu-skin có ý nghĩa to lớn trong ... của nước Nga.
- (6) Nhân vật "em" trong bài thơ này là ...
- (7) *Cô tiểu thư nông dân*, *Con đầm pích* là những ... của Pu-skin.
- (8) *Bô-rít Gô-đu-nốp* là một tác phẩm thuộc thể loại ...
- (9) Thời điểm Pu-skin ngỏ lời cầu hôn với nhân vật trong bài thơ này.
- (10) Pu-skin là nhà thơ vĩ đại có "ý nghĩa to lớn" trong ... của dân tộc Nga.
- (11) Đây là nhan đề do người dịch đặt cho bài thơ này.
- (12) Đây là một tiểu thuyết bằng thơ nổi tiếng của Pu-skin.
- (13) Đây là một trong số các thể loại mà Pu-skin sáng tác.



3. Dựa vào kết quả đọc phần *Tiểu dẫn* và ô chữ đã hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu bằng lời về nhà thơ A.X. Pu-skin và bài thơ *Tôi yêu em*.

Tìm hiểu chung về bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

Dịch thơ:

TÔI YÊU EM

Tôi yêu em: đến nay chừng có thể
Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai;
Nhưng không để em bận lòng thêm nữa,
Hay hồn em phải gợn bóng u hoài.

Tôi yêu em âm thầm, không hi vọng,
Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen,
Tôi yêu em, yêu chân thành, đắm đắm,
Cầu em được người tình như tôi đã yêu em.
(Thúy Toàn dịch)

Dịch nghĩa:

Tôi (đã) yêu em; tình yêu vẫn, có lẽ,
Chưa tắt hẳn trong tâm hồn tôi;
Nhưng hãy để nó không làm phiền em thêm nữa;
Tôi không muốn làm em buồn vì bất cứ điều gì.

Tôi (đã) yêu em lặng thầm, vô vọng.
Bị giày vò khi bởi sự rụt rè, khi bởi nỗi ghen tuông;
Tôi (đã) yêu em chân thành như thế đó,
địu dàng như thế đó,
Cầu trời cho em được người khác yêu thương
(cũng) như thế.

1. Chỉ ra những chỗ bản dịch thơ chưa sát với bản dịch nghĩa bằng cách gạch chân đánh dấu vào hai văn bản trên.

2. Ai là người đang bộc lộ cảm xúc trong bài thơ? Cảm xúc về điều gì?

4. Điệp ngữ nào trở đi trở lại trong bài thơ? Điệp ngữ đó xuất hiện mấy lần?

3. Cách xưng hô "tôi – em" (trong "tôi đã yêu em") gợi ra điều gì?

5. Nên phân tích bài thơ theo bố cục hai khổ hay theo sự xuất hiện của điệp ngữ? Vì sao?

Bài thơ gợi tôi nhớ đến tác phẩm văn học ...

6. Đọc diễn cảm bài thơ và chia sẻ ấn tượng chung ban đầu của anh/chị về tác phẩm theo gợi dẫn.

Tình yêu là tình cảm ...

Bài thơ gợi tôi nhớ đến những trải nghiệm đời sống ...

Chàng trai trong bài thơ ...



TÔI YÊU EM

A.X. Pu-skin

Phân tích bài thơ theo gợi dẫn dưới đây:

8. Hai câu kết của bài thơ cho thấy nhân vật trữ tình là người như thế nào? Cấu trúc "... như thế đó... như thế đó" (câu thơ thứ bảy) và "... cũng như thế" (câu thơ thứ tám) thể hiện điều gì?

7. Sau câu thơ "Tôi đã yêu em chân thành như thế đó, dịu dàng như thế đó" có thể có các kết thúc khác với câu thơ thứ tám của bài thơ như thế nào?

Nếu kết thúc như các phương án anh/chị đưa ra thì cấu trúc "... như thế đó..." như thế đó" thể hiện điều gì?

Tôi (đã) yêu em chân thành như thế đó,
dịu dàng như thế đó,
Cầu trời cho em được người khác yêu thương
(cũng) như thế.

6. Khép lại bằng "nỗi ghen tuông", lời thơ gợi ra cảm giác gì cho người đọc?

5. Điệp ngữ "tôi (đã) yêu em" xuất hiện ở câu thơ tiếp theo báo hiệu sự trỗi dậy của lí trí hay tình cảm?

Những cảm xúc nào được bộc bạch, giải bày trong hai câu này? Bày tỏ có chân thật không?

Để biểu đạt tâm trạng, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật gì? Phân tích hiệu quả của các biện pháp đó (cách ngắt nhịp, cấu trúc (câu bị động hay chủ động), điệp cấu trúc "khi bởi... khi bởi...").

Tôi (đã) yêu em lặng thầm, vô vọng.
Bị giày vò khi bởi sự rụt rè, khi bởi
nỗi ghen tuông

1. Ở hai câu thơ đầu, tình cảm trong "tôi" là ...

Ngôn ngữ trong hai câu thơ đầu có gì đặc biệt? Điều đó giúp thể hiện tâm trạng, tình cảm của "tôi" như thế nào?

3. Anh/Chị thấy nhân vật "tôi" đang ở trong mâu thuẫn nào?

4. Nhân vật "em" trong bài thơ hiện lên như thế nào? Đó có phải là lí do dẫn đến hành động của "tôi" không? Hành động của "tôi" cho thấy lí trí hay tình cảm đã được đặt lên trên?

2. Ở hai câu thơ tiếp, hành động của "tôi" là ...

Ngôn ngữ trong hai câu thơ có gì đặc biệt? Điều đó giúp thể hiện hành động, thái độ của "tôi" như thế nào?

Tôi (đã) yêu em; tình yêu vẫn, có lẽ,
Chưa tắt hẳn trong tâm hồn tôi;
Nhưng hãy để nó không làm phiền em thêm nữa;
Tôi không muốn làm em buồn vì bất cứ điều gì.

Bài thơ *Tôi yêu em* và một số trích đoạn thơ khác của Pu-skin dưới đây gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về tình yêu? Hãy chia sẻ điều đó bằng một đoạn văn.

Tôi yêu em âm thầm, không hi vọng,
Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen,
Tôi yêu em, yêu chân thành, đắm đắm,
Cầu em được người tình như tôi đã yêu em.
(*Tôi yêu em*)

Nhưng nếu gặp ngày buồn rầu đau đớn
Em thăm thì hãy gọi tên lên
Và hãy tin: Còn đây một kỉ niệm
Em vẫn còn sống giữa một trái tim
(*Một chút tên tôi đối với nàng*)

Chân thành chúc cô một cuộc đời hạnh phúc,
Hồn tươi vui thoải mái vô tư,
Tất cả – cả hạnh phúc của người cô lựa chọn,
Người sẽ gọi cô là vợ của mình.
(*Gửi K.*)

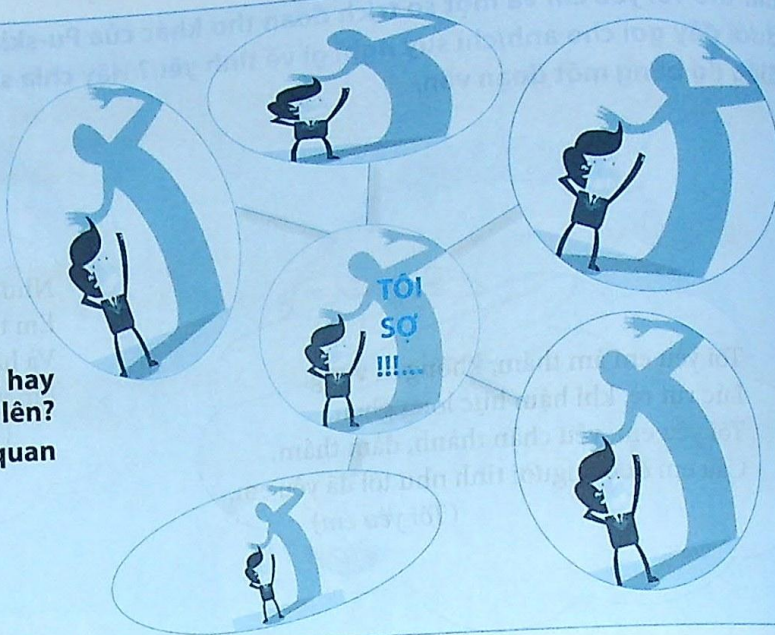
Vẫn thuộc về em, anh lại yêu em
Không hi vọng và không mong ước
Như ngọn lửa hiến dâng tình yêu anh thanh khiết.
Và dịu dàng như mơ ước gái đồng trinh.
(*Trên đồi Gru-di-a đêm xuống*)



TRƯỚC KHI ĐỌC

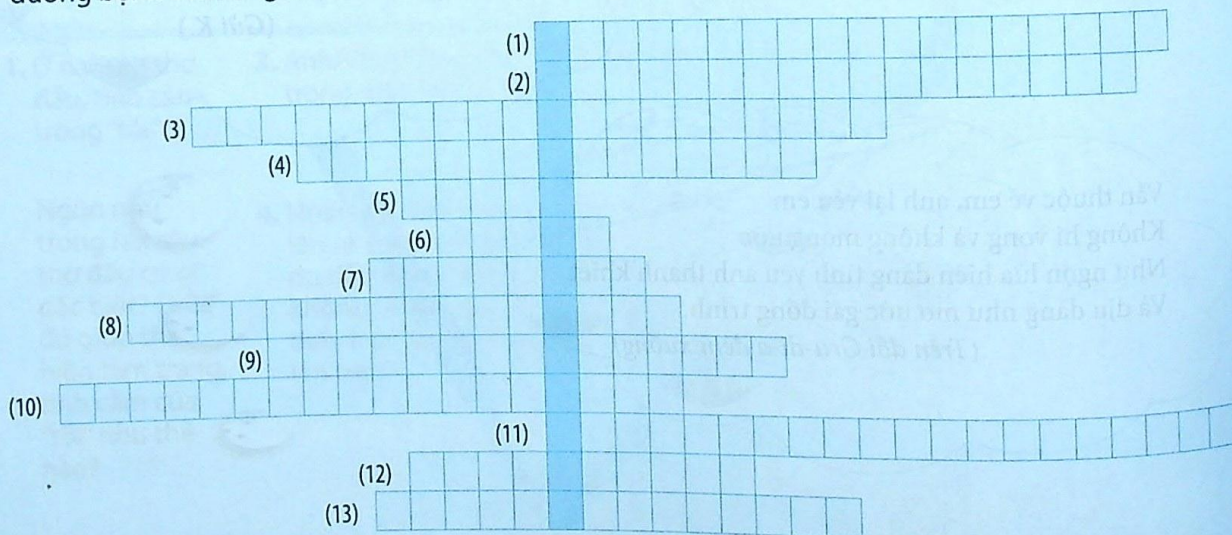
- Hãy liệt kê những điều trong cuộc sống làm cho anh/chị thấy sợ hãi theo gợi ý dẫn của sơ đồ bên.

Nỗi sợ có thể đè bẹp con người hay làm cho con người có cơ hội lớn lên?
Hãy trao đổi với mọi người quan điểm của anh/chị về điều này.



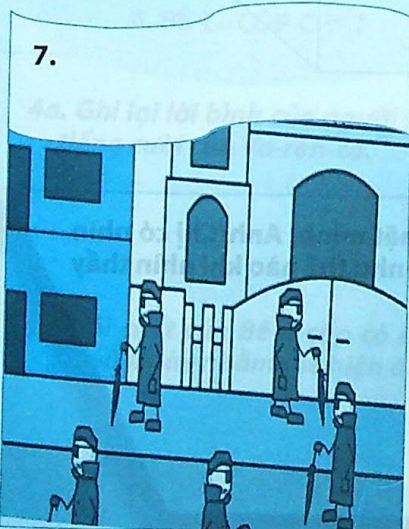
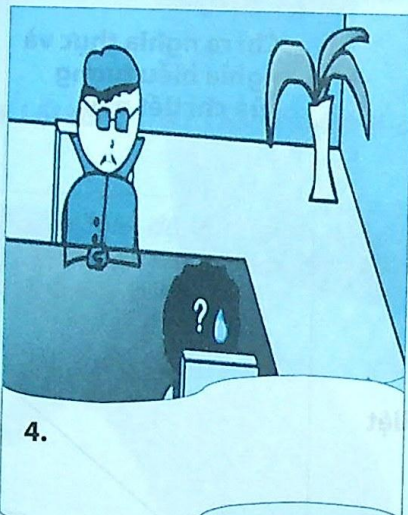
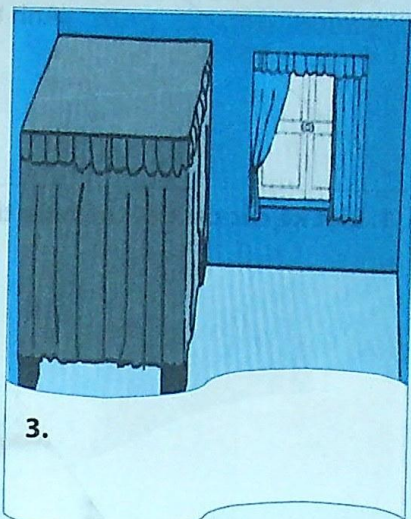
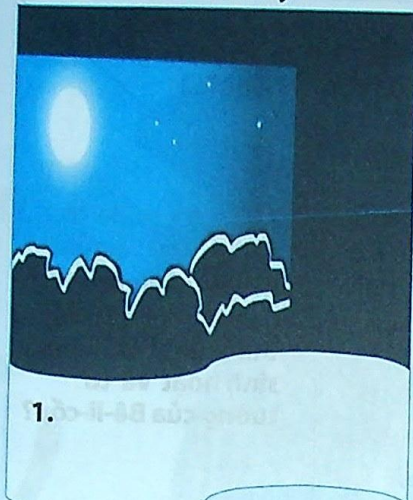
- Đọc phần **Kết quả cần đạt** và **Tiểu dẫn** trong SGK để hoàn thành ô chữ theo các gợi ý dưới đây:

- Đây là đánh giá về vai trò của Sê-khốp (A.P. Chekhov) đối với thể loại truyện ngắn và kịch nói.
- Đây là xuất thân của Sê-khốp.
- Một sự kiện diễn ra vào năm 1887 với nhà văn Sê-khốp.
- Môi trường xã hội Nga cuối thế kỉ XIX đã để ra lắm ...
- Một nghề mà Sê-khốp từng làm sau khi tốt nghiệp đại học.
- Đây là thành phố nơi nhà văn Sê-khốp vừa dưỡng bệnh vừa sáng tác.
- Đây là thị trấn nơi nhà văn Sê-khốp sinh ra và lớn lên.
- Tác phẩm của Sê-khốp thường đặt ra các vấn đề có ...
- Một đặc điểm nổi bật về nghệ thuật của truyện ngắn Sê-khốp.
- Lối sống của một bộ phận trí thức Nga cuối thế kỉ XIX.
- Một đặc điểm nổi bật của môi trường xã hội Nga cuối thế kỉ XIX.
- Tên một vở kịch nói tiêu biểu của Sê-khốp.
- Tên một truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Sê-khốp.



- Dựa vào kết quả đọc phần **Tiểu dẫn** và ô chữ đã hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu bằng lời về tác giả Sê-khốp và truyện ngắn *Người trong bao*.

1. Hãy đọc văn bản *Người trong bao* trong SGK. Ghi tóm tắt các sự việc chính của văn bản vào mỗi bức tranh dưới đây:



2. Hãy nhìn vào mỗi bức tranh và các sự việc chính anh/chị vừa ghi để tóm tắt bằng lời văn bản *Người trong bao*.
Phát biểu bằng lời ẩn tượng ban đầu của anh/chị về tác phẩm.

Tim hiểu về chân dung, lối sống của Bê-li-cốp theo gợi dẫn dưới đây:

2. Liệt kê các chi tiết thể hiện lối sống, cách suy nghĩ của Bê-li-cốp.
(Bê-li-cốp thích nghe ca điệu gì? Công việc anh ta chọn là gì?
Anh ta có sống thật với những suy nghĩ của mình không?...)

1. Liệt kê các chi tiết thể hiện thói quen sinh hoạt của Bê-li-cốp.

3. Tác giả sử dụng chi tiết đặc sắc nào để thể hiện chân dung sinh hoạt và tư tưởng của Bê-li-cốp?

Chỉ ra nghĩa thực và nghĩa biểu tượng của chi tiết này.



4. Vì sao Bê-li-cốp lại có khát vọng mãnh liệt là được thu mình vào trong bao?

5. Anh/Chị hãy hình dung Bê-li-cốp đang ở trước mặt mình. Anh/Chị có nhìn rõ con người anh ta không? Anh/Chị có cảm giác như thế nào khi nhìn thấy anh ta?

Tìm hiểu về những ảnh hưởng của lối sống Bê-li-cốp theo gợi dẫn dưới đây:

1. Lối sống của Bê-li-cốp ảnh hưởng như thế nào đến những người xung quanh?



2. Trước khi xảy ra cuộc nói chuyện với Cô-va-len-cô, lối sống ấy ảnh hưởng như thế nào đến chính Bê-li-cốp?

3. Lối sống trong bao của Bê-li-cốp tạo ra xung đột như thế nào với chị em nhà Cô-va-len-cô?

3a. Hành động, ngôn ngữ của Bê-li-cốp trong cuộc nói chuyện với Cô-va-len-cô:

3b. Hành động, ngôn ngữ của Cô-va-len-cô trong cuộc nói chuyện với Bê-li-cốp:

4. BÊ-LI-CỐP CHẾT

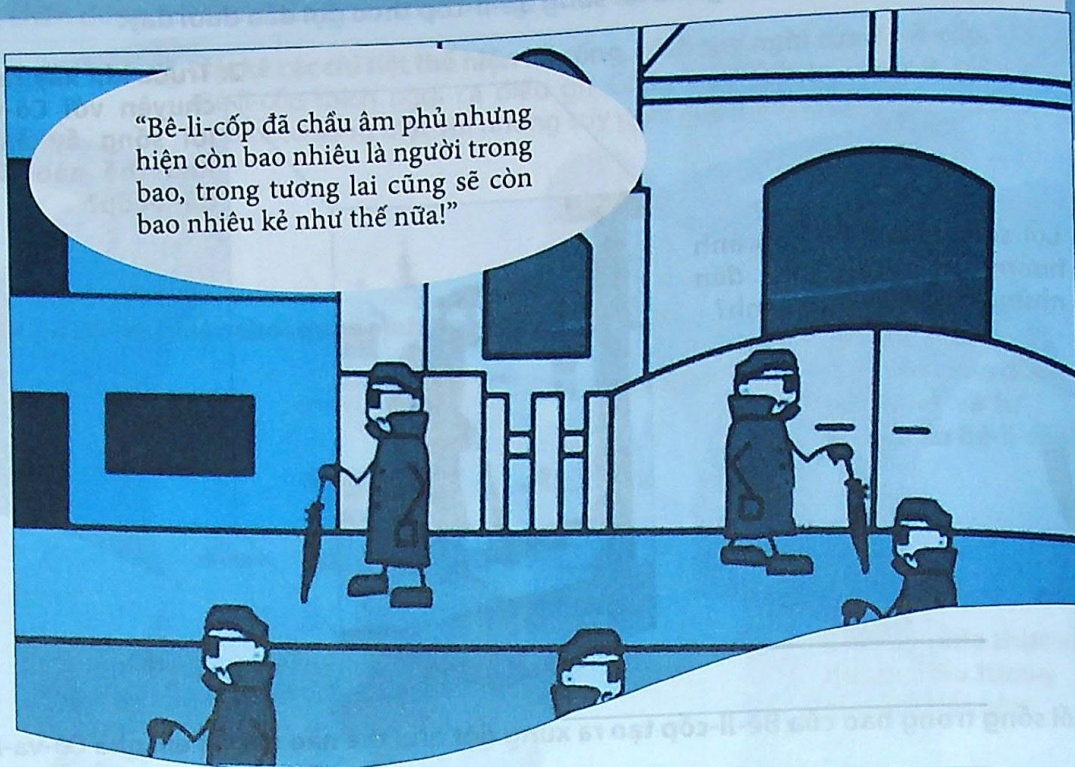
4a. Ghi lại lời bình của người kể chuyện về tiếng cười của Va-ren-ca.

4c. Cái chết của Bê-li-cốp có điều gì hợp lí? Sự hợp lí này nhằm thể hiện điều gì?

4b. Cái chết của Bê-li-cốp có điều gì vô lí? Sự vô lí này nhằm thể hiện điều gì?

4d. Sau khi Bê-li-cốp chết chưa đầy một tuần, mọi việc lại diễn ra như cũ. Chi tiết này gửi gắm thông điệp gì?

“Bê-li-cốp đã chầu âm phủ nhưng hiện còn bao nhiêu là người trong bao, trong tương lai cũng sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa!”



Anh/Chị hiểu “người trong bao” là kiểu người như thế nào?

Hãy nhìn vào chính mình và bức tranh hiện thực xã hội anh/chị đang sống để trả lời xem tiên đoán của nhà văn Sê-khốp về sự hiện diện của những kiểu người trong bao liệu có còn chính xác. Có những kiểu “người trong bao” nào đang tồn tại xung quanh chúng ta?

Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm theo gợi dẫn dưới đây:

1. Nghệ thuật trần thuật

1a. Người kể câu chuyện về Bê-li-cốp là ai?

1b. Việc lựa chọn ngôi kể này đem lại hiệu quả như thế nào?

1c. Giọng điệu của người kể chuyện ra sao?

2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật Bê-li-cốp

2a. Bê-li-cốp có phải là nhân vật điển hình không? Vì sao?

2b. Chỉ ra các chi tiết biếm họa, hài hước và hiệu quả của nó trong việc khắc họa chân dung nhân vật.

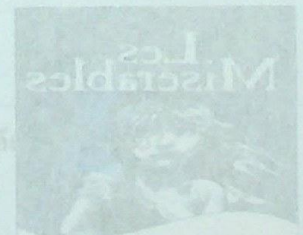
2c. Ghi lại các chi tiết mang tính biểu tượng tác giả chọn để khắc họa nhân vật.



3a. Ghi lại câu văn thể hiện rõ nhất chủ đề của truyện.

3c. Hãy tìm nghe bài hát Nhấn tuổi hai mươi của tác giả Nguyễn Lê Tâm. Anh/Chị thấy bài hát này có điểm gì gặp gỡ với truyện ngắn Người trong bao của Sê-khốp?

3b. Anh/Chị có thích cách tác giả bộc lộ trực tiếp chủ đề qua câu văn đó không? Vì sao?



NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN (Trích Những người khốn khổ)

V. Huy-gô



TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

Anh/Chị cảm thấy như thế nào khi được đón nhận tình yêu thương?

Hãy ghi lại một câu danh ngôn (hoặc câu văn, câu thơ) về tình yêu thương mà anh/chị thấy ấn tượng nhất.

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, sau đó khoanh vào chữ cái trước thông tin đúng về tác giả V. Huy-gô (V. Hugo) trong các thông tin dưới đây:

Năm sinh, năm mất:

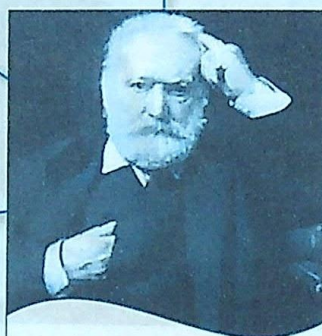
- A. 1802 – 1885
- B. 1860 – 1904
- C. 1799 – 1837
- D. 1861 – 1941

- A. Là “mặt trời của thi ca Nga”.
- B. Là nhà văn hoá lớn của Ấn Độ.
- C. Là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của Pháp.

Là tác giả của:

- A. Anh béo và anh gầy, Con kì nhông, Người trong bao.
- B. Con đầm pích, Tôi yêu em, Ép-ghe-nhi Ô-nê-ghin.
- C. Nhà thờ Đức Bà Pa-ri, Những người khốn khổ, Lá thu.

- A. Năm 1985, tác giả được thế giới kỉ niệm 100 năm ngày mất với tư cách là Danh nhân văn hoá của nhân loại.
- B. Năm 1913, ông được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học.
- C. Năm 1887, tác giả được nhận Giải thưởng Pu-skin của Viện Hàn lâm khoa học Nga.

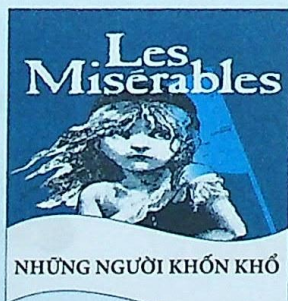


VÍCH-TO HUY-GÔ

- A. “Một tiếng vọng âm vang của thời đại” có thể là nhận định chung cho toàn bộ sáng tác của tác giả.
- B. Tác phẩm của ông thường có cốt truyện giản dị, song đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, ý nghĩa nhân bản sâu xa.
- C. Tác phẩm của ông thể hiện tuyệt đẹp tâm hồn nhân dân khao khát Tự Do và Tình Yêu.

Dựa vào kết quả đọc phần *Tiểu dẫn* và các thông tin ở trên, anh/chị hãy giới thiệu ngắn gọn bằng lời những nét cơ bản về tác giả Vích-to Huy-gô.

3. Đọc phần giới thiệu về tiểu thuyết *Những người khốn khổ* trong SGK và tóm tắt nội dung thông tin theo gợi dẫn của sơ đồ sau:



3a. Tên tuổi, nghề nghiệp của nhân vật trung tâm trong tác phẩm:

3b. Tên của các phần trong tác phẩm:

3c. Các sự việc chính trong tác phẩm:

NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN (Trích Những người khốn khổ)

Phiếu học tập số
2

V. Huy-gô

Tìm hiểu nhân vật Gia-ve theo gợi dẫn dưới đây:

1. Tác giả đã miêu tả và bình luận về ngoại hình (bộ mặt, cặp mắt, cái cười) của Gia-ve như thế nào?

2. Người kể chuyện nhận xét như thế nào về giọng nói của Gia-ve?

3. Gia-ve xưng hô với Giăng Van-giăng ra sao?

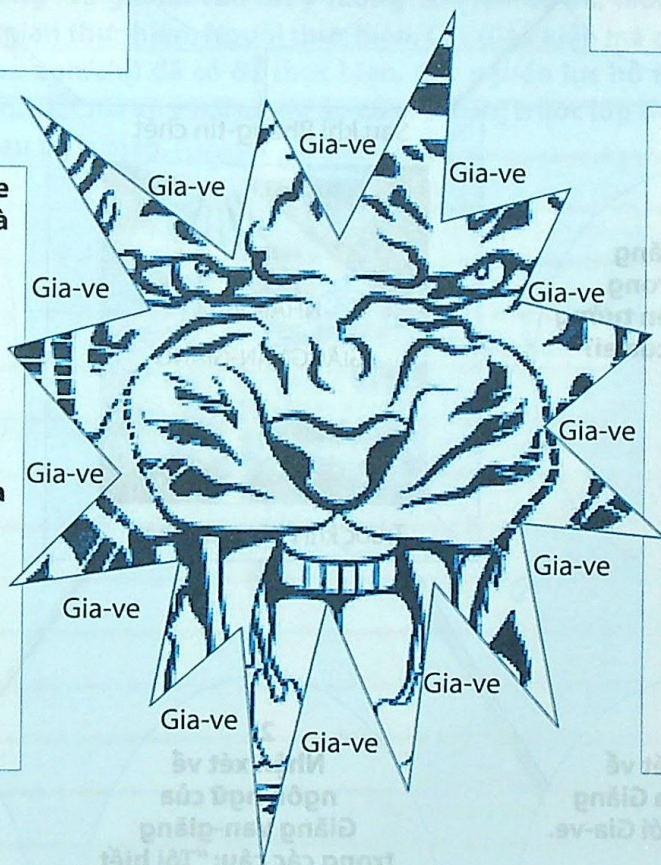
4. Nhận xét về ngôn ngữ của Gia-ve với Giăng Van-giăng.

5. Liệt kê các hành động của Gia-ve với Giăng Van-giăng.

6. Chỉ ra từ ngữ Gia-ve dùng để xưng hô và nói về Phăng-tin.

7. Chỉ ra hành động của Gia-ve với Phăng-tin.

8. Vì sao lời nói và hành động của Gia-ve khiến cho Phăng-tin bất thờ?



9. Nhân vật Gia-ve trong đoạn trích gợi cho anh/chị liên tưởng đến điều gì? Vì sao?

10. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để xây dựng hình tượng nhân vật Gia-ve?

NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN (Trích Những người khốn khổ)

V. Huy-gô

Tìm hiểu nhân vật Giăng Van-giăng theo gợi dẫn dưới đây:

4.

Giăng Van-giăng đã có ngôn ngữ, thái độ và hành động như thế nào với Gia-ve sau khi Phăng-tin chết?

5.

Điều gì đã khiến Giăng Van-giăng có thể hành động đầy bản lĩnh và kiên cường đến thế?

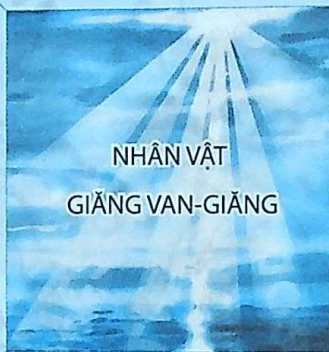
6.

Thử đoán xem Giăng Van-giăng đã “thì thầm” điều gì mà khiến “gương mặt Phăng-tin như sáng rõ lên một cách lạ thường”?

7.

Nhân vật Giăng Van-giăng trong đoạn trích gợi liên tưởng đến hình ảnh của ai?

Sau khi Phăng-tin chết



Trước khi Phăng-tin chết

NHÂN VẬT
GIĂNG VAN-GIĂNG

8.

Tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa nhân vật Giăng Van-giăng?

1.

Nhận xét về thái độ của Giăng Van-giăng với Gia-ve.

2.

Nhận xét về ngôn ngữ của Giăng Van-giăng trong các câu: “Tôi biết là anh muốn gì rồi” và “Tôi muốn nói riêng với ông câu này”.

3.

Vì sao Giăng Van-giăng lại có thái độ và hành động như vậy trước tên mặt thám?

NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN (Trích Những người khốn khổ)

V. Huy-gô

Phiếu học tập số
4

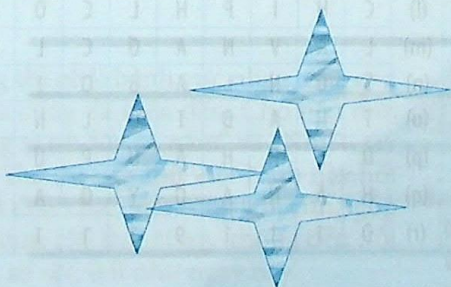
project

Tiểu thuyết *Những người khốn khổ* gửi đến độc giả thông điệp:
"Trên đời, chỉ có một điều ấy thôi, đó là yêu thương nhau".

"Yêu thương đừng chỉ cất kĩ trong tim.

Yêu thương hãy trở thành hành động!"

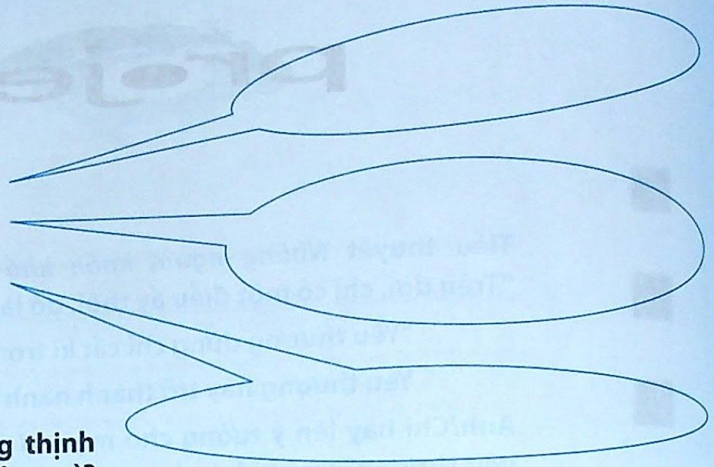
Anh/Chị hãy lên ý tưởng cho một dự án cộng đồng có chủ đề "Kết nối yêu thương" và ghi lại vắn tắt ý tưởng đó (Tên dự án, Mục tiêu của dự án, Thời gian thực hiện, Người thực hiện, Các điều kiện mà anh/chị (hoặc nhóm của anh/chị) đã có để thực hiện, Các nguồn lực hỗ trợ, Kế hoạch thực hiện...). Chia sẻ ý tưởng dự án của anh/chị trước lớp để lựa chọn và cùng nhau thực hiện.





TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Chia sẻ

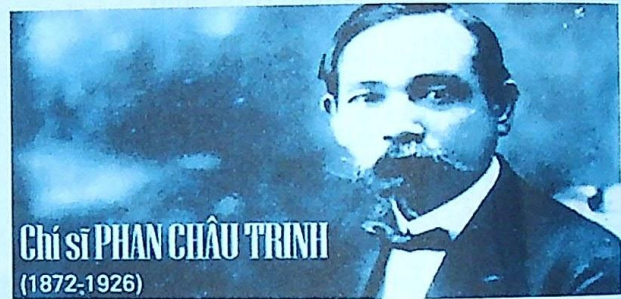


Để một đất nước phát triển hưng thịnh và bền vững, con người nên làm gì? Anh/Chị cho rằng điều gì quan trọng nhất?

2. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

2a. Dựa vào phần Tiểu dẫn trong SGK và những hiểu biết về tác giả, anh/chị hãy khoanh những ô chữ có ý nghĩa (theo hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo) theo một số gợi ý sau:

- (1) Anh/Chị đã từng học bài thơ nào của Phan Châu Trinh?
- (2) Biệt hiệu của Phan Châu Trinh là gì?
- (3) Phan Châu Trinh đã phát động và khởi xướng phong trào gì ở Trung Kỳ?
- (4) Phan Châu Trinh viết văn chương với mục đích chính là để làm gì?
- (5) Lúc cuối đời, Phan Châu Trinh đã làm gì để truyền bá tư tưởng yêu nước?
- (6) Phan Châu Trinh đã diễn thuyết bài Đạo đức và luân lý Đông Tây ở đâu?
- (7) Thời gian diễn ra buổi diễn thuyết bài Đạo đức và luân lý Đông Tây.
- (8) Vị trí của đoạn trích Về luân lý xã hội ở nước ta trong Đạo đức và luân lý Đông Tây.



	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
(a)	I	H	D	M	A	C	Ê	A	D	E	N	S
(b)	G	A	U	V	C	A	V	A	L	D	X	B
(c)	B	G	Y	S	B	C	P	Q	S	E	N	I
(d)	T	R	T	N	G	H	M	A	A	Y	N	G
(e)	D	O	Ã	B	E	M	X	V	D	G	X	N
(g)	D	H	N	B	H	A	Q	N	I	K	Ô	N
(h)	P	G	C	O	A	N	I	K	Ê	L	O	R
(i)	V	I	K	D	O	G	U	H	N	L	X	P
(k)	H	I	D	G	Y	T	A	Ô	T	D	E	Q
(l)	C	H	I	P	H	L	C	O	H	I	M	A
(m)	L	A	V	N	A	Ơ	C	L	U	P	C	1
(n)	S	O	N	L	A	B	O	I	Y	B	A	9
(o)	T	H	A	Đ	T	Ô	L	N	Ê	M	D	1
(p)	D	E	P	H	Ã	Ư	P	U	T	A	E	9
(q)	H	Ã	N	A	Ơ	Y	O	A	M	N	G	2
(r)	Đ	1	1	1	9	1	1	1	9	2	5	5

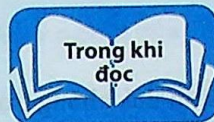
2b. Dựa vào kết quả đọc phần Tiểu dẫn và ô chữ đã hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu ngắn gọn bằng lời những nét cơ bản về tác giả và đoạn trích Về luân lý xã hội ở nước ta.

VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Trích Đạo đức và luân lí Đông Tây)

Phan Châu Trinh

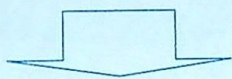
Phiếu học tập số **2**

Tìm hiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi trong khi đọc:



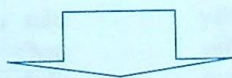
1. Xã hội luân lí thật trong nước ta tuyệt nhiên không ai biết đến, so với quốc gia luân lí thì người mình còn dốt nát hơn nhiều. Một tiếng bè bạn không thể thay cho xã hội luân lí được, cho nên không cần cắt nghĩa làm gì.

Tuy trong sách Nho có câu: “Sửa nhà trị nước rồi mới yên thiên hạ”. Hai chữ *thiên hạ* đó tức là xã hội. Ngày nay những kẻ học ra làm quan cũng có võ vẽ nhắc đến hai chữ đó nhưng chỉ làm trò cười cho kẻ thức giả đầy thôi. Cái chủ ý bình thiên hạ mất đi đã từ lâu rồi.



2. Cái xã hội chủ nghĩa bên Âu châu rất thịnh hành như thế, đã phóng đại ra như thế, thế mà người bên ta thì điềm nhiên như kẻ ngủ không biết gì là gì. Thương hại thay! Người nước ta không hiểu cái nghĩa vụ loài người ăn ở với loài người đã đành, đến cái nghĩa vụ mỗi người trong nước cũng chưa hiểu gì cả. Bên Pháp, mỗi khi người có quyền thế, hoặc chính phủ, lấy sức mạnh mà đè nén quyền lợi riêng của một người hay của một hội nào, thì người ta hoặc kêu nài, hoặc chống cự, hoặc thị oai, vận dụng kì cho đến được công bình mới nghe.

Vì sao mà người ta được như thế? Là vì người ta có đoàn thể, có công đức biết giữ lợi chung vậy. Họ nghĩ rằng nếu nay để cho người có quyền lực đè nén người này thì mai ắt cũng lấy quyền lực ấy để đè nén mình, cho nên phải hiệp nhau lại phòng ngừa trước. Người ta có ăn học biết xét kĩ thấy xa như thế, còn người nước mình thì sao? Người mình thì phải ai tai nấy, ai chết mặc ai! Đi đường gặp người bị tai nạn, gặp người yếu bị kẻ mạnh bắt nạt cũng ngoảnh mặt đi qua, hình như người bị nạn khốn ấy không can thiệp gì đến mình.



3. Đã biết sống thì phải bênh vực nhau, ông cha mình ngày xưa cũng đã hiểu đến. Cho nên mới có câu: “Không ai bẻ đuũa cả năm” và “Nhiều tay làm nên bộp”. Thế thì dân tộc Việt Nam này hồi cổ sơ cũng biết đoàn thể, biết công ích, cũng góp gió làm bão, giùm cây làm rừng, không đến nỗi trợ trọi, lơ lảo, sợ sệt, ừ lì như ngày nay.

1a. Câu văn đầu tiên cho biết vấn đề tác giả đặt ra trong bài viết là gì? Đây là cách vào đề trực tiếp hay gián tiếp?

1b. Nếu một người nào đó nói bè bạn hay “thiên hạ” (trong sách Nho: “Sửa nhà trị nước rồi mới yên thiên hạ”) chính là xã hội luân lí, thì phần mở đầu này đã trả lời điều đó như thế nào?

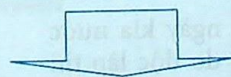
1c. Hãy đánh dấu vào các từ ngữ thể hiện khẩu khí quyết liệt của tác giả trong phần mở đầu bài viết.



2a. Đánh dấu vào các chi tiết tác giả chỉ ra tình trạng xã hội luân lí ở nước ta không ai biết đến trong hai đoạn văn này.

2b. Tác giả đã so sánh tình trạng xã hội luân lí ở nước ta không ai biết đến với những đối tượng nào? Việc so sánh như vậy đem lại tác dụng gì?

2c. Các câu văn “Vì sao... giữ lợi chung vậy” cho thấy tác giả gián tiếp chỉ ra nguyên nhân của tình trạng chúng ta không biết đến xã hội luân lí là gì?



3. Có phải ngay từ thời cổ xưa chúng ta đã không biết đến đoàn thể, công ích không? Đánh dấu vào các thông tin trong đoạn văn minh chứng cho câu trả lời của anh/chị.

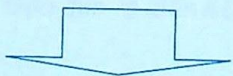


1. Dân không biết đoàn thể, không trọng công ích là bởi ba bốn trăm năm trở về đây, bọn học trò trong nước mắc ham quyền tước, ham bả vinh hoa của các triều vua mà sinh ra giả dối nịnh hót, chỉ biết có vua mà chẳng biết có dân. Bọn ấy muốn giữ túi tham mình được đầy mãi, địa vị của mình được vững mãi, bèn kiếm cách thiết pháp luật, phá tan tành đoàn thể của quốc dân.

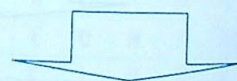
2. Dầu trôi nổi, dầu cực khổ thế nào mặc lòng, miễn là có kẻ mang đai đội mũ ngất ngưỡng ngồi trên, có kẻ áo rộng khăn đen lúc nhúc lạy dưới, trăm nghìn năm như thế cũng xong! Dân khôn mà chi! Dân ngu mà chi! Dân lợi mà chi! Dân hại mà chi! Dân càng nô lệ, ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý! Chẳng những thế mà thôi, “một người làm quan một nhà có phước”, dầu tham, dầu nhũng, dầu vơ vét, dầu rút tĩa của dân thế nào cũng không ai phẩm bình; dầu lấy lúa của dân mua vườn sầm ruộng, xây nhà làm cửa cũng không ai chê bai. Người ngoài thì khen đắc thời, người nhà thì dựa hơi quan, khiến những kẻ ham mỗi phú quý không đua chen vào đám quan trường sao được. Quan lại đời xưa đời nay của ta là thế đấy! Luân lí của bọn thượng lưu – tôi không gọi bọn ấy là thượng lưu, tôi chỉ mượn hai chữ *thượng lưu* nói cho anh em dễ hiểu mà thôi – ở nước ta là thế đấy!

3. Ngày xưa thì bọn ấy là bọn Nho học đã đỗ được cái bằng cử nhân, tiến sĩ, ngày nay thì bọn ấy là bọn Tây học đã được cái chức kí lục thông ngôn; có khi bồi bếp dựa vào thân thế của chủ cũng ra làm quan nữa. Những bọn quan lại đã nói ở trên này chỉ còn một tiếng để chỉ đúng hơn là lũ ăn cướp có giấy phép vậy.

4. Những kẻ ở vườn thấy quan sang, quan quyền cũng bén mùi làm quan. Nào lo cho quan, nào lót cho lại, nào chạy ngược chạy xuôi, dầu cổ ruộng dầu bán trâu cũng vui lòng, chỉ cần được lấy một chức xã trưởng hoặc cai tổng, đăng ngôi trên, đăng ăn trước, đăng hống hách thì mới thôi. Những kẻ như thế mà vẫn không ai khen chê, không ai khinh bỉ, thật cũng lạ thay! Thương ôi! Làng có một trăm dân mà người này đối với kẻ kia đều ngó theo sức mạnh, không có một chút gì gọi là đạo đức là luân lí cả. Đó là nói người trong một làng với nhau, chí như đối với dân kiều cư kí ngụ thì lại càng hà khắc hơn nữa. Ôi! Một dân tộc như thế thì tư tưởng cách mạng này nở trong óc chúng làm sao được! Xã hội chủ nghĩa trong nước Việt Nam ta không có là cũng vì thế.



5. Nay muốn một ngày kia nước Việt Nam được tự do độc lập thì trước hết dân Việt Nam phải có đoàn thể đã. Mà muốn có đoàn thể thì có chi hay hơn là truyền bá xã hội chủ nghĩa trong dân Việt Nam này.



5a. Đoạn văn cuối cùng được trình bày theo phương thức nào? Giải thích câu trả lời của anh/chị.

5b. Theo tác giả, việc cần làm lúc này là gì?

5c. Mục đích cao cả của việc truyền bá chủ nghĩa xã hội là gì?

1. Lí do nào khiến "dân không biết đoàn thể, không trọng công ích"?

2. Trong đoạn văn thứ hai, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả của các biện pháp đó.

3. Trong đoạn văn thứ ba, tác giả chỉ ra "bọn thượng lưu" là những đối tượng nào?

4a. Trong đoạn văn thứ tư, thái độ của dân chúng nói chung với "bọn thượng lưu" này như thế nào?

4b. Các câu cảm thán trong đoạn văn này thể hiện điều gì?

VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Trích Đạo đức và luân lí Đông Tây)

Phan Châu Trinh

Phiếu học tập số **4**

Hoàn thành sơ đồ dưới đây để tìm hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản:

1a. Phần 1

1b. Phần 2

1c. Phần 3

1. Ghi vắn tắt nội dung chính của từng phần vào các ô để xác định bố cục văn bản.

2. Nhận xét về mạch lập luận của văn bản.

3. Luận lí xã hội theo quan niệm của tác giả gồm những nội dung nào?

VỀ LUÂN LÍ
XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

4. Nhận xét về giọng điệu của tác giả trong văn bản.

5. Tìm hiểu sự kết hợp yếu tố biểu cảm trong bài nghị luận theo gợi dẫn.

6. Tìm hiểu ý nghĩa thời sự của văn bản đối với cuộc sống ngày nay theo gợi dẫn.

5a. Văn bản có bao nhiêu câu cảm thán? Qua đó anh/chị thấy những trạng thái cảm xúc nào trong lòng tác giả?

5b. Việc kết hợp yếu tố biểu cảm với yếu tố nghị luận đem lại hiệu quả như thế nào cho bài diễn thuyết?

6a. Việc gây dựng đoàn thể để tạo nên ý thức trách nhiệm với cộng đồng của mọi người còn cần thiết không? Vì sao?

6b. Việc cảnh báo về nguy cơ tiêu vong các quan hệ tốt đẹp do lũ người ích kỉ, vụ lợi, "ham quyền tước, ham bả vinh hoa" đem đến có còn ý nghĩa với hôm nay không?

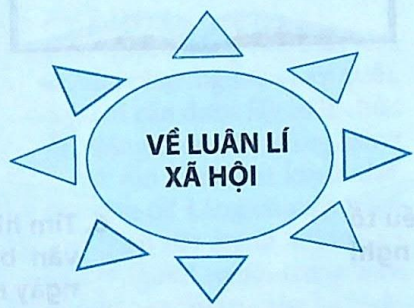
Anh/Chị nghĩ vấn đề luân lí xã hội ở nước ta hiện nay như thế nào? Thế hệ trẻ và mỗi thành viên như anh/chị sẽ làm gì để xây dựng luân lí xã hội? Lật lại những suy nghĩ của mình trong các phiếu học tập trên và tìm kiếm câu trả lời theo gợi dẫn dưới đây:

1. Những câu tục ngữ, thành ngữ của cha ông thể hiện nội dung về luân lí xã hội:

2. Luân lí xã hội của nước ta hiện nay cần:

– Tiếp thu những điều gì mà Phan Châu Trinh đã đề cập trong văn bản?

– Bổ sung những điều gì cho phù hợp với bối cảnh hiện tại? (Hãy đọc văn bản *Tiếng hát người cầm* (Văn bản 1 – Ngữ liệu đọc hiểu tr.71 – 72) như một lời gợi ý cho câu trả lời)



3. Hãy quan sát văn bản *Thói hư tật xấu của người Việt* ("Văn bản" 2 – Ngữ liệu đọc hiểu tr.72). Anh/Chị có nhìn thấy mình trong các hình ảnh đó không? Để góp phần gây dựng nền luân lí xã hội cho đất nước, anh/chị sẽ làm gì?

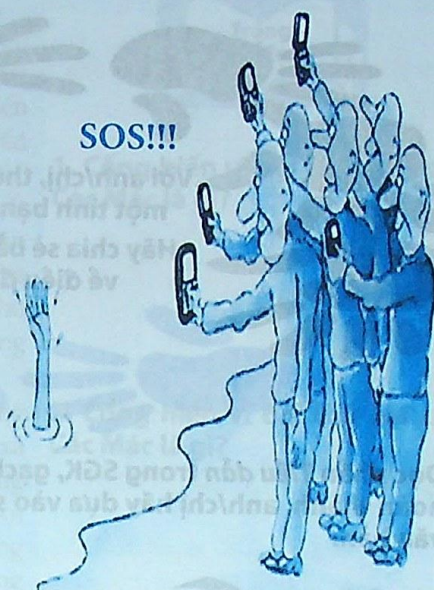
VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Trích Đạo đức và luân lí Đông Tây)

Phan Châu Trinh

Trong bài viết *Về luân lí xã hội ở nước ta*, tác giả Phan Châu Trinh đã cảnh báo hiện tượng "... người nước mình thì sao? Người mình thì phải ai tai nấy, ai chết mặc ai! Đi đường gặp người bị nạn, gặp người yếu bị kẻ mạnh bắt nạt cũng ngoảnh mắt đi qua, hình như người bị nạn khốn ấy không can thiệp gì đến mình".

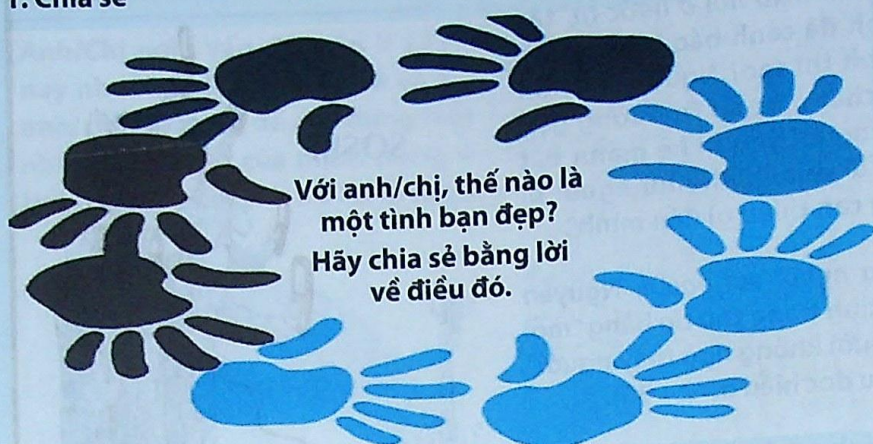
Trong tản văn *Giữa người với người*, Nguyễn Ngọc Tư day dứt về tình trạng câu tin bằng "mỗi người", "về cái sự người không ngó thấy người". (Văn bản 3 – Ngữ liệu đọc hiểu tr.72 – 73).

Hai văn bản trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về bệnh vô cảm trong xã hội ta hiện nay? Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ để trình bày ý kiến của mình.



BA CỐNG HIỆN VĨ ĐẠI CỦA CÁC MÁC Ăng-ghe-n

1. Chia sẻ



TRƯỚC KHI ĐỌC

2. Đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, gạch chân các thông tin chính và đưa vào sơ đồ tư duy. Sau khi hoàn thành, anh/chị hãy dựa vào sơ đồ để giới thiệu bằng lời về tác giả Ăng-ghe-n (Engels) và văn bản.



Các Mác và Ăng-ghe-n

3. Trả lời câu hỏi để tìm hiểu phần mở đầu của văn bản:

Chiều ngày 14 tháng ba, vào lúc ba giờ kém mười lăm phút, nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng hiện đại đã ngừng suy nghĩ. Để Mác ở lại một mình vèn vèn chỉ có hai phút, thế mà khi trở vào phòng, chúng tôi đã thấy ông ngủ thiếp đi thanh thản trên chiếc ghế bành – nhưng là giấc ngủ nghìn thu.

Con người đó ra đi là một tổn thất không sao lường hết được đối với giai cấp vô sản đang đấu tranh ở châu Âu và châu Mỹ, đối với khoa học lịch sử. Rồi đây, người ta sẽ cảm thấy nỗi trống vắng do sự qua đời của bậc vĩ nhân ấy gây ra.



3a. Tác giả đã dùng từ ngữ, giọng điệu như thế nào để nói về sự ra đi của Các Mác (Karl Marx)? Điều đó đem lại hiệu quả gì?

3b. Vị trí, vai trò của Các Mác hiện ra như thế nào trong phần mở đầu của văn bản?

Trả lời các câu hỏi để tìm hiểu văn bản:



1. Giống như Đác-uyn đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người: cái sự thật đơn giản nhưng đã bị tầng tầng lớp lớp các tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay, đó là con người trước hết cần phải có cái ăn cái uống, quần áo và chỗ ở, rồi sau đó mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo v.v...; vì vậy, việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp, và mỗi giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra cơ sở để người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và cả tôn giáo nữa, cho nên phải xuất phát từ cơ sở đó mà giải thích những cái kia, chứ không phải ngược lại, như từ trước đến nay người ta đã làm.

2. Nhưng không chỉ có thế thôi. Mác cũng tìm ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện nay và của xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra. Với việc phát hiện ra giá trị thặng dư trong lĩnh vực này, lập tức một ánh sáng đã xuất hiện, trong khi mọi công trình nghiên cứu trước đây của các nhà kinh tế học tư sản cũng như của các nhà phê bình xã hội chủ nghĩa đều mờ mịt trong bóng tối. [...]

3. Con người khoa học là như vậy đó. Nhưng đây hoàn toàn không phải là điều chủ yếu ở Mác. Khoa học đối với Mác là một động lực lịch sử, một lực lượng cách mạng. Mỗi phát kiến mới trong bất cứ khoa học lí luận nào, thậm chí đôi khi người ta chưa thấy ngay được việc ứng dụng nó vào thực tế, đã có thể đem đến cho Mác một niềm vui thực sự, nhưng niềm vui của ông còn lớn hơn nữa khi phát kiến đó nhanh chóng có tác động cách mạng đến công nghiệp, đến sự phát triển lịch sử nói chung. [...]

Bởi lẽ trước hết Mác là một nhà cách mạng. Bằng cách này hay cách khác, tham gia vào việc lật đổ xã hội tư sản và các thiết chế nhà nước do nó dựng lên, tham gia vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản hiện đại mà ông là người đầu tiên đem đến cho giai cấp ấy ý thức về địa vị và yêu cầu của mình, ý thức về điều kiện để tự giải phóng, đó thật sự là sứ mệnh thiết thân của cuộc đời ông. Đấu tranh là hành động tự nhiên của Mác. Và Mác đã đấu tranh một cách say sưa, kiên cường và có kết quả, [...] dẫn đến sự xuất hiện Hội liên hiệp công nhân quốc tế vĩ đại [...], đây chính là sự nghiệp mà ai xây dựng nên đều lấy làm tự hào, thậm chí dù cho người đó không làm gì thêm nữa.

4. Đó là lí do vì sao Mác là người bị căm ghét nhiều nhất và bị vu khống nhiều nhất trong thời đại ông. Các chính phủ – cả chuyên chế lẫn cộng hoà – đều trục xuất ông, bọn tư sản – cả bảo thủ lẫn dân chủ cực đoan – đều thi nhau vu khống và nguyền rủa ông. Mác đã gạt sang một bên tất cả những thứ đó, coi như cái mạng nhện vướng chân, chẳng thèm đếm xỉa, và chỉ đáp lại khi thấy hết sức cần thiết mà thôi. Và ông đã mất đi, hàng triệu người cộng sự cách mạng với ông ở khắp châu Âu và châu Mỹ, từ những hầm mỏ Xi-bia đến tận Ca-li-phoóc-ni-a đã tôn kính, yêu mến và khóc thương ông, và tôi có thể mạnh dạn nói rằng ông có thể có nhiều kẻ đối địch, nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả.

Tên tuổi và sự nghiệp của ông đời đời sống mãi!

1. Cống hiến vĩ đại đầu tiên của Các Mác là gì?

2. Cống hiến vĩ đại thứ hai của Các Mác là gì?

3. Hãy chỉ ra cống hiến vĩ đại thứ ba của Các Mác. Dung lượng phần văn bản tác giả viết về cống hiến này có gì đặc biệt hơn so với phần viết về hai cống hiến trước?

4. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nổi bật nào trong các phần văn bản 1, 2, 3? Chỉ ra hiệu quả của biện pháp nghệ thuật đó.

5. Tại sao nói Các Mác “có thể có nhiều kẻ đối địch, nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả”?

BA CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI CỦA CÁC MÁC

Ăng-ghe-n

1. Hoàn thành sơ đồ theo gợi dẫn để tìm hiểu về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản:

1a. Chỉ ra bố cục và nội dung từng phần của văn bản.

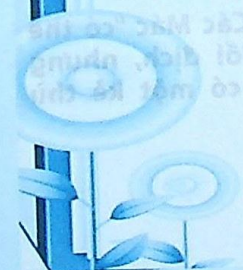
1b. Nhận xét về mạch lập luận và biện pháp nghệ thuật nổi bật của văn bản.

BA CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI
CỦA CÁC MÁC

1c. Ghi lại những nhận thức sâu sắc về Các Mác mà bài viết đem đến cho anh/chị.

1d. Nhận xét về thái độ, tình cảm của Ăng-ghe-n dành cho Các Mác được thể hiện qua văn bản.

2. Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về một chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng biện pháp so sánh tăng tiến.





TRƯỚC KHI ĐỌC

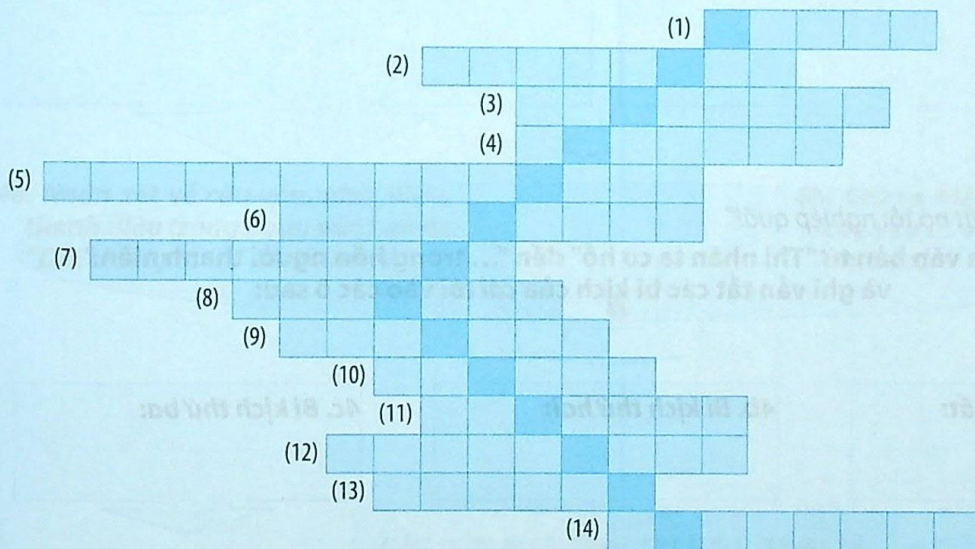
1. Chia sẻ

Anh/Chị ấn tượng với trào lưu văn học nào nhất trong giai đoạn 1930 – 1945? Chia sẻ một vài ấn tượng của anh/chị về trào lưu văn học đó.

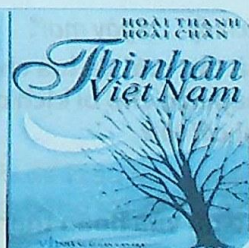


2. Dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK và những kiến thức đã học về phong trào Thơ mới, hoàn thành ô chữ theo gợi dẫn dưới đây:

- | | |
|---|--|
| (1) Nhớ rừng là bài thơ của tác giả ... | (8) Hoài Thanh từng làm Chủ nhiệm tuần báo ... |
| (2) Nhà thơ "mới nhất trong các nhà thơ mới" là ... | (9) Trước Cách mạng tháng Tám, Hoài Thanh đã từng giữ chức ... trong Hội Văn hoá cứu quốc ở Huế. |
| (3) Thi sĩ của đau thương và bất hạnh trong phong trào Thơ mới là ... | (10) Quê hương đã sản sinh ra người con ưu tú Hoài Thanh là ... |
| (4) Hoài Thanh là một nhà ... | (11) Tập thơ <i>Đau thương</i> ban đầu có tên là ... |
| (5) Công trình được đánh giá là xuất sắc nhất của Hoài Thanh là ... | (12) Hoài Thanh đã được Nhà nước tặng giải thưởng ... |
| (6) Bài thơ <i>Tràng giang</i> trích trong tập thơ ... | (13) Bài thơ <i>Vội vàng</i> được in trong tập ... |
| (7) Một bút danh khác của Hàn Mặc Tử là ... | (14) Một thời đại trong thi ca là ... mở đầu cuốn <i>Thi nhân Việt Nam</i> . |



3. Dựa vào kết quả đọc phần *Tiểu dẫn* và ô chữ đã hoàn thành, anh/chị hãy giới thiệu ngắn gọn những nét cơ bản về tác giả Hoài Thanh và đoạn trích *Một thời đại trong thi ca*.



MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA (Trích)

Hoài Thanh

Tìm hiểu bố cục, mạch lập luận của văn bản theo gợi dẫn dưới đây:

1. Câu văn đầu tiên cho biết vấn đề chính văn bản tập trung giải quyết là gì?

2. "Giá các nhà thơ mới ... phải nhìn vào đại thể". Tác giả đã dựa vào những căn cứ nào để xác định tinh thần của thời đại Thơ mới?

**3. "Cứ đại thể... thấy nó đáng thương".
3a. "Cứ đại thể... những chỗ khác nhau".
Tinh thần của thơ mới là gì?
Tinh thần của thơ cũ là gì?**

**3b. "Ngày thứ nhất... rề rúng đến thế".
Bản chất của chữ "ta", chữ "tôi" là gì?**

**3c. "Bởi vậy cho nên... thấy nó đáng thương".
Hành trình xuất hiện của cái tôi và phản ứng của xã hội với nó như thế nào?**

**4. "Mà thật nó tội nghiệp quá!"
Đọc phần văn bản từ "Thi nhân ta cơ hồ" đến "... trong hồn người thanh niên."
và ghi vắn tắt các bi kịch của cái tôi vào các ô sau:**

4a. Bi kịch thứ nhất:

4b. Bi kịch thứ hai:

4c. Bi kịch thứ ba:

**5. "Bi kịch ấy... ngày mai".
Các nhà thơ mới đã lựa chọn giải pháp nào cho bi kịch của thời đại cái tôi?**

Nhìn vào sơ đồ vừa hoàn thành và nêu nhận xét bằng lời về mạch lập luận của văn bản.

1. Tìm hiểu phong cách viết phê bình của tác giả Hoài Thanh theo gợi dẫn dưới đây:

1a. Trong văn bản, nhà phê bình Hoài Thanh hiện lên qua đại từ nào? Đại từ đó xuất hiện bao nhiêu lần?

1

1b. Việc sử dụng đại từ này đem lại hiệu quả như thế nào cho văn bản?

2a. Liệt kê một số từ ngữ gợi hình ảnh tiêu biểu trong văn bản.

2

2b. Chỉ ra hiệu quả của các từ ngữ này.

3a. Có bao nhiêu câu cảm thán được sử dụng trong văn bản?

3

3b. Các câu cảm này tạo ra ấn tượng gì cho người đọc?

4a. Nhận xét về câu văn, nhịp điệu, thanh điệu trong đoạn văn bản từ "Đời chúng ta ..." đến hết bài.

4

4b. Chỉ ra hiệu quả biểu đạt của các yếu tố vừa nhận diện trong mục 4a.

CÂY BÚT PHÊ BÌNH TÀI HOA, TINH TẾ
HOÀI THANH

2. Hoài Thanh tâm niệm nhà phê bình văn học là người "lấy hồn tôi để hiểu hồn người". Anh/Chị có nhận thấy điều này trong văn bản vừa đọc không? Hãy chia sẻ bằng lời về điều đó.

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA (Trích)

Hoài Thanh

Các nhà thơ mới đã gửi tình yêu quê hương đất nước vào tình yêu tiếng Việt, nhờ vậy họ đã sáng tạo được các tác phẩm văn học ghi dấu ấn "một thời đại trong thi ca" và mãi mãi.

Anh/Chị hãy ghi lại một vài câu thơ của mỗi tác giả theo gợi dẫn dưới đây để thêm hiểu nhận xét tinh tế, chính xác của Hoài Thanh, từ đó chia sẻ trách nhiệm của mình đối với tiếng Việt – tài sản tinh thần vô giá của dân tộc.

XUÂN DIỆU

HUY CẬN

"Họ yêu vô cùng thú tiếng trong
mây mười thế kỉ đã chia sẻ vui
buồn với cha ông. Họ dồn tình
yêu quê hương trong tình yêu
tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là
tấm lụa đã hứng vong hồn những
thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng
muốn mượn tấm hồn bạch chung
để gửi nỗi băn khoăn riêng."

NGUYỄN BÌNH

HÀN MẶC TỬ

Tình yêu của các nhà thơ mới với "tấm hồn bạch"
của cha ông gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về trách
nhiệm của mình và thế hệ trẻ với tiếng Việt?



XUẤT DƯƠNG LƯU BIỆT

* Phiếu học tập số 5

Văn bản:

Đáp lời kêu gọi cứu nước của Phan Bội Châu, thế hệ thanh niên Nghệ Tĩnh hồi đó đã có trên ba chục người tham gia vượt biển Đông du như Nguyễn Thúc Canh, Nguyễn Thúc Đường, Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn Quỳnh Lâm, Bùi Chính Lộ, Trần Đông Phong,... Thời gian từ 1906 – 1908 là giai đoạn đặc ý nhất của Phan. Trên đất Nhật Bản, Phan Bội Châu với tư cách là người đứng đầu tổ chức Đông du, đã thu hút được gần hai trăm thanh niên trong nước xuất dương cầu học. Phan đã khéo tổ chức họ lại sinh hoạt chung trong một tổ chức có quy củ gọi là Cống Hiến hội. Hội này có nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo đảm lưu học sinh học tập chuyên môn, chính trị, tu dưỡng đạo đức, tư cách cũng như sinh hoạt văn nghệ trong thời gian sống ở nước ngoài. Phan Bội Châu cũng lần lượt liên hệ với các nhà chính khách, kể cả chính phủ Nhật Bản, sắp xếp cho anh em thanh niên Việt Nam được vào học ở các trường văn hoá, chính trị, quân sự của Nhật Bản rất chu đáo.

(Chương Thâu, *Hồ sơ vụ án Phan Bội Châu*,

NXB Văn hoá – Thông tin & Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, H. 2002)

VỘI VÀNG

* Phiếu học tập số 6

Văn bản: KHI TA SỐNG MỘT CUỘC ĐỜI NHẬT NHỎ



1. TA CHẤP NHẬN NHỮNG GIÁ TRỊ MÀ NGƯỜI KHÁC NÓI



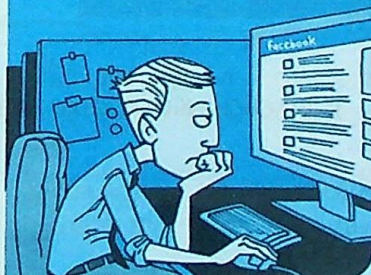
2. TA CHẴNG BAO GIỜ HỎI ĐIỀU MÌNH THẮC MẮC.



3. TA TỐT NGHIỆP ĐẠT HỌC VỊ BỐ MẸ MUỐN. CHÚ CHẴNG PHẢI VÌ TA MUỐN HỌC NGÀNH ĐÓ



4. TA NGỒI BÊN MÁY TÍNH 40 GIỜ MỖI TUẦN MÀ HIỂU QUẢ CHỈ BẰNG 10 GIỜ LÀM VIỆC





NGŨ LIỆU ĐỌC HIỂU

5. TA ĐI DU LỊCH NƯỚC NGOÀI 1-2 LẦN TRONG ĐỜI, CHỈ ĐẾN NHỮNG NƠI AN TOÀN VÀ ĐẸ ĐI



6. TA DÀNH CẢ CUỘC ĐỜI ĐI LÀM VÀ TRẢ NỢ CHO MỘT KHOẢN TIỀN CHĂNG HƠN CHĂNG KÉM.

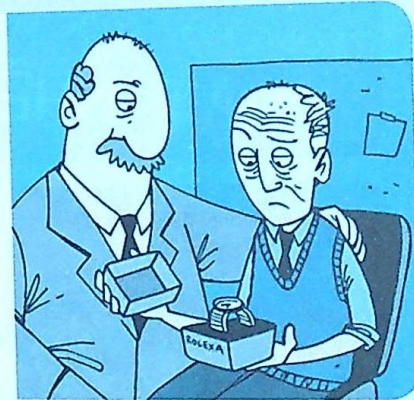


[...]

9. TA CŨNG NGHĨ ĐẾN CHUYỂN KINH DOANH RIÊNG, VÀ CŨNG CHĂNG BAO GIỜ LÀM



10. TA CHĂNG BAO GIỜ DÁM KHÁC BIẾT GIỮA ĐÁM ĐỒNG HAY KHIẾN MỌI NGƯỜI ĐỂ Ý



NƠI YÊN NGHỈ
CỦA MỘT NGƯỜI
RẤT
BÌNH THƯỜNG.

BẠN ĐÂU CẦN PHẢI SỐNG CẢ ĐỜI
THEO CÁCH NGƯỜI KHÁC TRÔNG ĐỢI Ở BẠN NHƯ THẾ CHỨ?

(Nguồn: songkhoe.net)



VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA (Trích *Đạo đức và luân lí Đông Tây*)

* Phiếu học tập số 4

Văn bản 1:

TIẾNG HÁT NGƯỜI CÂM

Hôm qua, Bộ Nội vụ lại xin Quốc hội lùi thời gian thông qua Luật về Hội. Dự án Luật này đã phải chờ 10 năm và nay vẫn chờ tiếp.

Cứ mỗi lần nhắc đến Luật về Hội, tôi lại nhớ bà Thảo. Nhiều người Sài Gòn hẳn đã gặp bà, dù không biết tên. Có dạo, cứ mỗi tối, bà lại dẫn một lũ trẻ ra đường đi bộ Nguyễn Huệ để hát rong. Người phụ nữ khắc khổ, tóc đã bạc, bắt nhịp cho dàn đồng ca “hát” theo tiếng nhạc phát ra từ chiếc loa cũ. Nhóm hát ấy là của những người câm điếc.

Người câm cũng biết hát. Bà Thảo đứng trước, như một nhạc trưởng, nghe lời ca phát ra từ chiếc loa, rồi dùng tay “hát” lại bằng ngôn ngữ kí hiệu. Lũ trẻ hoà nhịp “hát” theo, cũng bằng tay. Khung cảnh ấy khiến nhiều người qua đường xúc động, dừng lại, bỏ tiền vào chiếc hòm nhỏ.

Đó không phải là một nhóm hát rong thông thường. Đằng sau nhóm hát ấy là nỗ lực duy trì một “hội” dành cho người câm điếc Thành phố Hồ Chí Minh của bà Thảo.

Con trai duy nhất của bà, Khiêm, bị câm điếc bẩm sinh. Sau nhiều năm nuôi dạy đứa con khiếm thính trở thành cử nhân kĩ thuật, bà nói mình thấu cảm sự khó khăn của những người câm điếc. Bà đứng ra tổ chức những hoạt động giáo dục cho người câm điếc, từ dạy chữ, dạy kĩ năng sống, cho đến việc nuôi cả những đứa trẻ câm điếc không nơi nương tựa trong căn nhà tập thể chỉ hơn 20 mét vuông của mình. Hay đôi khi, là những việc như quyên góp mua một chiếc quan tài cho người câm điếc nghèo nọ đã qua đời.

Báo chí viết về bà Thảo nhiều. Nhưng không khiến bà có một tư cách. Bà tả rằng chồng hồ sơ xin được thành lập “Hội điếc câm Thành phố Hồ Chí Minh” của mình đã dày cả mét. Rất nhiều lá đơn, rất nhiều quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố. Trong căn phòng nhỏ của bà, bên cạnh mấy đứa trẻ câm điếc đang nằm ngủ, tôi đã xem hết, nhưng không thể nhớ hết. Một quy trình rối rắm được điều chỉnh bằng nhiều nghị định và thông tư. Đã gần 10 năm, bà xoay sở với đống giấy tờ ấy mong cái hội của mình được thừa nhận.

Năm ấy, tôi đã định viết nhiều về bà Thảo - trong tuyển bài vận động cho dự án Luật về Hội. Nhưng cuối cùng, như nhiều năm trong quãng 10 năm qua, nó vẫn là một dự án treo. Năm ngoái, năm nay hay năm sau viết cũng chưa muộn.

Được thành lập hội là một nhu cầu chính đáng của công dân. Chính phủ có thể có rất nhiều lí do về an ninh, về ổn định chính trị để nghi ngại về các hội. Nhưng có lần, tôi dự một bàn tròn về Luật Hội, có đồng nghiệp bức xúc: “Liên minh chung cư Hà Nội có phải là một cái hội không?”. Một nhóm các cư dân chung cư liên hiệp lại, để đấu tranh với chủ đầu tư về những vấn đề như phí gửi xe, sửa chữa điện nước, cái hố rác thông tầng... thì có phải là một nhu cầu chính đáng và rất cần thiết trong xã hội hay không? Cái gọi là “hội”, thật ra chỉ đơn giản như thế.

Nghĩ đến việc những hội như Hội đồng hương Hải Phòng, Hội hoạ mi chiến Hà Nội, Hội chủ quán phở Nam Định, theo nguyên tắc phải được gọi là “hoạt động ngoài vòng pháp luật”, rất thấy có vấn đề.

Và cái nhóm hát của người câm trên đường Nguyễn Huệ, dù pháp nhân của nó đã kẹt lại ở đâu đó trong núi công văn giấy tờ trên uỷ ban, thì nó vẫn là một hội. Không được gây quỹ, không được có con dấu, thì nó hoạt động bằng cái thùng quyên góp trên phố đi bộ, mấy bà cháu đổ ra sân nhà, cùng đếm, rồi đem tiền ấy đi tổ chức hoạt động cho người câm điếc. Nó hoạt động, không phải bởi ý nguyện cá nhân của bà Thảo – mà bởi thành phố ấy, có rất nhiều người câm điếc nghèo khó cần được giúp đỡ, và họ tin bà Thảo.

Nhưng tất nhiên, nói thế không phải là không cần luật. Không có một pháp nhân, không có một cơ chế kiểm toán, bà Thảo có nhận bao nhiêu lời ra tiếng vào cũng phải chịu. Người ta có nói, bà lợi dụng bọn trẻ khuyết tật để làm tiền, cũng phải chịu.

Nhiều hội đang hoạt động, như là những tiếng hát của người câm. Người câm vẫn hát, bởi vì họ cần hát, nhưng không thể thành những lời ca, mà chỉ thành một thông điệp day dứt.



Đạo này vào Sài Gòn, tôi lên căn gác nhỏ của bà Thảo mấy lần, nhưng đều không gặp. Truyền thông đã giúp bà bận bịu hơn, làm được nhiều việc hơn với cộng đồng người câm, không cần đi hát rong xin tiền nữa. Nhưng vui đấy, rồi lại buồn ngay: vẫn lác đác đâu đó là những điều tiếng của một nhóm hoạt động tự phát “không có kiểm toán”.

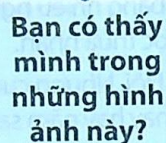
Bọn trẻ con cảm thấy, chúng tất nhiên không thể cãi nhau. Còn bà Thảo, ai khiến bà không có nổi một cái pháp nhân cho đền hoàng?

(Theo Đức Hoàng, Nguồn: vnexpress.net)

(Theo Đức Hoàng, Nguồn: vnexpress.net)

"Văn bản" 2:

THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA NGƯỜI VIỆT



(Sưu tầm và tổng hợp từ Internet)

Văn bản 3:

GIỮA NGƯỜI VỚI NGƯỜI

Bắt đầu bằng những vết rạn nhỏ không thấy được bằng mắt thường, cuộc tình của em mê một mảnh sau bữa bồ khoê ca trực tối qua có thằng trộm trâu bị đánh suýt chết, ngay lúc cấp cứu bỏ kịp lấy điện thoại chụp cái ảnh thằng nhỏ nằm rúm rỏ tãi ngay lên mạng xã hội, thiên hạ ào vô thích quá trời. Nhỏ em nghĩ bồ quên vai trò mình là y sĩ còn thằng nhỏ là bệnh nhân, nhưng sao có thể quên kẻ đang chịu đau đớn kia là một con người?

Chuyện đã cũ rồi, tình cũng thành tình cũ, nhưng em nói không bao giờ ghé lại ngôi nhà trên mạng của bố, giờ cũng là một địa chỉ đông khách thăm. Em sợ lại gặp trên ấy gương mặt biến dạng của người phụ nữ bị chồng thiêu, bàn tay rụng đốt của một em bé bị bạo hành... những con người buộc phải đến khoa cấp cứu trong tình trạng bên bờ sống chết. Chỉ với điện thoại thông minh buộc vào mạng xã hội là thành một căn cầu, anh y sĩ ung dung biến ca trực của mình thành buổi câu tin nóng hổi. "Và bằng mỗi người", em nói, không cười.

Hai chữ mỗi người thịnh hành khá lâu, lúc những trang báo lá cải bắt đầu câu người đọc bằng những tình duyên, đường cong, rãnh sâu của diễn viên người mẫu. Lăn hồi cũng lạt miệng, mỗi câu không còn móc vào giới phù hoa. Đầu năm những người bán bắp luộc chết giấc với tin



nồi nước luộc có pin đèn, cuối năm giới hủ tiểu gổ sập tiệm với tin nước dùng chuột cống. Mẹ em nấu chè dừa non bán, hôm rày lo rầu sợ mở báo thấy đăng tin chè buổi có thuốc rầy, chẳng hạn. Tai bay vạ gió, biết đâu chỉ vì một người bán chè nào đó ở cổng trường thấy một cậu học trò chửi thề ghê quá, bảo ban nó mấy câu, ai ngờ nó để bụng về tung lên mạng cái câu ăn chè buổi ngộ độc thuốc trừ sâu. Những trang báo đói ngấu chộp lấy, năm giây sau cả nước biết tin, tẩy chay món chè của bà già.

Em hỏi chị bạ gì cũng đọc, có chuyện nào truyền thuyết nào về cái sự người không ngó thấy người, kiểu như truyền thuyết về tháp Babel giải thích rằng bởi vì chúa trời trừng phạt nên chúng ta không nghe và hiểu nhau. Đầu phải tự dung mà lịch sử thế giới triển miên những cuộc chiến vì tôn giáo, sắc tộc, màu da, nhìn nhau chỉ để nhận diện giặc hay ta. Điện thoại thương hiệu Mĩ, Hàn, hoàn toàn không mắc mớ gì tới chén cơm của mình đâu mà vẫn tung toé những lời nhiếc mắng trên diễn đàn công nghệ. Một vụ cướp tiền giữa ban ngày, người ta chỉ thấy giấy bạc bay mà không thấy nạn nhân. Hôi bia cũng vì chỉ thấy bia lặn lóc ra đường.

"Tụi mình cứ như bị lời nguyền", em nói. Biết đâu những bộ tộc trong rừng rậm châu Phi, họ đang lưu truyền một vài lời nguyền rằng người ta luôn bị che mắt tầm nhìn bởi những bức tường vô hình [...]. Đến và đi cùng lúc, trong cái cách người ta gần lại có ẩn chứa sự xa nhau.

Ngay cả mạng xã hội, thứ dùng để chia sẻ, cũng đi bên lẫn ranh chia rẽ. Nó giúp em tìm lại rất nhiều bạn học cũ, tham gia những chuyển công tác xã hội, quen và yêu anh y sĩ đẹp trai. Nhưng mạng xã hội cũng góp tay cho đường ai nấy bước. Mẹ em tiếc thẳng rể hụt, nói tao thấy nó hiền queo, có gì để chê đâu. Em cười cười. Thí dụ, một người thấy cô gái trèo thành cầu để nhảy sông tự vẫn, anh ta dẫn đo không biết nên giữ cô lại, hay cứ để cổ nhảy và ta chụp ảnh đem lên mạng hái hàng trăm cái tặc lưỡi xuýt xoa. Cái dẫn đo ấy, dù là trong khoảnh khắc, cũng đáng sợ.

Đến đồ chơi mà cũng điều chỉnh được hành vi con người, làm cho tình người xao lãng, động vật cấp cao coi vậy mà dễ tổn thương."

(Nguyễn Ngọc Tư, *Đong tấm lòng*, NXB Trẻ, 2015)



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

XUẤT DƯƠNG LƯU BIỆT

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS phát biểu tự do. Hình ảnh con sóng như bay lên trên mặt đại dương xa rộng có thể gợi cho mỗi chúng ta cảm nhận về sự lớn lao, kì vĩ của thiên nhiên, gợi khát vọng cao cả của con người,...

Mục 2: HS căn cứ vào phần *Tiểu dẫn* là có thể dễ dàng hoàn thành. Từ khoá của ô chữ là BẦU MÁU NÓNG, cho thấy đặc điểm nổi bật của thơ văn Phan Bội Châu, là sự tâm huyết, sôi trào khát vọng cứu nước cứu nòi. Tác giả đã từng tâm sự: "Tôi được trời phú cho bầu máu nóng cũng không đến nỗi ít, lúc còn bé đọc sách của cha tôi, mỗi khi đến chỗ nói người xưa chịu chết để thành nhân, nước mắt lại đầm đìa nhỏ xuống ướt đầm cả giấy. Ông Trương Công Định vì Nam Kỳ mà tuần tiết, ông Nguyễn Tri Phương vì Hà Nội mà hi sinh, chuyện đó tôi thường bàn đến, lại nắm tay đầm ngực xấu hổ phải lùi lại sau hai ông vì cái bản tính của tôi như thế không thể che giấu được".

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS căn cứ vào bản dịch nghĩa để đối chiếu, nhận ra ở bản dịch thơ những điểm chưa trung thành với bản phiên âm. Về cơ bản có thể thấy sự khác biệt có ý nghĩa ở một số chỗ như: *hi kì* (dịch thành "lạ"), *ngã* (dịch thành "tớ"), *sinh đồ nhuế* (học cũng ngu thôi) (dịch thành "học cũng hoài"), *nhất tề phi* (cùng bay lên) (dịch thành "tiễn ra khơi").

Mục 2: HS quan sát bảng luật thơ văn bằng, đối chiếu với bài *Xuất dương lưu biệt* để nhận ra văn bản được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật, vần và đối chỉnh theo mô hình, các ngữ điệu hỏi trong câu thứ tư, ngữ điệu cảm thán trong câu thứ hai, câu thứ sáu. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là *cái tôi* trữ tình Phan Bội Châu. HS đọc diễn cảm để phát biểu ấn tượng chung, ví dụ về giọng điệu nhiệt huyết, về hình ảnh hoành tráng và kì vĩ, về hùng tâm tráng chí của *cái tôi* trữ tình,... Có thể phân tích bài thơ theo cấu trúc đề – thực – luận – kết hoặc theo các khía cạnh nội dung của bài thơ.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Từ ngữ chỉ không gian, thời gian trong bốn câu thơ đầu: *càn khôn* (trời đất), *khoảng trăm năm*, *sau này muôn thuở* (ngàn năm sau). Không gian, thời gian mang tầm vóc vũ trụ, tạo ra một "trường" hoạt động phóng khoáng, tung hoành cho *cái tôi* trữ tình, nâng tầm vóc của *cái tôi* ấy.

Mục 2: *Cái tôi* trữ tình tự xưng là "ngã" (ta). Đây là một điều khá đặc biệt so với truyền thống phi ngã của văn học trung đại. Nó thể hiện thái độ tự tin. *Cái tôi* cá nhân là sản phẩm của của thời đại xã hội mới. Nhưng trong dòng văn học yêu nước cách mạng, đó là một *cái tôi* mang kích cỡ, tầm vóc thật rộng lớn. Nó chẳng những được đặt trong không gian "càn khôn" xoay vần đấp dội mà còn hiện lên trong thời gian "trăm năm" (cuộc nhân sinh của mỗi cá nhân) và "ngàn năm" (lịch sử dân tộc).

Mục 3, 4: Chữ "hi kì" (điều lạ) được hiểu là những việc lớn lao, can dự vào quy luật chuyển vận của tạo hoá, là việc cứu nước cứu nòi. *Cái tôi* trữ tình đã xác định rất rõ ràng trách nhiệm của mình, không ỷ lại, dựa dẫm, luôn luôn tin tưởng mình nối mạch lịch sử cha ông, rồi đây trong khoảng "ngàn năm", sự nghiệp của mình lo gì không có người tiếp bước. Điều *cái tôi* ấy hướng đến không phải chỉ là sự lưu danh thiên cổ của tên tuổi cá nhân mà quan trọng hơn là vận mệnh đất nước, số phận giống nòi. Nhiệt tình cảm xúc của tác giả hiển hiện trên bề mặt câu chữ. Giọng thơ khẳng định đan xen với cảm thán, câu hỏi tu từ hàm ý khẳng định thể hiện một thái độ tự tin, khí lực dồi dào của bản thân kẻ nam nhi đang khát khao những việc "hi kì" trong sự nghiệp cứu nước. Đây chính là sự tiếp nối của *cái tôi* trữ tình trong *Chơi xuân*: "Giang sơn còn tô vẽ mặt nam nhi – Sinh thời thế phải xoay nên thời thế (...) Năm địa cầu vừa một tí con con! – Đạp toang hai cánh càn khôn – Đem xuân về lại trong non nước nhà".

Mục 5: Có thể kể đến một số câu sau: "Nam nhi vị liễu công danh trái" (Công danh nam tử còn vương nợ – Phạm Ngũ Lão); "Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán – Phá vòng vây bạn với kim ô" (Nguyễn Hữu Cẩu); "Vũ trụ nội mạc phi phận sự" (Mọi việc trong vũ trụ không có việc nào không phải bốn phận của ta), "Đã mang tiếng ở trong trời đất – Phải có danh gì với núi sông", "Không công danh thà nát với cỏ cây", "Chí làm trai nam, bắc, tây, đông – Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể" (Nguyễn Công Trứ).



* Phiếu học tập số 4

Mục 1: HS huy động tri thức nền có liên quan đến câu thơ để chuẩn bị cho việc phân tích, cắt nghĩa sâu văn bản. Cụ thể, sách vở thánh hiền được hiểu là nền học vấn Nho học truyền thống. Với nhà nho xưa, sách vở thánh hiền là những điều thiêng liêng, là chuẩn mực bất khả xâm phạm. Về lẽ sống chết ở đời, nhân dân ta thường có quan niệm rất rõ ràng: "Chết trong còn hơn sống đục" (hoặc "Chết vinh còn hơn sống nhục"). Về học vấn của Phan Bội Châu, phần *Tiểu dẫn* cho chúng ta thấy ông là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, từng đỗ Giải nguyên trường Nghệ (1900).

Mục 2: "Non sông đã chết" được hiểu là đất nước đã mất chủ quyền. Qua câu chữ, chúng ta nhận ra nỗi đau đớn can tràng của tác giả. "Non sông đã chết" lẽ nào con người cũng chấp nhận tủi nhục, nô lệ, đớn hèn mà Phan Bội Châu gọi là "cái vạ chết lòng".

Mục 3: "Thánh hiền đã vắng" có thể được hiểu là linh hồn của sách vở, giáo lí truyền thống đã tiêu tan, những tư tưởng, quan niệm trong sách vở của nhà nho đã lạc hậu, bảo thủ, không còn phù hợp với thực tiễn đất nước. "Độc sách cũng ngu thôi" được hiểu là nếu cứ mù quáng say sưa tụng ca giáo lí thánh hiền thì sẽ trở thành những kẻ "nhá chữ nhai câu", "ngoảnh mặt làm ngơ", "bình chân như vại" trước thực tế đòi hỏi ráo riết của thời đại.

Mục 4: HS chỉ ra được phép đối trong hai câu luận, giọng điệu đầy khẩu khí mạnh mẽ, quyết liệt. Nghệ thuật biểu đạt như vậy như lay tỉnh, "mở mắt" cho biết bao người đang say sưa giấc nồng trong "văn chương bát cổ".

Mục 5: Đối chiếu với tri thức đọc hiểu chúng ta thấy: Phan Bội Châu là người từng xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, từng nổi tiếng trong mỗi kì thi, vừa đỗ thủ khoa trường Nghệ 5 năm trước đó mới thấy hết ý nghĩa mạnh mẽ, quyết liệt và tinh chất cách mạng trong quan điểm về nền học vấn cũ của Phan Bội Châu. Lí do giúp tác giả có nhận thức mới mẻ, táo bạo và mạnh mẽ ấy là xuất phát từ lòng yêu nước thiết tha, ý thức thương trực nhiệm vụ cứu nước và khát vọng tìm con đường đi mới cho dân tộc. Không thể không kể đến nguồn ảnh hưởng tích cực của những luồng tư tưởng mới đang truyền vào đất nước ta qua những cuốn Tân thư bằng chữ Hán.

Mục 6: HS có thể liên hệ đến các câu thơ, câu văn khác có cùng quan điểm với Phan Bội Châu, ví dụ: Nguyễn Trường Tộ viết *Tế cấp bát điều* (Tám việc cần làm gấp), trong đó có việc thứ tư: Xin sửa đổi học thuật, chú trọng thực dụng bởi "các sách nho chỉ nói suông trên giấy", "bởi vì sách vở chỉ chép nào là sự tích chính sự thời xưa của cổ nhân, nào là những bài luận hay ho của người xưa để lại, nào những áng văn chương trau chuốt của chư tử, nào những tiểu thuyết dã sử của những người hiểu sự đặt bày (...) xét kĩ những thứ sách vở đó chỉ làm rối trí thêm chẳng được tích sự gì" (*Xin lập khoa luật*). Đó cũng là lí do để một vị đại khoa như Nguyễn Khuyến thở dài chua chát, tự chiêm nghiệm, tự trào một cách cay đắng: "Sách vở ích gì cho buổi ấy – Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già" (*Ngày xuân dạy các con* – Nguyễn Khuyến).

* Phiếu học tập số 5

Mục 1, 2: Câu kết thực sự là khoảnh khắc "xuất dương" trong tâm tưởng của người chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu. Khát vọng và tư thế đều vươn đến tầm vóc sánh ngang vũ trụ. Các hình ảnh như: *Đông hải* (biển Đông), *thiên trùng bạch lãng* (ngàn đợt sóng bạc), *trường phong* (ngọn gió dài, ngọn gió lớn), *nhất tề phi* (cùng bay lên, bay theo) hô ứng với nhau trong trường liên tưởng rộng lớn, hoành tráng. Đây là một dự cảm, một khát vọng, một liên tưởng hào hùng bất chợt đến trong niềm lạc quan, tin tưởng mãnh liệt của nhà thơ. Bản dịch đã biến sự "đột khởi" trong cao trào mạch cảm xúc "xuất dương" tìm con đường đi mới cho cơ đồ đất nước thành lời miêu tả, tường thuật, hình ảnh thơ phần nào nhẹ nhàng, tĩnh lặng, âm thầm: "Muôn trùng sóng bạc tiến ra khơi". Nó không nói được cái hăm hở dẫn thân, phong độ hào hùng và trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ. Con người ấy như đang lao ngay vào một trường hoạt động mới mẻ, sôi động đang mở ra trước mắt. Biển rộng, ngàn đợt sóng lớn, gió đại dương – gió của viễn cảnh thời đại mới – đang nhất tề "cùng bay lên" trên đôi cánh lãng mạn của trí tưởng tượng kì vĩ, hoành tráng. Hay chính khát vọng lớn lao, hoài bão cao cả, khí lực dồi dào, bầu máu nóng sục sôi của *cái tôi* trữ tình đã cuộn lên



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

những lớp sóng lòng dào dạt, sục sôi cho một thế hệ thanh niên ưu tú nặng lòng với non sông đất nước, gạt bỏ tất cả để “xuất dương” cầu học tập tiến bộ.

Mục 3, 4: HS tự suy nghĩ để trả lời.

HẦU TRỜI

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do về một giấc mơ bay bổng nào đó mình từng có. Giấc mơ có thể để lại nhiều dư vị và cảm giác cho mỗi cá nhân. Đây là một cách hoạt hoá tri thức, trải nghiệm nền để HS chuẩn bị đọc văn bản.

Mục 2, 3: HS dựa vào thông tin trong *Tiểu dẫn* là có thể hoàn thành dễ dàng mục 2. Trên cơ sở những nội dung thông tin về tác giả, tác phẩm, HS tập trình bày miệng bằng cách dựa vào mục 2 để giới thiệu những nét cơ bản về Tản Đà và bài thơ *Hầu Trời* của ông.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS chú ý vào năm khổ đầu để tìm chi tiết về không gian hạ giới. Sự việc dẫn vào câu chuyện là hai cô tiên xuống tìm tác giả lên thiên đình đọc thơ cho Trời nghe vì “tội” tiếng ngâm thơ dưới hạ giới của thi nhân vang cả sông Ngân Hà, làm cho Trời mất ngủ. HS chú ý vào khổ đầu để thấy sự hấp dẫn trong cách vào chuyện: những phủ định, mơ hồ (... *chẳng biết có hay không*), những khẳng định (*Chẳng phải hoang hốt, không mơ mòng – Thật hồn! Thật phách! Thật thân thể! – Thật được lên tiên...*). Các điệp từ, giọng điệu như “thề sống thề chết”, những cảm xúc còn rất “thời sự”,... tất cả kéo người đọc nhập cuộc say sưa vào giấc mơ cùng tác giả.

HS làm tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1, 2, 3: Thi sĩ tự hào về tài văn chương của mình một cách công khai, đặc ý: “Văn dài hơi tốt ran cung mây! – Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay”, “Văn đã giàu thay lại lắm lối – Trời nghe Trời cũng bật buồn cười”. Cái tài của thi nhân được biểu hiện trên một số phương diện như: Sự giàu có, phong phú về nội dung, sự đa dạng, lắt léo về hình thức, bút lực thi tứ dồi dào, vẻ đẹp hình thức của văn chương: “Nhời văn chuốt đẹp như sao băng”, những cung bậc khác nhau của “khí văn”: “hùng mạnh”, “êm”, “tinh”, “đằm như mưa sa”, “lạnh như tuyết”,... Tác giả sử dụng biện pháp liệt kê, so sánh, giọng điệu, mượn lời của Trời và các chư tiên để tự khen mình,...

Mục 4: Giọng điệu, thái độ của thi sĩ khi nhận lời khen từ Trời và các chư tiên: không hề thấy tác giả tỏ ra “khiêm tốn” trước những lời khen của đẳng chí tôn. Con người ấy đã rất đặc ý, sung sướng, tán thưởng lời “thăm định” của Trời như một thước đo chính xác cho tài năng thơ văn của mình. Mượn lời Trời để khen tài văn của mình một cách công khai, điều đó cho thấy cái ngông, “một sự khẳng định bản ngã lừng lừng phi phong kiến” của tác giả.

Mục 5: Tác giả xưng danh như một bản khai lí lịch rất rành mạch, hiện đại: có tên, họ, quê quán, quốc gia, châu lục, hành tinh. Tên họ được tách ra, tên nêu trước, họ xưng sau. Thấp thoáng ở đây thấy hiện ra một nụ cười hóm hỉnh bởi cái vẻ “thật thà, thành khẩn” của vị trích tiên trước đẳng chí tôn. Đằng sau lối xưng danh đó là một sự ý thức cá nhân, ý thức dân tộc rất đậm nét. Một cái tên trong “giấy khai sinh” – tên thật chứ không phải tên hiệu – được nói rất trang trọng, đàng hoàng, đĩnh đạc như vậy chứng tỏ giá trị không thể phủ nhận, gắn liền với nó. Sự hiện diện của nó là có ý nghĩa, hiển hiện giữa sông núi “Á châu” của “địa cầu” chứ không phải “mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm”. Trong bối cảnh bức địa đồ sông núi “rách tả tơi”, đất nước đã mất chủ quyền, niềm tự hào Nam Việt” thể hiện một thái độ tự tin dân tộc, một “tình cảm non nước” rất đáng trân trọng. Lời thơ cũng là một cách giới thiệu bút danh rất khéo léo của thi sĩ Tản Đà.

Mục 6, 7: HS suy nghĩ để tự trả lời.



* Phiếu học tập số 4

Mục 1, 2, 3: Căn cứ vào văn bản để liệt kê điều thi sĩ trần tình. Từ đó có thể thấy Tản Đà đã vẽ lên một bức tranh chân thực về cảnh sống của mình và nhiều nhà văn khác. Không một tấc đất cắm dùi (*Quê hương thời có cửa nhà thời không*); thân phận bị rẻ rúng, làm chẳng đủ ăn, bị o ép nhiều bề. Thi sĩ như thân tầm nhả mỗi văn chương nhưng “Bao nhiêu củi nước mới thành văn – Được bán văn ra khôn mấy lần – Ông chủ nhà in in đã đắt – Lại ông hàng sách mấy mươi phân” (*Lo văn ế*). “Văn chương hạ giới rẻ như bèo”, cuộc đời của người thi sĩ tài hoa quần quanh trong nghèo khó, túng quẫn. Cuối đời phải mở ngôi hàng xem số tử vi Hà Lạc, không có khách, mở lớp Quốc văn hàm thụ và lớp Hán văn diễn giảng, cũng không có học trò nổi. Một chồng sách cũ xếp trên cái ghế một dài, hai chiếc ghế mây đã thành bảy chân choãi, lè loi ở góc bàn cái hũ rượu cấp giới ngày nọ. “Tất cả chỉ có thể thôi, với một đoàn thê tử yếu và đuối” (Nguyễn Tuân). Thân phận của thi sĩ gọi cho người đọc nhớ tới những Hộ, Điền, Thứ,... với nghịch cảnh “Cơm áo không đùa với khách thơ”,...

Mục 4: Cảnh đọc thơ và lời trần tình hé mở cho người đọc thấy nguyên nhân của những giấc mộng, của những cuộc phiêu du vào chốn thiên đình. Mặt đất đầy những tủn mủn gai góc, những nỗi lo toan không thể giam hãm một hồn thơ bay bổng, phóng khoáng: “Gió hơi gió phong trần ta đã chán – Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong” (*Hỏi gió*). Con người ấy chỉ tìm thấy tri âm tri kỉ ở chốn trời cao (Tri kỉ trông lên đứng tận trời – Tây Hồ vọng nguyệt). Hầu Trời là lúc có thể “chuyên tâm” sống với văn thơ, với những người yêu và sành thưởng thức thơ văn, là lúc thi sĩ được trở về với cái sang trọng của một không gian văn học bay bổng, thanh cao,...

VỘI VÀNG

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do. Trong cuộc sống có những thời điểm chúng ta có cảm nhận thời gian dường như không chờ đợi mình. Điều đó thường xảy ra khi chúng ta đứng trước những thời điểm quan trọng, cần phải hoàn thành một yêu cầu, mục tiêu lớn nào đó của bản thân, ví dụ như chuẩn bị để thi chuyển cấp, để đi du học,... Cũng có thể chúng ta nhận ra thời gian gấp gáp khi những người thân yêu xung quanh mình đang phải đối mặt với những ngặt nghèo của số phận như ốm đau, bệnh tật, mất mát,... Trong những hoàn cảnh đó, chúng ta có thể trải nghiệm nhiều cảm xúc như lo lắng, bất an, thậm chí tuyệt vọng,... Mỗi trạng thái này có thể dẫn đến những cách hành động khác nhau: tự giục giã, đặt mục tiêu phấn đấu cho mình; chấp nhận buông xuôi vì thấy không thể đuổi kịp nhịp đi của thời gian,...

Là nghệ sĩ, Xuân Diệu có sự nhạy cảm và nỗi ám ảnh thời gian mạnh mẽ, mãnh liệt và gấp gáp hơn rất nhiều. Con người ấy nhận ra bước đi nghiệt ngã của thời gian, thấy cái “thời phai” ngay khi tạo vật đang ở độ tràn trề sức sống của “thời tươi”, nhận thấy xuân đi ngay khi mùa xuân mới ngập ngừng chợt đến,...

Mục 2, 3: HS đọc phần *Tiểu dẫn* để hoàn thành ô chữ và giới thiệu bằng lời về thi sĩ Xuân Diệu. Từ khoá của ô chữ là TÌNH YÊU.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Nhan đề bài thơ là một từ láy, một tính từ, gợi ra trạng thái cảm xúc chung của cả bài thơ, tâm thế hồi hã, giục giã của *cái tôi* trữ tình. Sự nhạy cảm về thời gian đã hiện ra ngay ở nhan đề, nó xui khiến con người không thể ung dung, tự tại, đó là một tâm thế rất khác với thơ truyền thống.

Mục 2: Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là *cái tôi* trữ tình tác giả. Nhà thơ lựa chọn cách phát biểu cảm xúc trực tiếp qua đại từ “tôi”.

HS làm tương tự với các mục còn lại. Qua đó, HS xác định, phân chia bố cục và gọi tên nội dung chính của từng đoạn, chẳng hạn như: Một thiên đường nơi trần thế trong cảm nhận của *cái tôi* trữ tình; Sự nhận thức về bước đi nghiệt ngã của thời gian; Lời giục giã sống vội vàng, cuống quýt,...



* Phiếu học tập số 3

Mục 2: Hình ảnh thị giác là các từ ngữ gợi cho người đọc cảm nhận như mình đang được nhìn thấy một bức tranh về tạo vật và con người. Tương tự như vậy, hình ảnh thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác gợi cảm nhận về âm thanh, mùi vị, sự tiếp xúc. Ví dụ, từ "hoa" là hình ảnh thị giác, từ ngữ "khúc tình si" gợi ra hình ảnh thính giác,... Một từ ngữ có thể gợi ra cảm nhận của nhiều giác quan. HS thực hiện tương tự với các ô còn lại.

Mục 3: Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng rất nhiều dấu chấm phẩy (;), đặc biệt là dấu chấm (.) được đặt ở giữa dòng thơ 12. Gắn với mạch cảm xúc, các dấu câu này có thể gợi cảm nhận bức tranh sự sống rất phong phú và giàu có, liệt kê bao nhiêu cũng chưa đủ. Dấu chấm rơi giữa dòng thơ như bản lề đánh dấu hai trạng thái cảm xúc cận kề mà như đồng hiện: sung sướng, ngất ngây trước thiên đường hạnh phúc trần thế và giạt mình lo lắng, thảng thốt vì cảm giác thời gian ngay lập tức có thể lấy đi bất cứ cái gì,...

Mục 4: Qua các chi tiết cụ thể, HS cần kết nối để cảm nhận tổng thể bức tranh thiên nhiên và cảm xúc của *cái tôi* trữ tình.

* Phiếu học tập số 4

"Xuân vẫn tuần hoàn" là quan niệm truyền thống về thời gian. Quan niệm này cho thấy thời gian vòng tròn bốn mùa xuân, hạ, thu, đông không mất đi đâu, xuân đi rồi xuân sẽ trở lại. Vì thế, con người luôn bình tĩnh, an nhiên, ung dung, tự tại trước những chuyển vận của thời gian. Trong khi đó, ở khổ thơ này, tác giả nhận ra xuân tới → qua → non → già → hết. Theo bước đi một chiều tuyến tính này, "tôi" cũng mất, "tôi" không còn mãi "thời trẻ của nhân gian", tuổi trẻ của "tôi" "chẳng hai lần thắm lại", "Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi". Bước đi của xuân làm "tôi" cảm thấy băng khuâng "tiếc cả đất trời", thấy lo lắng, thảng thốt, sợ hãi, nhận ra đầu đầu xung quanh mình cũng đẩy lên một nhịp than khóc, luyến tiếc, âu lo vì thời gian. Sự nhạy cảm này hiện ra rất tinh tế trong cách cảm nhận của tác giả. Thời gian có mùi, có vị, thời gian hiện hiện trong từng tế bào của sự sống. Tất cả tạo vật đang từng giây từng phút cảm nhận được mùi vị chia phối đó của thời gian. Vì thế dâng lên cả trời đất là tiếng khóc than, tiếc nuối, những cảm giác giạt mình thảng thốt của tạo vật,... Đoạn thơ đã sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật như điệp từ, điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hoá, câu hỏi tu từ, câu cảm thán, từ ngữ đối lập, câu thơ theo lối "định nghĩa", giọng thơ tranh biện,...

* Phiếu học tập số 5

Mục 1, 2: Các từ ngữ được hiệp vần: *hôm – ôm; yêu – nhiều; rạng – choáng – sáng; tươi – người*. Các động từ: *muốn, ôm, riết, say, đau, cần*. Các từ láy: *mơ mơn, chênh choáng, đã đầy, no nê*. Đoạn thơ có nhịp nhanh, sôi nổi, có lúc nhịp tràn cả câu thơ hoặc thậm chí hai câu thơ (câu 2, 3, 4, 5, 6). Các câu sau có thể ngắt nhịp dựa vào dấu câu.

Mục 4, 5, 6: Trong *Vội vàng*, thi sĩ đã phát hiện thấy cách "chiến thắng" thời gian bằng cường độ sống, khát vọng sống, tận hiến và tận hưởng cuộc sống bằng tất cả các giác quan, sống mãnh liệt như ngọn lửa thối bùng. Đoạn thơ cuối chính là lời giải đáp cho những băn khoăn thắc mắc, trả lời cho câu hỏi: Sống "vội vàng" là như thế nào? Cảm xúc mãnh liệt đã tạo nên những làn sóng ngôn từ cộng hưởng, đan xen theo chiều tăng tiến, mỗi lúc một say sưa, càng lúc càng dâng lên cao trào: Phần trước của đoạn thơ, tác giả xưng "tôi" để bộc bạch, phơi trải, giải tỏ với mọi người, với cuộc đời. *Cái tôi* ấy giờ đây xưng "ta" như muốn đối diện với toàn bộ sự sống trên trần gian, đối tượng cần tận hưởng. Mạch thơ đang từ băn khoăn tiếc nuối, dỗi hờn bỗng bùng lên nhịp sống mới. Câu thơ đột ngột ngắt đến bất ngờ: "Ta muốn ôm". Tất cả mạch ngôn từ phía sau bị chi phối ráo riết bởi nỗi lòng khao khát như tức khắc bật ra này. "Ta muốn ôm", "Ta muốn riết", "Ta muốn say", "Ta muốn đau", "Ta muốn cần", kết cấu ngữ pháp trùng điệp kết hợp với các động thái và cảm xúc tăng tiến làm hiện ra tính cao trào mãnh liệt của xúc cảm. Cùng với đó là trùng điệp các liên từ: "Và non nước", "và cây", "và cỏ rặng"; các giới từ điệp nguyên vẹn gắn với những trạng thái càng lúc càng mãnh liệt: "cho chênh choáng", "cho đã đầy", "cho no nê". Những tính từ chỉ xuân sắc, các động từ chỉ trạng thái đắm say, những hình ảnh tình tứ quyến rũ: "bắt đầu mơ mơn", "mây đưa gió lượn",



"cái hôn nhiều", "cỏ rạng", "mùi thơm", "ánh sáng", "thanh sắc", "thời tươi", "xuân hồng",... Tất cả cộng hưởng để thúc giục vội vàng: "Mau với chứ, vội vàng lên với chứ – Em, em ơi, tình non đã già rồi". Cái li cuộc sống ngọt ngào, mơn mớn, ngát hương thơm, ngập tràn ánh sáng đang mời gọi, thúc giục thi sĩ của mùa xuân khát khao uống cạn. Vòng tay ôm ham hố, vô vấp. Sự sống đang ở "thời tươi" đẹp nhất, sung mãn nhất. Và người tình của sự sống ấy như con ong say mật lao đảo giữa phấn hương. Quả thực Xuân Diệu là một "nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này" (Hoài Thanh).

* Phiếu học tập số 6

HS nhập vai để thực hiện cuộc giao tiếp văn học một cách sáng tạo. Ngoài nội dung, cần chú ý đến các từ ngữ xưng hô, sự tiếp nối các lượt lời khi trao đổi thảo luận về vấn đề. Ý kiến của thi sĩ Xuân Diệu nhấn mạnh vào quan niệm sống tích cực "vội vàng", mở rộng tất cả các giác quan và cảm xúc của bản thân để làm đầy cái li cuộc sống ngọt ngào của chính mình. Vội vàng, tuy vậy không phải là sống gấp, là sống lướt, mà là sống tích cực, hối hả, sống sâu, gia tăng chất lượng của sự thụ cảm cuộc sống. Ý kiến của Nguyễn Ngọc Thuần nhìn bề ngoài có vẻ mâu thuẫn với quan niệm của Xuân Diệu, nhưng thực chất là một cách diễn đạt khác, đòi hỏi con người cần phải vượt lên những hạn chế của thời đại mà mọi thứ đều có thể là "đồ ăn nhanh", "mì ăn liền", con người bị cuốn vào vòng xoáy công việc, để cảm nhận những giá trị tuyệt vời của cuộc sống xung quanh mình, cân bằng bản thân. Tác giả của câu chuyện tranh *Khi ta sống một cuộc đời nhợt nhẽ* lên tiếng vì tình trạng những "phiên bản máy móc" của con người, tình trạng sống nhợt, thiếu bản sắc, làm theo, sống theo,... cũng rất đáng lo lắng. Lắng nghe cuộc trò chuyện đó, HS có thể nhất trí, chia sẻ, góp thêm ý kiến, đưa ra các minh chứng xung quanh mình, rút ra bài học cho bản thân...

TRÀNG GIANG

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do.

Mục 2: HS căn cứ vào phần *Tiểu dẫn* có thể dễ dàng tìm ra thông tin đúng.

Mục 3: HS dựa vào mục 2 để giới thiệu bằng lời những nét chính về tác giả Huy Cận và bài thơ *Tràng giang*.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS cần tự lắng nghe giọng đọc của mình để có cảm nhận chung về tác phẩm, ví dụ: giọng điệu chậm, đều đặn, trầm buồn, da diết; thiên nhiên bao la, hiu quạnh; con người bé nhỏ, cô đơn,...

Mục 2: Nhịp ngắt cơ bản của bài thơ là nhịp 4/3, tuy vậy một số câu có thể có cách ngắt nhịp khác, ví dụ: câu 3 (2/2/3), câu 4 (1/3/3), câu 7 (2/5 hoặc 2/2/3), câu 8 (2/2/3), câu 11 (2/5). HS cần đọc kĩ lại bài thơ theo nhịp ngắt vừa phân định để cảm nhận. Cụ thể, nhịp 4/3 là chủ đạo có điểm khác với khuôn nhịp truyền thống của thơ thất ngôn (2/2/3), tạo cảm giác chảy tràn, mệnh mang, gọi những khoảng rộng, xa, những miền diệu viễn, đồng thời thể hiện sự tương thông, đồng điệu giữa hồn người và tạo vật hoang sơ, vô biên. Những chỗ nhịp ngắt thay đổi tạo ra ấn tượng nhấn mạnh vào sự vật, hiện tượng hoặc cảm giác của con người, ví dụ: Nhịp 2/2/3 trong câu thứ 3 (Thuyền về/ nước lại/ sầu trăm ngả) dấu ngắt 2/2 đầu tiên tạo ấn tượng về sự chia li, nhịp 2/3 tiếp theo tạo ra ấn tượng về một khoảng lặng, khoảng trống trong tâm hồn, từ đó dào dạt dâng lên và toả ra mệnh mang trăm ngả sầu trên dòng tràng giang vô định.

Mục 3: HS đánh dấu theo yêu cầu, từ đó nhận ra hiệu quả của các biện pháp hoà phối thanh điệu như: tạo sự lặp lại đều đặn, miên man, bám đuổi, gọi âm hưởng chảy trôi xuôi chiều, rong ruổi bất tận. Nó như nhịp trôi đều đặn miên man vô hình của dòng thời gian, tạo một mối đồng cảm sâu xa giữa hồn người và tạo vật.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: HS gạch nối vào các hình ảnh thiên nhiên theo mẫu. Hình ảnh là những từ ngữ gợi ra cảm nhận thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác cho con người. Trên cơ sở đó sẽ nhận ra có những hình ảnh thiên nhiên kì vĩ, mệnh mang, vô tận; lại có hình ảnh bé nhỏ, hữu hạn. Cái bé nhỏ làm tôn lên sự rộng lớn vô hạn. Dòng "tràng giang" hiện ra vừa mệnh mông vô biên, tưởng như bất tận, vừa hoang sơ, hiu quạnh, như chỉ có thiên nhiên làm chủ, thiếu vắng hơi ấm của con người. *Tràng giang* được gợi cảm hứng từ dòng sông Hồng trong những buổi chiều thứ bảy, chủ nhật, Huy Cận, khi còn là sinh viên của Trường Cao đẳng Canh nông, thường đạp xe lên vùng Chèm, Vệ để ngắm sông Hồng. "Tràng giang" có thể là biểu tượng cho dòng thời gian, dòng đời mệnh mang đang chảy trôi,...

HS làm tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 4, 5, 6, 7

GV có thể sử dụng các phiếu này để mỗi nhóm HS trong lớp hoàn thành và trình bày cảm nhận, phân tích về một khổ thơ trong bài sau khi đã tìm hiểu chung về thiên nhiên, con người, cảm xúc chủ đạo, nhạc tính của bài thơ ở hai phiếu học tập trước đó. Ví dụ, Phiếu học tập số 4:

Mục 1: HS có thể tưởng tượng: Theo lời thơ, tôi thấy trước mắt mình một dòng sông dài như bất tận, rộng như không cùng, nước dâng đầy, cứ đều đặn chảy trôi. Những con sóng nhấp nhàng gợn lên trên mặt nước, rồi toả ra, đuổi nhau về phía tít tắp, con sóng sau gối lên con sóng trước, tạo ra những vòng sóng vô cùng, mỗi gợn sóng là một gợn buồn, cả tràng giang là những gợn buồn điệp đi điệp lại, vỗ mãi vào lòng người. Một con thuyền, mái chèo bỏ xuôi theo dòng nước rạch những đường song song theo dáng xuôi của thuyền trôi. Một cảnh củi khô cuộn từ thượng nguồn trong mùa nước nổi bập bênh "lạc mấy dòng",...

Mục 2: Từng hình ảnh có thể gợi ra các cảm nhận cho người đọc như: "Con thuyền xuôi mái" gợi sự trôi nổi, phó mặc, đến đâu thì đến; "thuyền về nước lại" gợi mối sầu chia li, tan tác; "Củi một cành khô lạc mấy dòng" thể hiện sự nhỏ nhoi, lạc loài. Tất cả những hình ảnh này gợi liên tưởng đến những kiếp người đơn côi, lênh đênh, lạc loài giữa dòng đời mệnh mông.

Mục 3: Đánh dấu bằng (B), trắc (T) vào các từ mang thanh điệu tương ứng, có thể nhận ra sự luân phiên bằng trắc đều đặn: BTT-TBB; BB-TT; TBB-TTB. Cấu trúc thơ ở đây có sự đăng đối tạo cho khổ thơ âm điệu, tiết tấu nhấp nhàng, chậm rãi, trầm buồn.

Mục 4: Mối tương quan đối lập được khắc hoạ trong khổ thơ: giữa không gian "tràng giang" bao la với thế giới của cõi nhân sinh bé nhỏ, đơn côi; từ đó gợi cảm giác cô đơn, lẻ loi của con người trong trời đất.

Mục 5: Có thể liên tưởng đến các câu thơ như: "Vô biên lạc một tiêu tiêu hạ – Bất tận trường giang cổn cổn lai" (Ngàn cây bát ngát, lá rụng xào xạc – Dòng sông dằng dặc nước cuộn cuộn trôi) (*Đăng cao* – Đỗ Phủ); "Tiền bất kiến cổ nhân – Hậu bất kiến lai giả – Niệm thiên địa chi du du – Độc đương nhiên nhi thế hạ" (Ai người trước đã qua – Ai người sau chưa tới – Nghĩ trời đất vô cùng – Một mình tuôn giọt lệ) (*Đăng U Châu đài ca* – Trần Tử Ngang),...

Các phiếu học tập còn lại, HS làm tương tự.

* Phiếu học tập số 8

HS xây dựng một dự án tìm hiểu về dòng sông quê hương theo các gợi dẫn trong phiếu. Tên dự án có thể gợi ra mục tiêu, tình cảm,... và tên của dòng sông. Mục tiêu: tìm hiểu về dòng sông trên các phương diện địa lí, vẻ đẹp, lợi ích, đặc biệt nhấn mạnh đến các nguy cơ mà dòng sông phải đối mặt: ô nhiễm, khai thác cát bừa bãi, đánh bắt thủy sản tận diệt,... Khuyến khích các sản phẩm báo cáo sáng tạo, ví dụ một áp phích, một video clip, bản trình chiếu,...



ĐÂY THÔN VĨ DẠ

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do. Ấn tượng về Huế đối với từng cá nhân có thể rất phong phú. Ấn tượng này có thể đến từ trải nghiệm “một chút gì rất Huế” khi đặt chân đến chốn cố đô, cũng có thể đến từ việc cảm nhận qua các văn thơ, bài hát.

Mục 2, 3: HS dựa vào *Tiểu dẫn* trong SGK để phác thảo sơ đồ tư duy với các thông tin chính về tên tuổi, quê hương, gia đình, cuộc đời bất hạnh, các tác phẩm tiêu biểu, đặc điểm của sáng tác Hàn Mặc Tử, xuất xứ của bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*. Sau khi hoàn thành sơ đồ, HS có thể sử dụng để giới thiệu bằng lời về tác giả, tác phẩm.

* Phiếu học tập số 2

Phần *Tri thức đọc hiểu* giúp HS hiểu thế nào là mạch cảm xúc trong bài thơ. Trên cơ sở đó tìm ra mạch cảm xúc đứt nối mang đặc trưng của sáng tác Hàn Mặc Tử trong tập *Đau thương*. Đây là phiếu hướng dẫn đọc lướt nên chủ yếu HS chỉ quan tâm đến nội dung cảnh vật được thể hiện và tâm trạng chung của thi nhân qua mỗi khổ thơ. Người bộc lộ cảm xúc trong bài chính là *cái tôi* trữ tình tác giả. Bài thơ có ba câu hỏi tu từ, mỗi câu ở một khổ, thuộc các vị trí câu đầu (khổ thơ thứ nhất) và câu cuối (khổ thơ thứ hai, ba) mỗi khổ thơ. Đây là tín hiệu nghệ thuật cần đặc biệt chú ý, bởi nó gieo vào lòng người đọc cảm nhận về nỗi khắc khoải, những hi vọng, tuyệt vọng, nỗi niềm thiết tha yêu đời đầy uẩn khúc của tác giả. Khổ thơ thứ nhất là bức tranh thiên nhiên thôn Vĩ buổi bình minh gần với tâm trạng tiếu nuối, ngơ ngàng, hi vọng của tác giả. Khổ thơ thứ hai là cảnh trăng nước lung linh huyền ảo, hư thực, cùng mặc cảm chia lìa, nỗi niềm thiết tha trông đợi, hi vọng đầy khắc khoải. Khổ thơ thứ ba là không gian sương khói bảng lảng hư thực, nhạt nhoà dần và tâm trạng tuyệt vọng, vừa khát khao mong đợi vừa không dám tin vào sự đậm đà của “tình ai”.

* Phiếu học tập số 3, 4, 5

Từ Phiếu học tập số 3 đến Phiếu học tập số 5, HS được hướng dẫn tìm hiểu các khổ thơ bằng cách ghi chú bên lề theo gợi dẫn, sau đó nhìn lại để tổng hợp thành mạch nội dung cho việc phân tích. GV có thể cho HS làm việc theo nhóm. Cụ thể ở Phiếu học tập số 3, mục 1a: HS cần tìm hiểu tri thức ngoài đời sống để thấy vẻ đẹp thơ mộng đã đi vào thơ ca của mảnh đất Vĩ Dạ. Câu đầu tiên của bài thơ là một câu hỏi tu từ “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?” có thể được cất lên từ lời của người Vĩ Dạ (mà *cái tôi* trữ tình tác giả nhắc đến như một sự khởi đầu cho mọi nguồn cảm xúc của kí ức tâm tưởng), cũng có thể là lời của chính tác giả mà thôi. Nếu là lời của cô gái Vĩ Dạ nào đó, đây là cách mời mọc duyên dáng, dịu dàng, rất Huế, cũng có thể là lời trách móc rằng Vĩ Dạ đẹp thế, thơ mộng thế, tình người thiết tha thế mà sao “anh” không về chơi. Nhưng đặt vào hoàn cảnh ra đời của bài thơ liệu có thể chọn cách lí giải như vậy khi bất cứ lời mời hay lời trách nào cũng chạm vào mặc cảm của nỗi đau xa cách, chia lìa, khi người hỏi hay mời đã thật biết đối tượng được hỏi, mời hay trách có muốn về cũng không thể được. Vì vậy, lời thơ có lẽ là sự phân thân tự hỏi của chính *cái tôi* trữ tình để thêm thiết tha hoài nhớ, cũng là mở đường cho cuộc “trở về” chốn “Vĩ Dạ thôn” trong tâm tưởng của nhà thơ.

HS thực hiện tương tự với nội dung còn lại trong các phiếu học tập số 3, 4, 5.

Một vài ngữ liệu HS có thể sử dụng để liên hệ, so sánh khi thực hiện các phiếu học tập:

+ Về hình ảnh gương mặt chữ điền: “Cái Răng, Ba Láng, Phong Điền – Anh thương em không thương bạc thương tiền – Mà anh thương khuôn mặt chữ điền của em”; “Mặt em vuông tựa chữ điền – Da em thì trắng áo đen mặc ngoài – Lòng em có đất có trời – Có câu nhân nghĩa có lời thủy chung”...

+ Về hình tượng “trăng” trong tập thơ *Đau thương*: “Tôi chết giả và no nê vô hạn – Cười như điên, sặc sụa cả mùi trăng – Áo tôi là một thứ ngọc hơn vàng – Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiền! – Thịt da tôi sượng sần và tê điếng – Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên – Tôi chìm hồn xuống một vũng trăng êm – Cho trăng ngập trăng dồn lên tới ngực” (*Hồn là ai*); “Không gian dày đặc toàn trăng cả! – Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng – Mỗi ánh mỗi hình thêm phiêu diêu – Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng”



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

(*Huyền ảo*); "Trăng đang nằm trên sóng cỏ – Cỏ đưa trăng đến bên ao – Trăng lại đắm mình xuống nước – Trăng nước đều lặng nhìn nhau" (*Bắt chước*); "Trăng, Trăng, Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng! – Ai mua trăng tôi bán trăng cho – Không bán đoàn viên ước hẹn hò..." (*Trăng vàng, trăng ngọc*).

* Phiếu học tập số 6

HS có thể hình dung, tưởng tượng tác giả gửi thông điệp về tình yêu đối với con người, với cuộc sống mến yêu qua bài thơ đến cho mình và ghi vào bức bưu thiếp. Nội dung và hình thức rất phong phú, tùy theo khả năng cảm nhận của mỗi cá nhân, nhưng nói chung, cần thể hiện được: 1) Mong muốn được đồng cảm với tình yêu đời thiết tha, đầy uẩn khúc trong lòng thi nhân; 2) Lời chia sẻ hãy biết trân quý cuộc sống mà mỗi cá nhân đang được thụ hưởng;...

CHIỀU TỐI (Mộ)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS tự do "động não" tất cả những nội dung trải nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học.

Mục 2: HS đọc lướt văn bản theo các gợi dẫn. Về hoàn cảnh, vị trí, cần dựa vào *Tiểu dẫn* để tìm thông tin. Về đối chiếu, cần chỉ ra câu thứ hai bản dịch thơ bỏ mất chữ "cô" và dịch chưa sát chữ "mạn mạn" trong nguyên tác; câu thứ ba, "sơn thôn thiếu nữ" dịch thành "cô em xóm núi" cũng chưa phù hợp, trong phiên âm không có chữ "tối" như bản dịch thơ thêm vào. HS ý thức được những chỗ dịch chưa sát để lưu ý trong phần phân tích. Người bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là *cái tôi* trữ tình – tác giả Hồ Chí Minh. Cảm xúc trong bài được bộc lộ gián tiếp qua bức tranh thiên nhiên và con người nơi xóm núi trong buổi chiều tối.

* Phiếu học tập số 2

Bức tranh được cảm nhận vào thời gian hoàng hôn, nơi xóm núi trên chặng đường chuyển lao của Bác. Hoàng hôn là đề tài quen thuộc, phổ biến trong thơ cổ. Bút pháp chấm phá như thu lấy linh hồn của tạo vật, thiên về gợi hơn tả, với hai nét vẽ cánh chim chiều mỏi mệt và chòm mây lẻ lững lờ trôi trên bầu trời. Những hình ảnh có thực trong bức tranh thiên nhiên của một vùng sơn cước nào đó trên đường chuyển lao đã đi vào thơ Bác với các từ miêu tả: "mỏi", "lẻ", "lững lờ" gợi sự gần gũi, giao cảm giữa con người và thiên nhiên. Chỉ hai hình ảnh thôi mà thu cả vào thế giới tứ tuyệt nhỏ nhắn, hàm súc cả linh hồn trời chiều muôn thuở. Câu thơ của Hồ Chí Minh có thể gợi nhắc trường liên tưởng của người đọc đến "Chúng điểu cao phi tận – Cô vân độc khứ nhàn" (Lí Bạch), "Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi – Dặm liễu sương sa khách bước dồn" (Bà Huyện Thanh Quan), "Chim hôm thoi thót về rừng" (Nguyễn Du), "Lớp lớp mây cao đùn núi bạc – Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa" (Huy Cận),... Phía sau cảnh vật là tâm trạng của con người: cũng mệt mỏi sau chặng hành trình; cũng cô đơn, buồn vắng. Ánh mắt Người hướng lên bầu trời để đón tình cảm Người dành cho thiên nhiên sâu sắc, gần gũi đến độ nào. Chuyển lao là hành trình vất vả, đi từ sáng sớm, dừng lại ở bất cứ đâu khi trời tối, phải đi bộ "Năm mươi ba cây số một ngày – Áo mũ dầm mưa, rách hết giày – Lại khổ thân đêm không chỗ ngủ...", có lính áp giải,... Cánh chim mỏi vẫn bao giờ giải tới đâu? Vậy nên đằng sau mỗi giao cảm thẩm lạng với thiên nhiên là một tinh thần thép của người tù nhân – thi sĩ Hồ Chí Minh.

* Phiếu học tập số 3

Con người lao động trở thành trung tâm của bức tranh với hình ảnh thiếu nữ xóm núi xay ngô. Biện pháp điệp vòng gợi ra nhịp quay của chiếc cối xay đều đặn, nhịp nhàng; đồng thời vẽ ra dáng hình lao động uyển chuyển, mềm mại của con người. Người thiếu nữ như tập trung ánh mắt vào chuyển động của chiếc cối xay, tâm trí hướng về công việc lao động và bữa cơm chiều đầm ấm của



gia đình, như quên đi không gian, thời gian xung quanh, cứ mãi miết làm việc. Đến khi công việc kết thúc, chiếc cối xay dừng lại thì trời đã chuyển sang tối hẳn. Chữ “hồng” được đánh giá là “nhân tự” của bài thơ. Nhờ chữ “hồng” mà tác giả không cần nói tối, người ta vẫn thấy không gian xung quanh núi rừng phải rất tối. Bếp than đỏ trở thành tâm điểm nơi có hoạt động lao động giản dị và cuộc sống đời thường của con người. Chữ “hồng” cũng làm cho không gian trở nên ấm áp, xua đi bóng tối, giá lạnh, gợi niềm vui, niềm lạc quan, tin tưởng, cho thấy sự vận động của mạch thơ luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. Bài thơ vì vậy không “nói chuyện thép”, “lên giọng thép”, rất trữ tình, mà vẫn thể hiện sâu sắc “tinh thần thép”.

* Phiếu học tập số 4

HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* để chỉ ra điểm gặp gỡ giữa thơ Hồ Chí Minh và thơ cổ, điều đó tạo ra màu sắc cổ điển cho các tác phẩm của Người. Có thể kể ra một số điểm chung như: sử dụng thể thơ tứ tuyệt cổ điển, đề tài thiên nhiên, bút pháp chấm phá, nhân vật trữ tình hoà hợp với thiên nhiên. Điểm khác biệt thể hiện ở sự vận động hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai của hình tượng thơ và nhân vật trong thơ Hồ Chí Minh hiện ra với tư thế con người hành động, con người làm chủ,... Điểm khác biệt này chính là vẻ đẹp hiện đại của thơ Hồ Chí Minh ở *Nhật kí trong tù*. Từ đó, HS dựa vào bài thơ để thực hiện yêu cầu của mục 2.

TỪ ẤY

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS trả lời theo trải nghiệm của bản thân.

Mục 2: Bức tranh gợi lên bài thơ *Lượm* HS đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 6. Phần thông tin về tác giả, tác phẩm cần ghi vắn tắt về tên khai sinh, năm sinh, năm mất, gia đình, quê hương của nhà thơ Tố Hữu; hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Từ ấy*.

* Phiếu học tập số 2

Mục 1: Một số câu hỏi có thể gợi ra trong đầu độc giả khi đọc nhan đề là: “Từ ấy” là khi nào? “Từ ấy” có gì quan trọng với tác giả không? “Từ ấy” có phải là từ khoảnh khắc rung động đầu đời trong tình yêu không? Tại sao tác giả lại đặt tên bài thơ là “Từ ấy”?

Mục 2: Người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ là *cái tôi* trữ tình Tố Hữu, một thanh niên trẻ trung, sôi nổi, bắt gặp lí tưởng sống của đời mình. Trong bài thơ, nhân vật trữ tình hiện ra qua đại từ “tôi”. Nói “từ ấy” tức là hồi tưởng về những gì đã trải qua, song trong lời thơ, mọi điều vẫn như đang diễn ra đầy xúc động với nhân vật trữ tình.

Mục 3: Mỗi khổ thơ là một tiếng nói của *cái tôi* trữ tình gắn liền với sự kiện “từ ấy”: “Từ ấy” tôi thấy mặt trời chân lí chói qua tim làm cho tâm hồn mình như một khu vườn đầy nắng hạ, hương thơm và âm thanh náo nức. “Từ ấy” tôi đã buộc lòng mình với mọi người để tạo thành một khối đời chung gắn kết. Và “từ ấy” tôi đã là một người con, người em, người anh trong đại gia đình nhân dân gian khổ cần lao.

Tư liệu tham khảo có thể giúp HS liên hệ so sánh để phân tích, đánh giá ý nghĩa quan trọng của phút giây “từ ấy” đối với cuộc đời nhà thơ.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: “Nắng hạ” và “mặt trời chân lí” là những hình ảnh ẩn dụ xuất hiện trong thơ Tố Hữu gắn liền với lí tưởng cách mạng. Nó được nhắc đến với một niềm xúc động thành kính, thiêng liêng. Đây cũng là những hình ảnh gây ấn tượng mạnh với người đọc. “Mặt trời” gợi lên nguồn sáng ấm nóng, rực rỡ, bất diệt. “Nắng hạ” mãnh liệt, dồi dào. Chúng còn trở đi trở lại nhiều lần trong thơ Tố Hữu cũng như trong sáng tác của các tác giả khác khi viết về lí tưởng. Lí tưởng Đảng đến với nhà thơ như một nguồn ánh sáng chói loà xoá tan màn đêm tăm tối, chấm dứt những ngày tháng “không đổi nhưng mà trôi cứ trôi” của người thanh niên trí thức tiểu tư sản.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

Mục 2: Phút giây bắt gặp lí tưởng trở thành “bùng” năng hạ, “chói” qua tim. Những động từ mạnh “bùng”, “chói” cho thấy ảnh hưởng lớn lao của nguồn ánh sáng chân lí mới đến nhà thơ.

Mục 3, 4: Mặt trời, ánh nắng đã đem lại sự sống. Tâm hồn nhà thơ hoá thành một khu vườn từng bừng sức sống trong so sánh: “Hồn tôi là một vườn hoa lá – Rất đậm hương và rộn tiếng chim”. Niềm vui hoá thành âm thanh rộn ràng như chim hót, thành sắc lá, sắc hoa tươi xanh, rực rỡ, thành hương thơm toả lan ngọt ngào. Lối vắt dòng từ câu thơ thứ ba tràn xuống câu thơ thứ tư như tái hiện âm thanh của một tiếng reo phấn khởi, hân hoan, phơi trải, tỏ bày niềm vui sướng trong lòng mình. Là giọng kể chuyện, lời hồi tưởng, vì vậy khổ thơ mở đầu còn chan chứa lòng biết ơn. Đảng đã cho *cái tôi* ấy “sáng mắt sáng lòng”, đã thổi bùng lên niềm vui sống say mê trong lòng người thanh niên trẻ tuổi, đã khai sáng cho hồn thơ để nó cất lên thành một âm điệu chung: âm điệu ca hát lí tưởng cách mạng.

Mục 5, 6: Đây là hình ảnh của cuộc đời hiện ra trong hai khổ thơ cuối? Thế giới tranh đấu bên ngoài, cuộc sống của nhân dân, cách mạng, nơi *cái tôi* hướng đến hoà nhập và đấu tranh cho lí tưởng đã hiện ra qua hình ảnh của “mọi người” nói chung. Đó còn là chốn “trăm nơi” rộng lớn của trường hoạt động, là “bao hồn khổ”, là “khối đời” liên kết, gắn bó mật thiết không thể chia tách. Họ là con số rất đông đảo, được điệp đi nhấn lại trong các câu thơ: “vạn nhà”, “vạn kiếp phôi pha”, “vạn đầu em nhỏ”. Họ là một tập thể giống nhau ở nỗi khổ “không áo cơm, cù bất cù bơ”. Họ là nhân dân đau đớn rên xiết dưới ách xâm lăng nay đã liên hiệp lại để trở thành một sức mạnh chung, sức mạnh của những con người lao khổ biết vùng dậy phá tan xiềng xích.

Mục 7, 8: *Cái tôi* trong *Từ ấy* đã đến để hoà nhập với “khối đời chung” ấy như thế nào? *Cái tôi* ấy “buộc” lòng mình với nhân dân. Chữ “buộc” cho thấy ý thức trách nhiệm cao độ của người thanh niên trí thức đã giác ngộ chân lí. “Buộc” lòng mình với cuộc đời bằng ý thức, bằng cả tấm lòng, tâm hồn mình (*Để tình trang trải... Để hồn tôi...*). *Cái tôi* ấy chủ động và khao khát mở rộng tấm lòng mình, sẽ chia với quần chúng rộng lớn. Sự “gắn gũi” đã đến mức trở thành ruột thịt với “khối đời chung”. Nhân vật trữ tình đã là con, là em, là anh trong một đại gia đình rộng lớn. Giác ngộ lí tưởng thực sự hoá thành tình cảm và dường như thành hành động cụ thể nữa. Ở đây không phải là “sẽ” trong lời nói nữa. Một tình cảm yêu thương, mối hữu ái giai cấp giữa những con người đồng khổ chan chứa trong lời thơ. Cùng với đó là niềm căm giận trước những bất công ngang trái của cuộc đời cũ, đòi hỏi phải được quét sạch. Và quả thực Tố Hữu “đã” là như vậy trong tập thơ *Từ ấy*, cũng là trong cả đời thơ, đời cách mạng của mình. Biết bao “kiếp phôi pha” đã đi vào thơ ông đầy xót xa nhức nhối. Đó là cô gái giang hồ “trên dòng Hương Giang”, là chú bé đi ở (*Đi đi em*), là ông “lão đầy tớ” khốn khổ, là em bé bán bánh dạo trong *Một tiếng rao đêm*, là chị vú em... Cho nên Chế Lan Viên đã nói: “Tất cả Tố Hữu, thi pháp, tuyên ngôn, những yếu tố làm ra anh có thể tìm thấy trong tế bào này, anh là nhà thơ của vạn nhà, buộc lòng mình cùng nhân loại...”.

* Phiếu học tập số 4

Về hình thức, cần đảm bảo yêu cầu một đoạn văn nghị luận (trình bày một nội dung tương đối hoàn chỉnh, không chấm xuống dòng, sử dụng phương thức lập luận thích hợp). Về nội dung: Các câu thơ của Tố Hữu đều cho thấy sống đẹp với nhà thơ là sống có lí tưởng, là cống hiến, là cho đi không cầu nhận lại. Thơ Tố Hữu là lời gợi nhắc để HS trả lời câu hỏi này. Vì viết trong một đoạn văn nên HS có thể chỉ cần chọn một ý nào đó và diễn giải thuyết phục là được.

TÔI YÊU EM

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS trình bày tự do.

Mục 2: Phần ô chữ HS dựa vào *Tiểu dẫn* trong SGK để trả lời. Từ khoá của ô chữ là TỰ DO VÀ TINH YÊU – những nội dung nổi bật của sáng tác Pu-skin. Trên cơ sở phiếu học tập đã hoàn thành, GV có thể tổ chức cho HS giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm.



* Phiếu học tập số 2

Mục 1: HS gạch chân được một số chỗ bản dịch chưa sát để lưu ý khi phân tích bài thơ: bản dịch nghĩa sử dụng thì quá khứ của động từ "yêu" (Tôi đã yêu em), các từ ngữ như "vẫn", "có lẽ" ở câu 1, không trực tiếp xuất hiện hình ảnh ngọn lửa tình ở câu 2; dùng điệp từ "không" ở hai câu 3 – 4; dùng cấu trúc câu bị động ở câu 6; dùng cấu trúc điệp "... như thế đó ... như thế đó", "cũng như thế" trong hai câu kết.

Mục 3, 4, 5: Cách xưng hô "tôi – em" vừa gần gũi, vừa xa cách, vừa ngọt ngào đắm thắm, vừa ngậm ngùi dang dở, thể hiện rõ cảm xúc của một tình yêu đơn phương không được đền đáp. Mỗi điệp khúc "tôi yêu em" vang lên như một cung bậc của làn sóng cảm xúc tâm trạng, giải bày với người đọc tiếng lòng của một trái tim yêu, vì vậy nên chọn cách đi vào tác phẩm theo gợi dẫn của điệp khúc này.

Mục 6: HS phát biểu cảm nhận tự do, ví dụ có thể nhận thấy ẩn tượng chung ban đầu là chàng trai này rất cao thượng, hoặc nhận thấy tình yêu là tình cảm thật bí ẩn, đầy hấp dẫn, là sự thăng hoa của những cảm xúc người,... Nhận thức ban đầu có thể chưa sâu sắc, chưa chính xác,... đều được ghi nhận để tự điều chỉnh trong quá trình học tập kế tiếp.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1, 2, 3, 4: Tình cảm của "tôi" được phát biểu trực tiếp qua điệp ngữ "tôi (đã) yêu em", tình yêu vẫn như ngọn lửa âm ỉ, "càng dập càng nồng" trong tâm hồn "tôi". Động từ chia ở thời quá khứ cho thấy tình cảm đã đến với "tôi" từ lâu, trái tim "tôi" đã thuộc về "em" từ lâu, những dấu chấm phẩy (;), dấu phẩy (,) tạo dấu hiệu ngăn cách nhịp thơ, kết hợp với các từ ngữ "vẫn", "có lẽ" cho thấy một sự ngập ngừng, giằng co, những mâu thuẫn giằng xé. Cách nói "chưa tắt hẳn" gợi đến hình ảnh của một ngọn lửa tình không hiện ra ở bề mặt câu chữ, mà âm thầm, âm ỉ cháy ở bề sâu cảm xúc,... Nhưng hành động của "tôi" lại là "không làm phiền em thêm nữa", "không muốn làm em buồn", vì thế nên "tôi" quyết định "buông tay". Từ "nhưng" mang ý đối lập, điệp từ "không" thể hiện sự quyết liệt, dứt khoát. Nhân vật đang ở trong mâu thuẫn giằng xé giữa tình cảm và lí trí. Nhưng lí trí đã được đặt lên trên. Bởi vì tình yêu của "tôi" không đem đến niềm vui và hạnh phúc cho "em". Một cái tôi khác đã vượt lên để chế ngự, để kìm nén.

Mục 5, 6: Ngay sau đó, tình cảm càng nén xuống, nó lại càng bùng lên. Điệp khúc "tôi (đã) yêu em" vang lên lần thứ hai khẳng định một sự thực hiện hiện trong trái tim "tôi". Tất cả những cung bậc của một tình yêu đơn phương đau khổ, tuyệt vọng... tưởng chừng hiện ra qua lời bộc bạch trong hai câu thơ. Các từ ngữ gọi tên tâm trạng, sự ngắt nhịp trước mỗi trạng thái cảm xúc đó, cấu trúc câu bị động, điệp cấu trúc "khi bởi... khi bởi..." cho thấy một trái tim yêu bị giày vò, những trạng thái cảm xúc trỗi lên không thể kìm nén, một áng mây đen của nỗi ghen tuông và niềm tuyệt vọng như có nguy cơ cuốn phăng tất cả những gì từng giằng giữ, từng chế ngự, từng vượt lên,...

Mục 7, 8: Bài thơ kết thúc thật bất ngờ, trong một làn sóng cảm xúc mạnh mẽ nhất khi điệp khúc "tôi (đã) yêu em" lần thứ ba lại vang lên. Dừng lại ở câu thơ thứ bảy, người ta có thể có các phỏng đoán: Tôi đã yêu em chân thành như thế đó, dịu dàng như thế đó. Vậy mà tại sao em lại không yêu tôi? Vậy mà tại sao tôi lại không được đền đáp? Thử hỏi có ai yêu em hơn thế nữa? Thử xem rồi em sẽ được ai yêu như thế,... Khi ấy, cấu trúc "... như thế đó ... như thế đó" giống như một sự so sánh, một nỗi hậm hực, trách móc. Nhưng, bài thơ của Pu-skin đã thăng hoa trong một ứng xử đẹp: "Tôi (đã) yêu em chân thành như thế đó, dịu dàng như thế đó – Cầu trời cho em được người khác yêu thương (cũng) như thế". Vượt lên nỗi buồn, sự đau khổ, thất vọng, những tình cảm ích kỉ cá nhân... là sự vị tha, cao thượng, một tình yêu say đắm, đau khổ mà cao cả. Tình yêu đơn phương, đau khổ tưởng chừng từng đứng trước bóng đen của nỗi ghen tuông vị kỉ đã thực sự thăng hoa bởi cách ứng xử vô cùng cao thượng của nhân vật trữ tình. Cấu trúc "... như thế đó ... như thế đó" và "... cũng như thế" trở thành sự tăng tiến mãnh liệt của cảm xúc, của tình yêu sâu sắc, của tất cả những gì tốt đẹp nhất "tôi" mong muốn "em" sẽ nhận được ở trên đời.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

* Phiếu học tập số 4

HS đọc lại bài thơ, đọc diễn cảm các trích dẫn được đưa vào phiếu học tập để thấy một quan niệm về tình yêu là yêu và được yêu, là mang đến niềm vui và hạnh phúc cho người khác, là hàng gần trái tim đau đơn phương của bản thân mình bằng sự vị tha, cao thượng, luôn nghĩ đến người mình yêu thương,... HS bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với điều đó. HS thể hiện suy nghĩ về những hành vi chưa đẹp trong cách ứng xử với tình yêu và người mình yêu của một số bạn trẻ,... Đó là một vài gợi ý để HS có thể bắt đầu chia sẻ suy nghĩ của mình về một đề tài thú vị muôn đời: Tình yêu!

NGƯỜI TRONG BAO

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS tự do chia sẻ những điều khiến mình thấy sợ hãi trong cuộc sống, ghi các từ khoá vào sơ đồ. Nhìn lại những nỗi sợ của mỗi cá nhân, HS phát biểu quan điểm riêng. Nỗi sợ có thể đè bẹp con người vì nó làm cho chúng ta luôn luôn cảm thấy thiếu tự tin, không dám hành động, không dám sống thật là mình,... Nỗi sợ cũng có thể là cơ hội để cho con người dám đối mặt và vượt qua sợ hãi, từ đó trưởng thành, vững vàng hơn trong cuộc sống...

Mục 2: HS dựa vào phần *Kết quả cần đạt* và *Tiểu dẫn* để hoàn thành ô chữ, từ đó luyện cách trình bày bằng việc giới thiệu bằng lời về nhà văn Sê-khốp và truyện ngắn *Người trong bao*. Từ khoá trong ô chữ chính là nhan đề của văn bản. GV có thể cho HS trao đổi suy nghĩ ban đầu của mình về tên truyện ngắn sau khi điền hết các ô chữ.

* Phiếu học tập số 2

HS đọc văn bản, đưa các sự việc chính vào mỗi bức tranh cho phù hợp với diễn biến của câu chuyện. Ví dụ, ở bức tranh số 1 là: Bác sĩ I-van I-va-nút và Bu-rơ-kin đi săn về muộn. Họ nghỉ đêm tại nhà kho của ông trưởng xóm ở cuối làng. HS làm tương tự với các phần còn lại.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1, 2, 3: HS dựa vào văn bản để liệt kê các chi tiết cụ thể, ví dụ: đi giày cao su, đeo kính,... Chi tiết đặc sắc thể hiện chân dung sinh hoạt và tư tưởng của Bê-li-cốp chính là chi tiết cái bao và suy nghĩ thường trực "nhỡ lại xảy ra chuyện gì". Các chi tiết này biểu tượng cho kiểu người sống vo tròn bản thân, sống trong vỏ bọc, hèn nhát, sợ hãi, không dám đối mặt với cuộc đời, không dám là chính mình,...

Mục 4: Bê-li-cốp có khát vọng mãnh liệt là được thu mình vào bao, điều này cần được giải thích từ hai phía: môi trường xã hội và bản thân anh ta. Anh ta là người mạnh mẽ, dũng cảm hay hèn nhát, yếu đuối, bạc nhược? Môi trường anh ta sống có nặng nề, áp chế không để anh ta không dám sống là chính bản thân mình, luôn luôn phải "đóng bao" mọi thứ như vậy? Trả lời các câu hỏi này giúp HS hoàn thành mục 4 của phiếu học tập.

Mục 5: HS nhìn lại toàn phiếu học tập, hình dung ra trước mắt mình là nhân vật Bê-li-cốp với chân dung, lời nói, nghề nghiệp, cách thức duy trì mối quan hệ với đồng nghiệp,... Nếu tất cả đều chống chọi những cái bao lớn, bé, nhỏ, to,... thì có nhìn thấy được con người thật của anh ta không? Đằng sau lớp bao bọc ấy, anh ta có rúm rỏ, thấm hại không? HS nêu cảm giác của mình: Cảm giác như nhìn thấy màu sắc nào? Cảm thấy không khí như thế nào khi trước mặt mình là một thứ "bóng đen" như vậy? Trả lời câu hỏi này giúp HS hoàn thành mục 5 của phiếu học tập.

* Phiếu học tập số 4

Mục 1, 2, 3: HS dựa vào văn bản để tìm chi tiết. Từ đó, nhận ra ảnh hưởng nặng nề, khủng khiếp cũng như tác hại của lối sống trong bao. Nó đầu độc môi trường xung quanh, đầu độc chính bản thân nhân vật. Lối sống bảo thủ, hèn nhát này tất nhiên sẽ xung đột mạnh mẽ với cách sống thuận theo tự nhiên, trẻ trung, tích cực của con người.



Mục 4: Lời bình của người kể chuyện về tiếng cười của Va-ren-ca: "Cái tiếng cười âm vang lạnh lẽo "ha – ha – ha" đó đã chấm dứt tất cả: chấm dứt chuyện cười xin, chấm dứt cả cuộc đời của Bê-li-cốp". Cái chết của Bê-li-cốp có những điều tưởng chừng vô lí: chết vì một tiếng cười vang lên không thể chấm dứt một cuộc đời. Nhưng cái chết của Bê-li-cốp cũng rất có lí. Tính cách, khát vọng của hắn là "chui vào bao" nên thực ra anh ta đã chết từ lâu rồi. Tiếng cười của Va-ren-ca tạo ra phản ứng dây chuyền đẩy nỗi sợ trong Bê-li-cốp lên đến cực độ, và anh ta bị bóp nghẹt bởi cái bao sợ hãi ấy. Sự hợp lí này cho thấy hậu quả khủng khiếp của lối sống trong bao đối với con người. Chỉ tiết một tuần sau mọi việc lại diễn ra như cũ, cho thấy "người trong bao" là hiện tượng điển hình, phổ biến. Hiện tượng ấy chỉ chấm dứt khi bản thân con người ý thức rõ "không thể sống mãi như thế được", đồng thời phải có một cuộc cách mạng để môi trường xã hội thực sự nhân văn với con người, cho phép họ được sống đúng là mình.

* Phiếu học tập số 5

"Người trong bao" là kiểu người nhỏ bé, yếu đuối, hèn nhát, thảm hại, sống trong vỏ bọc, không dám đối mặt với cuộc sống, không dám tồn tại là chính mình, thu mình vào lô cốt để cố thủ, dùng cái vỏ bọc của mình để áp chế người khác,... Nhìn vào chính mình và cuộc sống xung quanh, chúng ta thấy hiện tượng "người trong bao", "người trong vỏ ốc" không phải là cá biệt – đúng như tiên đoán của nhà văn Sê-khốp. Tự tạo ra một vỏ bọc hào nhoáng không có thực để loè người là "người trong bao"; né tránh đấu tranh vì sợ "tránh đâu" là "người trong bao"; luồn cúi, xu nịnh cấp trên là "người trong bao",...

* Phiếu học tập số 6

Mục 1, 2: Chuyện về Bê-li-cốp được kể bởi Bu-rơ-kin, người đồng nghiệp với nhân vật chính. Cách kể như vậy tạo ấn tượng tự nhiên, khách quan, gần gũi cho câu chuyện. Giọng điệu của người kể chuyện mỉa mai, châm biếm mà điềm tĩnh, trầm buồn, bề ngoài có vẻ khách quan, bình thản, song mạch ngầm vẫn bản là tâm trạng bức xúc, trăn trở, khao khát thay đổi của tác giả. Nhân vật Bê-li-cốp là nhân vật điển hình. Bê-li-cốp vừa là chính anh ta, cá biệt, kì quái, không giống ai ở trường trung học và thành phố nơi anh ta sống và làm việc với những đường nét, chi tiết kết thúc bi hài kịch của cuộc đời anh ta,... Nhưng từ những chi tiết rất cá biệt đó, tác giả đã chạm tới những khái quát điển hình cho một kiểu người, một dạng lối sống. Chân đi giày cao su, tay cầm ô có thể là cách phục trang kì quái của Bê-li-cốp ở trong bao, nhưng khát vọng mãnh liệt được thu mình vào bao thì đâu phải chỉ có riêng Bê-li-cốp. Để xây dựng nhân vật biếm họa, hài hước, tác giả đã sử dụng các chi tiết kể về cung cách sinh hoạt, phục trang, lối sống, nghề nghiệp, chuyện tình yêu và cái chết của Bê-li-cốp. Tất cả các chi tiết này đều được tập trung tô đậm làm cho nhân vật trở nên kì quặc, quái lạ, ấn tượng. Đặc biệt là các chi tiết có tính biểu tượng như chi tiết về cái bao, về suy nghĩ thường trực "nhỡ lại xảy ra chuyện gì".

Mục 3: Câu văn thể hiện rõ chủ đề của truyện là: "Không thể sống mãi như thế này được". HS có thể tự do bày tỏ quan điểm thích hay không thích cách tác giả phát biểu trực tiếp chủ đề qua câu văn đó, miễn là đưa ra được các căn cứ hợp lí để thuyết phục. Điểm gặp gỡ giữa truyện ngắn này và bài hát *Nhắn tuổi hai mươi* là thông điệp: không thể chọn lối sống "người trong bao", không thể sống đời sống của một con ốc, ru mình ngủ say trong lớp vỏ...

NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN

(Trích *Những người khốn khổ*)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do.

Mục 2: HS dựa vào *Tiểu dẫn* là có thể dễ dàng xác định được thông tin chính xác.

Mục 3: Dựa vào phần giới thiệu tóm tắt trong SGK để ghi vào sơ đồ.



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

* Phiếu học tập số 2

Mục 1, 2, 3, 4: HS tìm chi tiết trong văn bản. Từ đó có thể đưa ra nhận xét như: ngôn ngữ của Gia-ve nói với Giảng Van-giăng là thứ ngôn ngữ cọc lốc, hách dịch, ra lệnh, như tiếng gầm gừ của thú dữ chứ không phải của con người,...

Mục 5, 6, 7: HS tìm chi tiết trong văn bản.

Mục 8: Thái độ, hành động và ngôn ngữ của Gia-ve đã làm cho Phăng-tin khiếp sợ. Hấn dập tắt tia hi vọng cuối cùng của Phăng-tin bằng lời nói độc địa làm cho chị bị "sốc" dẫn tới cái chết quá nhanh của chị.

Mục 9: Nhân vật Gia-ve gợi cho người đọc liên tưởng đến hình ảnh con thú với gương mặt thú, sự hả hê say mồi của thú, tiếng gầm thú, tâm địa thú,...

Mục 10: Có thể thấy một số biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để miêu tả nhân vật như ẩn dụ, so sánh, kết hợp với lời bình luận của người kể chuyện.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1, 2, 3: Trước khi Phăng-tin chết, Giảng Van-giăng đã cư xử rất nhún nhường, nhũn nhặn với Gia-ve (Chú ý cách xưng hô, ngôn từ mềm mỏng, thái độ cố gắng thuyết phục,...). Trong hai câu: "Tôi biết là anh muốn gì rồi" và "Tôi muốn nói riêng với ông câu này", Giảng Van-giăng đã sử dụng cách nói tránh, không nói trực tiếp nhằm mục đích để Phăng-tin không biết sự thực phũ phàng. Như vậy, tất cả sự nhún mình, khéo léo đó đều vì tình yêu thương ông dành cho người phụ nữ Phăng-tin, một thân phận trong "những người khốn khổ".

Mục 4, 5: Khi Gia-ve làm cho Phăng-tin đột ngột tắt thở, thái độ và hành động của ông thay đổi hoàn toàn (Mục 4: HS tìm chi tiết trong SGK). Chính tình yêu thương đã tiếp cho Giảng Van-giăng sức mạnh, sự can đảm vượt lên nỗi sợ hãi, quên đi hoàn cảnh của bản thân mình để hành động vì người khác.

Mục 6: HS có thể đưa ra các dự đoán, miễn là hợp lí, ví dụ: Giảng Van-giăng đã an ủi Phăng-tin, hứa với chị là sẽ chăm sóc Cô-dét như con của mình,...

Mục 7: Hình ảnh Giảng Van-giăng trong đoạn trích đã gợi liên tưởng đến hình ảnh của một vị cứu tinh, một đấng cứu thế.

Mục 8: Để khắc hoạ nhân vật, tác giả đã sử dụng cách miêu tả trực tiếp ngôn ngữ, hành động; miêu tả gián tiếp qua Phăng-tin, bà xơ và thể hiện nhân vật qua lời trữ tình ngoại đề.

* Phiếu học tập số 4

Dựa trên gợi ý của phiếu học tập, HS tự do tìm kiếm và thể hiện ý tưởng. Hiện nay ở nhiều trường phổ thông, các dự án vì cộng đồng đã được nhà trường và HS triển khai rất tốt, ví dụ như các chương trình mang áo ấm, sách vở tặng cho đồng bào miền núi, tặng cho các trại trẻ mồ côi; đến dạy tiếng Anh, tổ chức trò chơi cho trẻ em tại bệnh viện K,... Tuy thực tế tình hình địa phương, HS lên ý tưởng và cùng nhau thực hiện.

VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

* Phiếu học tập số 1:

Mục 1: HS chia sẻ tự do theo suy nghĩ và quan điểm riêng.

Mục 2: Phần ô chữ HS dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK, những kiến thức đã học về tác giả, tác phẩm *Đập đá ở Côn Lôn* và những gợi ý đã cho để tìm và khoanh ô chữ phù hợp. Trên cơ sở hoàn thành phần ô chữ, HS tự ghi nhớ và chia sẻ kiến thức về tác giả, tác phẩm bằng cách chủ động giới thiệu cho bạn nghe.



Đáp án ô chữ:

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
(a)	I	H	D	M	A	C	Ê	A	D	E	N	S
(b)	G	A	U	V	C	A	V	A	L	D	X	B
(c)	B	G	Y	S	B	C	P	Q	S	E	N	I
(d)	T	R	T	N	G	H	M	A	A	Y	N	G
(e)	D	O	Â	B	E	M	X	V	D	G	X	N
(g)	D	H	N	B	H	A	Q	N	I	K	Ô	N
(h)	P	G	C	O	A	N	I	K	Ê	L	O	R
(i)	V	I	K	D	O	G	U	H	N	L	X	P
(k)	H	I	D	G	Y	T	A	Ô	T	D	E	Q
(l)	C	H	I	P	H	L	C	O	H	I	M	A
(m)	L	A	V	N	A	Ơ	C	L	U	P	C	1
(n)	S	O	N	L	A	B	O	I	Y	B	A	9
(o)	T	H	A	Đ	T	Ô	L	N	Ê	M	D	1
(p)	D	E	P	H	Â	Ư	P	U	T	A	E	9
(q)	H	Â	N	A	Ơ	Y	O	A	M	N	G	2
(r)	Đ	1	1	1	9	1	1	1	9	2	5	5

* Phiếu học tập số 2

Phiếu học tập số 2 và số 3 giúp định hướng tư duy của HS trong khi đọc văn bản, trên cơ sở đó để nhận diện, phân tích tổng thể, vì vậy các hướng dẫn khá chi tiết, cụ thể.

Mục 1: Tác giả vào đề trực tiếp, vấn đề đặt ra ở đây là: xã hội luân lí ở nước ta tuyệt nhiên không ai biết đến hay nước ta chưa có luân lí xã hội. Phần mở đầu cũng đậm tính đối thoại. Tác giả như tranh biện với một ai đó khi họ cho rằng bè bạn là luân lí xã hội, hay các nhà nho vẫn nói "bình thiên hạ" tức là đã quan tâm đến luân lí xã hội rồi, bằng cách phủ định: "Một tiếng bè bạn không thể thay cho xã hội luân lí được", "Cái chủ ý bình thiên hạ mất đi đã từ lâu rồi". Các từ ngữ trong phần mở đầu đã thể hiện rõ khẩu khí quyết liệt, tấn công trực diện của tác giả như: "tuyệt nhiên không ai biết đến", "dốt nát hơn nhiều", "không cần cất nghĩa làm gì", "vô vẻ nhắc đến", "làm trò cười cho kẻ thức giả đầy thôi", "mất đi đã từ lâu rồi".

Mục 2: Các chi tiết tác giả chỉ ra tình trạng xã hội luân lí ở nước ta không ai biết đến như: "Người nước ta không hiểu cái nghĩa vụ loài người ăn ở với loài người"; "Cái nghĩa vụ mỗi người trong nước cũng chưa hiểu gì cả"; "Người mình thì phải ai tai nấy, ai chết mặc ai. Đi đường gặp người bị tai nạn, gặp người yếu bị kẻ mạnh bắt nạt cũng ngơ mắt đi qua, hình như người bị nạn khốn ấy không can thiệp gì đến mình". Tác giả đã so sánh tình trạng luân lí xã hội tuyệt nhiên không ai biết đến ở nước ta với bên châu Âu, bên Pháp đang rất thịnh hành để nhấn mạnh thực trạng, mở tầm nhìn cho người nghe, người đọc, tạo động lực cho sự khao khát đổi thay. Các câu văn "Vì sao... giữ lợi chung vậy" trực tiếp chỉ ra nguyên nhân vì sao người bên Pháp, bên châu Âu có thể hành động như vậy, nhưng đồng thời cũng gián tiếp chỉ ra nguyên nhân của tình trạng chúng ta không biết đến luân lí xã hội là do chúng ta không có đoàn thể.

Mục 3: Việc không có đoàn thể, không có luân lí xã hội không phải lỗi ở ông cha, bởi từ cổ sơ ông cha ta đã biết khuyên răn mọi người "góp gió làm bão, giùm cây thành rừng".

* Phiếu học tập số 3

Mục 1: Lí do khiến "dân không biết đoàn thể, không trọng công ích" được tác giả nêu ra trực tiếp là "bởi ba bốn trăm năm trở về đây, bọn học trò trong nước mắc ham quyền tước, ham bả vinh hoa", "thiết pháp luật", "phá tan thành đoàn thể của quốc dân".



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

Mục 2: Trong đoạn văn thứ hai, tác giả đã sử dụng phép đối, một loạt câu cảm thán, giọng điệu khi mỉa mai, khi đau xót, lúc quyết liệt. Các biện pháp này tạo hiệu quả lay động cả lí trí và cảm xúc của người nghe diễn thuyết, giúp tác giả vạch trần tội ác của bọn vua quan, thức tỉnh dân chúng,...

Mục 3: Đoạn văn thứ ba, tác giả vạch rõ "bọn thượng lưu" ngày trước là "bọn Nho học đã đỗ được cái bằng cử nhân, tiến sĩ", ngày nay là "bọn Tây học đã được cái chức kí lục thông ngôn",...

Mục 4: Đoạn văn thứ tư, tác giả chỉ ra thái độ của dân chúng nói chung với bọn thượng lưu này là không khen chê, không khinh bỉ, thậm chí một số kẻ ở vườn cũng muốn "bén mùi làm quan" nên lo lót mọi thứ. Tác giả vạch ra điều này để mở mắt, để thức tỉnh, để cho thấy tính chất cấp thiết của vấn đề gây dựng đoàn thể, từ đó truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa,...

Mục 5: Đoạn văn cuối được trình bày theo phương thức móc xích, từ vấn đề này móc nối tới vấn đề khác, dẫn đến một kết luận logic tất yếu được rút ra, đó là phải "truyền bá xã hội chủ nghĩa trong dân Việt Nam này". Mục đích cao cả của công việc này chính là để giành độc lập, tự do cho dân tộc.

* Phiếu học tập số 4

HS tổng hợp lại trên cơ sở nội dung của các phiếu học tập Trong khi đọc đã tìm hiểu cụ thể trước đó. Trên cơ sở này HS nhận ra ý nghĩa của văn bản đối với xã hội ngày nay.

* Phiếu học tập số 5

HS tìm kiếm câu trả lời theo gợi ý dẫn của phiếu học tập.

Có rất nhiều câu tục ngữ, thành ngữ về nội dung luân lí xã hội. Ngoài các câu tác giả đã dẫn trong văn bản, HS có thể kể các câu như: "Nhiều điều phũ phàng lấy giá gương – Người trong một nước thì thương nhau cùng", "Bầu ơi thương lấy bí cùng – Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", "Lá lành đùm lá rách",... Nhiều vấn đề Phan Châu Trinh đề cập vẫn rất có ý nghĩa trong việc xây dựng nền luân lí xã hội nước ta hiện nay, ví như việc cần gây dựng các tổ chức đoàn thể nhằm tạo nên ý thức trách nhiệm với cộng đồng của mọi con người trong xã hội; cần lên án những hành vi làm phá vỡ, tiêu vong những mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người; cần nâng cao dân trí để mọi người cùng hiểu và chung tay xây dựng nền luân lí xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, cũng cần có những yếu tố phải bổ sung, văn bản *Tiếng hát người cầm* gợi nhắc chúng ta về việc cần khẩn trương có những quy định đầy đủ, rành mạch về luật thành lập các hội – một quyền lợi chính đáng để mọi người gắn kết với nhau, cùng quan tâm chia sẻ với nhau trong khuôn khổ sống và làm việc theo pháp luật,... Nói chung, việc gây dựng luân lí xã hội luôn có những điểm gặp gỡ ở mọi thời đại, mọi quốc gia như ý thức công dân cần có ở mỗi người dân; tinh thần tương trợ, đoàn kết, hợp tác giữa những cá nhân trong xã hội.

HS trả lời tương tự với các mục còn lại.

* Phiếu học tập số 6

HS căn cứ vào hai văn bản để trình bày suy nghĩ về hiện tượng bệnh vô cảm trong xã hội. Có thể trình bày theo các nội dung như: Thế nào là vô cảm? Vì sao con người vô cảm? Bệnh vô cảm để lại hậu quả gì cho mỗi người và cho xã hội? Làm thế nào để giữa người với người không còn khoảng cách lạnh lùng, vô cảm, băng giá? Chú ý dung lượng, thể thức đoạn văn, phương thức biểu đạt và gắn với hai văn bản được dẫn ra trong quá trình viết.

BA CỐNG HIẾN VĨ ĐẠI CỦA CÁC MÁC

*Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do suy nghĩ của bản thân về một tình bạn đẹp.

Mục 2: HS căn cứ vào phần Tiểu dẫn để xác định thông tin chính về tác giả, văn bản; sau đó lập sơ đồ tư duy và trình bày bằng lời nội dung này.

Mục 3: HS đọc phần mở đầu và trả lời câu hỏi phần Trong khi đọc để tìm hiểu. Cụ thể, các từ ngữ được sử dụng để nói về sự ra đi của Các Mác như: "đã ngừng suy nghĩ", "ngủ thiếp đi thanh thản",



"giấc ngủ nghìn thu", "qua đời". Đây là cách nói giảm nói tránh để giảm bớt sự đau thương, Các Mác như đang đi vào cõi vĩnh hằng. Ngay trong phần mở đầu, vị trí, vai trò của Các Mác đã được tác giả khái quát: "nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng hiện đại", "con người đó ra đi là một tổn thất không sao lường hết được", "nỗi trống vắng do sự qua đời của bậc vĩ nhân ấy gây ra".

* Phiếu học tập số 2

HS trả lời các câu hỏi phần Trong khi đọc: Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác là: tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người; tìm ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với việc phát hiện ra giá trị thặng dư; đưa khoa học trở thành một động lực lịch sử, một lực lượng cách mạng. Biện pháp nghệ thuật nổi bật là so sánh tăng tiến (còn gọi là lập luận khẳng định vị trí "nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số những nhà tư tưởng hiện đại" của Các Mác như tác giả nêu ở phần đầu bài viết. Các Mác đã trở thành đỉnh cao của mọi đỉnh cao, vĩ nhân của mọi vĩ nhân, làm cho người đọc đi từ sự thán phục này đến sự ngưỡng mộ khác. Nói "ông có thể có nhiều kẻ đối địch nhưng chưa chắc đã có một kẻ thù riêng nào cả" là vì cống hiến của Các Mác là khám phá ra các quy luật phát triển của xã hội tư bản nói riêng, xã hội loài người nói chung, hoạt động cách mạng của ông cũng nằm trong quy luật ấy. Các phát kiến và hoạt động của Các Mác không nhằm chống lại một cá nhân ai. Chính vì vậy, có thể có nhiều người không tán thành với ông, nhưng chưa chắc ông đã có một kẻ thù riêng.

* Phiếu học tập số 3

Mục 1a: Văn bản được chia làm ba phần: Phần Mở đầu gồm hai đoạn văn nói về sự ra đi của Các Mác và khái quát vị trí quan trọng của ông trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Phần Nội dung gồm bốn đoạn văn tập trung khẳng định ba cống hiến vĩ đại của Các Mác. Phần Kết luận gồm hai đoạn cuối (đoạn cuối cùng chỉ gồm một câu) khẳng định sự bất tử của Các Mác.

Mục 1b: Văn bản được lập luận chặt chẽ, tất cả đều xoay xung quanh vấn đề trung tâm. Biện pháp nghệ thuật nổi bật là so sánh tăng tiến.

Mục 1c: HS có thể ghi lại những nhận thức sâu sắc về Các Mác mà bài viết đem đến cho mình như: Các Mác là nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong số các nhà tư tưởng hiện đại, cống hiến to lớn của ông đã trở thành tài sản chung của nhân loại; Các Mác vừa là một nhà khoa học, lí luận chính trị lỗi lạc, vừa là nhà hoạt động cách mạng lớn, là sự hoà kết đẹp đẽ của hai con người trong một con người: con người của phát minh, khám phá và con người của hoạt động thực tiễn.

Mục 1d: Về thái độ, tình cảm của Ăng-ghe-nhê được thể hiện trong bài viết, có thể thấy: thái độ kính trọng, đề cao, ca ngợi, tôn vinh Các Mác. Bài viết không nói nhiều đến sự mất mát mà nhấn mạnh ý nghĩa của sự sống, của cuộc đời Các Mác và những cống hiến vĩ đại của ông cho nhân loại. Bài viết cũng thể hiện tình cảm tiếc thương chân thành, sâu nặng của tác giả dành cho người bạn lớn của mình.

Mục 2: HS tự chọn đề tài để viết đoạn văn. Chú ý phương thức biểu đạt nghị luận, thể thức, dung lượng đoạn văn và yêu cầu sử dụng biện pháp so sánh tăng tiến.

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA (Trích)

* Phiếu học tập số 1

Mục 1: HS chia sẻ tự do những ấn tượng của mình về một trong số các trào lưu văn học trong giai đoạn 1930 – 1945. Ví dụ: Tôi ấn tượng nhất với trào lưu văn học hiện thực phê phán. Ở đó, tôi bắt gặp bao cảnh đời tẻ tãi của xã hội một thời. Tôi mãi nhớ tới hình ảnh người địa chủ như bà Nghị Quế vốn nhận mình ăn ở phúc đức mà rít răng đếm từng miếng giò thừa với con ở và bắt cái Tí nhặt miếng cơm của chó dưới đất để ăn. Tôi cũng không khỏi chạnh lòng trước những con người ăn ở hiền lành, chăm chỉ làm lụng như chị Dậu mà cái nghèo vẫn dồn đẩy đến bước đường cùng. Tôi cũng không hết ám ảnh với cảnh Chí Phèo chết trên vũng máu của chính mình trong cuộc đấu tranh giành giật lại lương tâm hay cái chết để bảo vệ nhân phẩm đầy đau đớn của lão Hạc...



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG

Mục 2: Phần ô chữ HS dựa vào *Tiểu dẫn* trong SGK và những kiến thức đã học về phong trào Thơ mới (tác giả, tác phẩm) để trả lời. Từ khoá là TINH THẦN THƠ MỚI – vấn đề trung tâm của văn bản *Một thời đại trong thi ca*. Trên cơ sở hoàn thành phần ô chữ, HS tự giới thiệu bằng lời những nét chính về tác giả, đoạn trích *Một thời đại trong thi ca*. Đây cũng là cách để HS tự mình huy động kiến thức về phong trào Thơ mới và nhớ ngay những kiến thức về tác giả, đoạn trích.

* Phiếu học tập số 2

Phần ô tròn trong sơ đồ gợi ý phạm vi văn bản cần đọc và câu hỏi để hiểu phần văn bản đó. Phần ô hình mũi tên là không gian để HS ghi câu trả lời. Hoàn thành sơ đồ sẽ giúp HS nhận ra dàn ý của văn bản, trên cơ sở đó có thể nhận ra mạch lập luận của tác giả Hoài Thanh. Cụ thể:

Mục 1: Vấn đề trung tâm: Tinh thần thơ mới.

Mục 2: Các căn cứ: Phải sánh bài hay với bài hay; Phải nhìn vào đại thể để xác định đặc sắc của mỗi thời; Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau, hôm nay đã phôi thai từ hôm qua, do đó tinh thần thơ mới cần được tìm hiểu, đối sánh trong mối quan hệ với thơ cũ.

Mục 3: Tinh thần của thơ mới gồm lại trong chữ "tôi", tinh thần của thơ cũ gồm lại trong chữ "ta". "Ta" là ý thức đoàn thể, "tôi" là ý thức cá nhân. Lúc đầu, *cái tôi* xuất hiện đầy ngỡ ngàng, như lạc loài nên bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu; ngày một ngày hai, nó mất dần vẻ ngỡ ngàng, được vô số người quen, người ta còn thấy nó đáng thương, tội nghiệp quá.

Mục 4: Bi kịch của *cái tôi*: Mất hết cốt cách hiền ngang ngày trước; Đi tìm bề sâu, càng đi sâu càng thấy lạnh; Thiếu vắng một lòng tin đầy đủ.

Mục 5: Các nhà thơ mới đã gửi bi kịch của mình vào tình yêu tiếng Việt, mượn tấm hồn bạch tiếng Việt chung để chia sẻ nỗi băn khoăn riêng.

Dàn ý bài viết cho thấy mạch lập luận nhất quán xoay xung quanh vấn đề trung tâm là tinh thần thơ mới. Tuy vậy, dẫn dắt cho mạch lập luận này không thuần túy lí trí mà nương theo mạch liên kết của cảm thụ thẩm mĩ, đậm dấu ấn cá nhân của nhà phê bình và giàu cảm xúc.

* Phiếu học tập số 3

Nhà phê bình Hoài Thanh hiện lên qua đại từ "ta". Việc sử dụng đại từ này cùng với cách tổ chức mạch ý gợi ra một cách "cấu tứ" riêng. Nhà phê bình như một người đọc dẫn chúng ta vào các ngõ đường khám phá tinh thần thơ mới. Ông viết về thơ mới với một sự đồng cảm, đồng điệu, như người ở trong cuộc, vì vậy dễ tạo được sự cộng cảm với đối tượng nghiên cứu và người đọc. Trong văn bản, tác giả cũng sử dụng nhiều từ ngữ gợi hình ảnh, ví dụ: nói về *cái tôi*, các từ ngữ như "bỡ ngỡ", "lạc loài"... làm cho *cái tôi* trở thành một sinh thể, có dáng dấp, hình hài, nội tâm,... làm cho văn phê bình trở nên giàu hình tượng, gần gũi với văn sáng tác. Tác giả cũng sử dụng nhiều câu cảm thán, tạo ấn tượng cảm xúc thẩm mĩ, cho thấy sự đồng điệu của tâm hồn nhà phê bình với đối tượng phê bình. Nhiều câu văn điệp cấu trúc, nhiều vế trong những câu dài có sự luân phiên bằng trắc hài hoà, tạo thanh điệu nhịp nhàng,... Tất cả tạo nên một phong cách phê bình thiên về cảm xúc, ấn tượng, chính xác mà tài hoa, tinh tế, nói như tác giả là "lấy hồn tôi để hiểu hồn người".

* Phiếu học tập số 4

HS lựa chọn những câu thơ mà mình cho là thể hiện tình yêu tiếng Việt sâu sắc nhất của mỗi nhà thơ được dẫn ra. HS có thể có ý kiến riêng về việc lựa chọn, miễn là đảm bảo yêu cầu. Từ đó, HS trực tiếp bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc chân thành của bản thân mình và thể hệ mình về tình yêu và sáng tạo tiếng Việt, cần nhắc lựa chọn khi sử dụng hoặc

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.37547735 | Fax: 024.37547911
Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PGS.TS. NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: GS.TS. ĐỖ VIỆT HÙNG

Biên tập nội dung:

TRẦN THỊ LỖ

Thiết kế sách:

NGUYỄN NĂNG HƯNG

Trình bày bìa:

NGUYỄN ĐỨC HUY

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN CHƯƠNG QUA HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP LỚP 11 – TẬP HAI

ISBN 978-604-54-3978-4

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Xí nghiệp In – Nhà máy Z176
Địa chỉ: 64 phố Vọng Thị – P. Bưởi – Q. Tây Hồ – TP. Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 34-2018/CXBIPH/155-01/ĐHSP
Quyết định xuất bản số: 21/QĐ-NXBĐHSP ngày 15/01/2018
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2018.



8 935220 567120

Giá: 35.000đ

Giá: 35.000đ